

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

Lê Thị Hoài Hương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ Ở XÃ NINH
TIẾN, THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

Mã sinh viên: 2552490011

Ngành: Sư phạm Lịch sử - Địa lí

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

Lê Thị Hoài Hương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ Ở XÃ NINH
TIỀN, THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

Mã sinh viên: 2552490011

Ngành: Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Người hướng dẫn: TS. Đinh Văn Viễn

NINH BÌNH, 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những kết quả trong đề tài Khóa luận: “Hệ thống di tích lịch sử văn hóa ở xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình” là quá trình nghiên cứu tìm hiểu của cá nhân tôi, tôi xin đảm bảo rằng tôi không sao chép ở bất cứ tài liệu tương tự mà tất cả được trình bày dựa trên là quan điểm của cá nhân tôi trong quá trình nghiên cứu, những nguồn tài liệu được sử dụng đảm bảo có nguồn gốc xuất xứ cụ thể, rõ ràng và được trích dẫn đúng theo quy định. Nếu sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của Nhà trường.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025.

Sinh viên

Lê Thị Hoài Hương

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. Họ tên người hướng dẫn: T.S Đinh Văn Viễn
2. Đơn vị: Khoa Văn hóa - Du lịch
3. Họ và tên sinh viên: Lê Thị Hoài Hương
4. Mã sinh viên: 2552490011
5. Khoa: Sư phạm Trung học
6. Tên đề tài khóa luận: Hệ thống di tích lịch sử ở xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tôi xác nhận rằng tôi đã trực tiếp hướng dẫn sinh viên Lê Thị Hoài Hương thực hiện khóa luận tốt nghiệp và đồng ý cho sinh viên Lê Thị Hoài Hương được phép bảo vệ đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học mà sinh viên đã thực hiện!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025.

Người hướng dẫn

Đinh Văn Viễn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
1. Tính cấp thiết của đề tài	3
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	7
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	7
5. Phương pháp nghiên cứu.....	7
6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn.....	8
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	9
1.1. Một số vấn đề lý luận chung	9
1.1.1. Di tích lịch sử	9
1.1.2. Tiêu chí, phân loại của di tích lịch sử	10
1.1.3. Vai trò của di tích lịch sử.....	12
1.2. Khái quát về xã Ninh Tiến	14
1.2.1. Vị trí địa lý	14
1.2.2. Điều kiện tự nhiên.....	14
1.2.3. Lịch sử hình thành, phát triển	15
1.2.4. Truyền thống văn hóa xã Ninh Tiến.....	17
Tiểu kết chương 1	20
CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NINH TIẾN	21
2.1. Đình làng Hoàng Sơn	21
2.1.1. Lịch sử hình thành, trùng tu	21
2.1.2. Nhân vật phụng thờ.....	21
2.1.3. Kiến trúc, điêu khắc	22
2.1.4. Nghi lễ, lễ hội.....	24
2.2. Đền Hạ.....	26
2.2.1. Lịch sử hình thành, trùng tu	26
2.2.2. Nhân vật phụng thờ.....	27
2.2.3. Kiến trúc, điêu khắc	28
2.2.4. Nghi lễ, lễ hội.....	29
2.3. Đền thờ Đức Thánh Trần	30
2.3.1. Lịch sử hình thành, trùng tu	30
2.3.2. Nhân vật phụng thờ.....	31
2.3.3. Kiến trúc, điêu khắc	32
2.3.4. Nghi lễ, lễ hội.....	34
2.4. Đền Vua Lộ.....	35
2.4.1. Lịch sử hình thành, trùng tu	35
2.4.2. Nhân vật phụng thờ.....	36
2.4.3. Kiến trúc, điêu khắc	37
2.4.4. Nghi lễ, lễ hội.....	38
2.5. Đền Sắt	38

2.5.1. Lịch sử hình thành, trùng tu	38
2.5.2. Nhân vật phụng thờ	40
2.5.3. Kiến trúc, điêu khắc	41
2.5.4. Nghi lễ, lễ hội	44
2.6. Chùa Cổ Loan.....	46
2.6.1. Lịch sử hình thành, trùng tu	46
2.6.2. Nhân vật phụng thờ	47
2.6.3. Kiến trúc, điêu khắc	49
2.6.4. Nghi lễ, lễ hội	51
2.7. Chùa Phúc Sơn	51
2.7.1. Lịch sử hình thành, trùng tu	52
2.7.2. Nhân vật phụng thờ	52
2.7.3. Kiến trúc, điêu khắc	53
2.7.4. Nghi lễ, lễ hội	54
Tiểu kết Chương 2.....	56
CHƯƠNG 3. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ HỆ THỐNG DI TÍCH	
LỊCH SỬ TRÊN ĐỊA BÀN NINH TIẾN	58
3.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử	58
3.1.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử	58
3.1.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử	59
3.2. Hiện trạng bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử ở Ninh Tiến....	61
3.2.1. Công tác quản lý nhà nước về di tích ở Ninh Tiến	61
3.2.2. Hoạt động bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích ở Ninh Tiến	63
3.2.3. Hoạt động quảng bá, phát huy giá trị di tích ở Ninh Tiến	65
3.3. Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến.....	67
3.3.1. Bảo tồn và phục hồi di tích	67
3.3.2. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về di tích	70
3.3.3. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích	72
3.3.4. Phát triển du lịch gắn với quảng bá, phát huy giá trị di tích	75
Tiểu kết Chương 3	78
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	80
1. Kết luận	80
2. Kiến nghị	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	82
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam ta qua bao biến động và thăng trầm lịch sử, trải qua không biết bao nhiêu cuộc chiến tranh xâm lược để có thể bảo vệ được nền độc lập như ngày nay, từng mảnh đất dưới chân đều thấm đượm giá trị lịch sử - văn hóa còn đọng lại, ghi dấu công lao, lòng yêu nước của quân và dân ta bao đời nay.

Di tích lịch sử - văn hóa là những dấu vết còn sót lại của quá khứ, để dù ngàn năm nữa có đi qua, giá trị mà mỗi di tích để lại sẽ luôn là lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, sự đoàn kết toàn dân và truyền thống văn hóa hàng ngàn năm văn hiến. Di tích lịch sử - văn hóa cũng chính là “tiếng vang” của quá khứ, là “lời nói” của lịch sử, là minh chứng cho lịch sử đấu tranh, dựng nước và giữ nước của dân tộc, cũng là nhân chứng sống trong những cuộc chiến tranh mà Việt Nam ta đã trải qua. Giúp chúng ta hiểu được cội nguồn, lịch sử đất nước, truyền thống yêu nước và giá trị của nền độc lập. Chính vì vậy, di tích lịch sử - văn hóa chính là những giá trị giúp cho lớp trẻ có cách nhìn đúng đắn và sâu sắc với lịch sử dân tộc, với bản sắc văn hóa dân tộc ta, từ đó, góp phần vào việc gìn giữ giá trị bản sắc văn hóa dân tộc.

Công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy các giá trị văn hóa tại các di tích luôn được quan tâm thực hiện, song vẫn còn nhiều khó khăn. Trong thời gian qua, nhận được sự quan tâm của các ban ngành, các cấp trong toàn Tỉnh, công tác bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của di tích gắn với phát triển du lịch được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh ủy, UBND. Ngày 28/5/2024, tại Hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có mục tiêu đến năm 2035, tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đã xác định “Lấy du lịch, công nghiệp văn hóa gắn với kinh tế di sản làm mũi nhọn” là một trong bốn ngành kinh tế trụ cột.

Bên cạnh đó, nhân dân ta luôn có ý thức gìn giữ và bảo vệ những “hòn ngọc quý” của cha ông, của thời đại để lại, đồng thời, kế thừa những truyền thống tốt đẹp của cha ông theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng nền văn hóa Việt đậm đà bản sắc dân tộc.

Tỉnh Ninh Bình là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, gắn liền với nhiều danh thắng nổi tiếng mang tầm dân tộc và nhân loại; là nơi bảo tồn, lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc; nhiều giá trị văn hóa - lịch sử - sinh thái tự nhiên độc đáo, đặc sắc riêng. Ninh Bình là một trong 8 tỉnh, thành phố có Di sản thế giới và là

địa phương duy nhất của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á sở hữu di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên - Quần thể danh thắng Tràng An, các điểm đến du lịch nổi tiếng như Vườn Quốc gia Cúc Phương, động Am Tiên, vườn chim Thung Nham, đầm Vân Long ... cùng nhiều nghề thủ công truyền thống đa dạng.

Theo “Lịch sử Đảng bộ xã Ninh Tiến” vùng đất Ninh Tiến có từ thế kỷ thứ X, thế kỷ thứ XI. Thế kỷ thứ XIII triều Trần Ninh Tiến thời đó là “Kinh đô kháng chiến”, góp phần quan trọng về quân đội cùng lương thảo, cùng nhân dân ta đánh đuổi giặc Nguyên - Mông. Trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước, từ đời này qua đời khác đã góp công góp sức với dân tộc để làm nên lịch sử. Một số người có công lớn được vua ban bổng lộc, phong tước sắc. Các ông Hoàng Khắc Vy, Hoàng Phúc Tường, Hoàng Phúc Tựa, Hoàng Danh Quán là những võ tướng thời Hậu Lê có công phò vua, giúp nước dẹp giặc. Đến thời kỳ 1885-1895, nhận thấy âm mưu của thực dân Pháp và sự sụp đổ của triều Nguyễn, nhân dân Ninh Tiến tiêu biểu như các ông Đinh Đức Tân, Hoàng Văn Hòa, Hoàng Phúc Tiệp, Hoàng Văn Chiến đã tập hợp nhân dân, gia nhập đội quân chống Pháp ở Yên Thế (Bắc Giang). Đất nước ta đã phải trải qua những cuộc chiến tranh cam go, khốc liệt để giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Qua hàng nghìn năm lịch sử, nơi đây còn đọng lại bao truyền thống tốt đẹp, quý báu, được hun đúc, vun đắp bởi bao thế hệ người dân Ninh Tiến.

Nhận thức sâu sắc vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch của địa phương và của đất nước. Đồng thời, bản thân là người con của quê hương Ninh Bình, việc nghiên cứu, tìm hiểu về công tác bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến – thành phố Ninh Bình – tỉnh Ninh Bình có ý nghĩa thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức về lý luận và thực tiễn đối với vấn đề bảo tồn và phát huy di tích lịch sử, đồng thời là nguồn tư liệu quan trọng để vận dụng trong học tập và thực tiễn nghề nghiệp sau này. Vì vậy, tôi mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hệ thống di tích lịch sử ở xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình”*** làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Các công trình nghiên cứu về lý luận di tích, bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử

Trong đó, Ninh Bình là một trong những nơi bảo tồn, lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của nước ta, vậy nên, việc tìm hiểu về các giá trị lịch sử và giá trị văn hóa của Ninh Bình, đặc biệt là các di tích lịch sử của Ninh Bình được một số học giả quan tâm, nghiên cứu.

Tác giả Dương Văn Sáu trong Giáo trình *“Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam”*, năm 2007 đã trình bày khái niệm, đặc điểm, tiêu chí xác định và phân loại di tích lịch sử - văn hóa; những vấn đề chung về di sản văn hóa và hệ thống di tích lịch sử - văn hóa Việt Nam. Trong cuốn *“Di sản văn hóa Việt Nam – Bản sắc và những vấn đề về quản lý, bảo tồn”* của tác giả Nguyễn Thịnh (2012) đã trình bày khái niệm, các tính chất, đặc điểm và cách thức phân loại di tích lịch sử - văn hóa. Qua hai tác phẩm trên, ta có thể tìm hiểu về di tích lịch sử - văn hóa nói chung và di tích lịch sử nói riêng theo hai góc độ khác nhau, từ đó, có cái nhìn đa chiều về di tích lịch sử và di tích lịch sử - văn hóa.

Luận án *“Quản lý di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Thái Bình”* của Nguyễn Tri Phương, năm 2023 đã đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích ở tỉnh Thái Bình và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động quản lý di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của hệ thống di tích ở tỉnh Thái Bình.

Trong cuốn *“Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc”* năm 1997, tác giả Hoàng Vinh đã nêu lý luận chung về di sản văn hóa, vai trò và chức năng của di sản văn hóa. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã phân tích cụ thể chính sách về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc qua các thời kỳ Đại hội Đảng, đánh giá thực trạng di sản văn hóa, đưa ra những giải pháp cụ thể về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

2.2. Các công trình nghiên cứu về các di tích lịch sử ở Ninh Bình

Các khóa luận, luận văn về hệ thống các di tích, hiện trạng và giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của di tích lịch sử ở Ninh Bình:

Luận văn *“Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình”* của Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, năm 2018 đã trình bày một số lý luận về quản lý di tích lịch sử văn hóa, cơ chế quản lý di tích lịch sử văn hóa. Trong đó, nêu rõ xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, mỗi quốc gia dân tộc đều đang hướng tới việc tôn trọng sự đa dạng văn hóa và bảo vệ, tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc để

tạo nền tảng tinh thần cho phát triển. Có thể nói kinh tế và văn hóa là hai yếu tố tương tác, phụ thuộc và bổ sung hỗ trợ cho nhau, lĩnh vực văn hóa đang được các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam ta nói riêng chú trọng, quan tâm, thông qua văn hóa chúng ta có thể quảng bá, giới thiệu về hình ảnh đất nước mình, từ đó tạo điều kiện cho phát triển ngành kinh tế du lịch. Phát triển văn hóa góp phần thúc đẩy việc phát triển kinh tế, đồng thời, phát triển kinh tế thì lại tạo điều kiện và nguồn lực để nâng cao hơn nữa công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích.

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc là nhiệm vụ then chốt, vô cùng quan trọng của Chiến lược phát triển văn hóa. Trong thời gian qua, việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn huyện Hoa Lư ngày càng được quan tâm, chú trọng. Trong khóa luận tốt nghiệp *“Thực trạng và giải pháp bảo tồn một số di tích lịch sử - văn hóa chùa và động trên địa bàn huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình”* của Đỗ Thị Phương Thúy, Trường đại học Hoa Lư, năm 2014 đã trình bày thực trạng di tích lịch sử - văn hóa chùa và động trên địa bàn huyện Hoa Lư, từ đó đưa ra một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của các di tích đó.

Khóa luận tốt nghiệp *“Tìm hiểu một số di tích thờ Định Quốc Công Nguyễn Bặc trên địa bàn xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình”* của Nguyễn Thị Thanh Nhân, Trường đại học Hoa Lư, năm 2013 và khóa luận tốt nghiệp *“Tìm hiểu một số di tích lịch sử chưa được xếp hạng tại xã Trường Yên (Hoa Lư - Ninh Bình)”* của Trịnh Thị Bích, Trường đại học Hoa Lư, năm 2014 đã tìm hiểu về các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của các di tích đó.

Qua các công trình nghiên cứu của mình, các tác giả đã nêu lên được quan điểm của bản thân, thực trạng một số di tích lịch sử và đề xuất một số giải pháp bảo tồn các di tích lịch sử ở tỉnh Ninh Bình.

2.3. Các công trình nghiên cứu về Ninh Tiến

“Lịch sử Đảng bộ xã Ninh Tiến (1945-2010)” (2014) đã trình bày khái quát về đặc điểm tự nhiên, đặc điểm về dân cư, về kinh tế - xã hội và truyền thống – văn hóa của xã Ninh Tiến. Đồng thời làm rõ quá trình khởi nghĩa giành chính quyền (8/1945), xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng của nhân dân Ninh Tiến, Đảng bộ xã lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới những năm 1986-1995 và tiến hành công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn những năm 1996-2010.

“Lịch sử làng Hoàng Sơn” của Chi ủy – Ban lãnh đạo – Ban chủ nhiệm HTX thôn Hoàng Sơn năm 2017 đã trình bày quá trình hình thành và phát triển, những phong tục tập quán, truyền thống lâu đời của thôn Hoàng Sơn.

“*Quản lý di tích đình Hoàng Sơn, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình*” của Bùi Thu Hằng, năm 2019 đã nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động quản lý di tích đình Hoàng Sơn, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của di tích này.

Tại “*Hồ sơ di tích đền Hạ*”, “*Hồ sơ di tích đền Đức Thánh Trần*”, “*Hồ sơ di tích đền Vua Lộ*”, “*Hồ sơ di tích đền Sắt*” và “*Hồ sơ di tích Đình làng Hoàng Sơn*” lưu trữ tại Sở Văn hóa tỉnh đã đề cập đến sự kiện - nhân vật lịch sử, đặc điểm kiến trúc, các hiện vật di tích và các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian tại các di tích này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là hệ thống di tích ở xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu từ khi các di tích xuất hiện cho đến nay trên địa bàn xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu các giá trị về lịch sử - văn hóa tại các di tích ở xã Ninh Tiến, từ đó khóa luận đề xuất một số giải pháp trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của các di tích đó.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích đề ra, khóa luận tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể sau:

Nghiên cứu về cơ sở lý luận liên quan đến đề tài.

Tìm hiểu về giá trị lịch sử - văn hóa, nhân vật thờ phụng, kiến trúc, điêu khắc, các hiện vật và lễ hội tại các di tích tại xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Đánh giá chung về hiện trạng và đề xuất một số giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử đó.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: là phương pháp thu thập thông tin thông qua các tài liệu, sách báo nhằm mục đích tìm chọn những khái niệm cơ bản về di tích làm cơ sở lý luận của đề tài.

Phương pháp lịch sử: tìm hiểu và mô tả lại những sự kiện, nhân vật liên quan, quá trình hình thành, trùng tu các di tích lịch sử - văn hóa ở xã Ninh Tiến.

Phương pháp điền dã: điều tra tại các di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến, trên cơ sở đó, để quan sát, miêu tả, phỏng vấn, thu thập tài liệu, hiện vật có ở các di tích.

Các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của ngành bảo tàng để đánh giá hiện trạng, đưa ra các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử đó.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của khóa luận sẽ góp phần bổ sung tư liệu về các di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến trong hệ thống di tích lịch sử Ninh Bình nói riêng và hệ thống di tích Việt Nam nói chung. Đồng thời, làm rõ thực trạng bảo tồn của hệ thống các di tích tại xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài có ý nghĩa thực tiễn trong việc tăng cường nhận thức về công tác bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử; đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của các di tích lịch sử đó.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Một số vấn đề lý luận chung

1.1.1. Di tích lịch sử

Di tích là một bộ phận của di sản văn hóa vật thể, là tài sản vô giá của mỗi dân tộc, một cộng đồng dân cư, xã hội. Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về di tích.

Trong tiếng Anh, di tích - Monument, Relic, Traces, Vestiges - là những dấu vết còn sót lại của quá khứ, có ý nghĩa lịch sử.

Từ điển Bách khoa Việt Nam định nghĩa: *“Di tích là các loại dấu vết của quá khứ, là đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học, Sử học... Di tích là di sản văn hóa - lịch sử được pháp luật bảo vệ, không ai được tùy tiện dịch chuyển, thay đổi, phá hủy”* [19; tr.667].

Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên thế giới (1972) của Liên Hợp Quốc xác định: *“Các di tích: các công trình kiến trúc, điêu khắc hoặc hội họa hoành tráng, các yếu tố hay kết cấu có tính chất khảo cổ học, các văn bản, các hang động và các nhóm yếu tố có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học.”*

Theo khoản 1 Điều 21 Luật Di sản văn hóa 2024, di tích lịch sử là gồm di tích lưu niệm sự kiện lịch sử, văn hóa, di tích lưu niệm danh nhân [15]. Trong đó, di tích lịch sử được các xếp hạng như sau: Di tích lịch sử cấp tỉnh; Di tích lịch sử cấp quốc gia; Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt.

Như vậy, di tích là những dấu vết của quá khứ, có giá trị về lịch sử, văn hoá, khoa học, thẩm mỹ và thể hiện đặc trưng của di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Di tích là một bộ phận của di sản văn hóa vật thể, một phần do thiên nhiên ban tặng và quan trọng hơn được hình thành trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của các thế hệ người Việt Nam, mang bản sắc địa phương, phản ánh ký ức tập thể của mỗi địa vực hoặc cộng đồng. Đó là những bằng chứng vật chất có ý nghĩa quan trọng, giúp con người biết được cội nguồn, hiểu về truyền thống lịch sử, đặc trưng văn hoá của dân tộc mình.

Lịch sử là bản thân hiện thực khách quan, với tất cả những sự kiện, hiện tượng xảy ra trong quá khứ. Từ khi xuất hiện trên trái đất, trải qua hàng triệu năm đấu tranh vì sự sinh tồn và phát triển, con người đã để lại những dấu vết, minh chứng cho quá khứ có thật của mình, đó chính là di tích lịch sử.

Trong Đại từ điển tiếng Việt, di tích lịch sử văn hoá được hiểu là: *“Tổng thể những công trình, địa điểm, đồ vật hoặc tác phẩm, tài liệu có giá trị lịch sử hay giá trị văn hóa được lưu lại”* [20, tr.414]

Theo Điều 1 của Hiến chương Quốc tế về Bảo tồn và Trùng tu Di tích và Di chỉ (1964) tại Đại hội Quốc tế lần thứ hai các Kiến trúc sư và Kỹ thuật gia về Di tích lịch sử đã xác định: *“Khái niệm di tích lịch sử không chỉ là một công trình kiến trúc đơn chiếc mà cả khung cảnh đô thị hoặc nông thôn có chứng tích của một nền văn minh riêng, một phát triển có ý nghĩa hoặc một sự kiện lịch sử. Khái niệm này không chỉ áp dụng với những công trình nghệ thuật to lớn mà cả với những công trình khiêm tốn hơn vốn đã, cùng với thời gian, thấm nhập được một ý nghĩa văn hoá”*.

Luận văn “Sử dụng di tích lịch sử trong DHLS dân tộc ở trường THCS” của Hoàng Thanh Hải chỉ ra tiêu chí đầu tiên để xác định một di tích lịch sử là nó phải có thực từ trước và lưu giữ đến ngày nay, bao giờ cũng gắn liền, phản ánh, ghi nhận, minh chứng một sự kiện, nhân vật lịch sử, đặc biệt là những sự kiện lịch sử lớn, quan trọng.

Trong Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông, Phan Ngọc Liên khẳng định: di tích lịch sử *“là dấu vết còn lại của một thời kỳ lịch sử đã qua. di tích lịch sử là đối tượng nghiên cứu của Sử học, Khảo cổ học”*

Tiêu chuẩn quốc gia - TCVN 10382:2014 (di sản văn hóa và các vấn đề liên quan thuật ngữ và định nghĩa chung) định nghĩa: *“di tích lịch sử (Historical site/monument): Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện tiêu biểu hoặc gắn với thân thể, sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong các thời kỳ lịch sử, đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật”* [6, tr.18].

Di tích lịch sử là những dấu vết còn lại của một thời kỳ lịch sử gắn với sự kiện tiêu biểu hoặc gắn với thân thể, sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong các thời kỳ lịch sử. Nhiều di tích lịch sử có giá trị về văn hoá, phản ánh sự phát triển của văn hoá ở một giai đoạn nhất định.

1.1.2. Tiêu chí, phân loại của di tích lịch sử

Theo Điều 22 Luật di sản văn hóa 2024, tiêu chí nhận biết di tích lịch sử đó là di tích lịch sử phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

“a) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương trong quá trình dựng nước và giữ nước;

b) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử;

c) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với lịch sử phát triển công nghiệp, đô thị, nông thôn có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.”

Việc phân loại di tích lịch sử có vai trò quan trọng, giúp GV hiểu được đặc điểm, giá trị của từng loại di tích lịch sử, từ đó lựa chọn hình thức, biện pháp khai thác phù hợp với trình độ của HS và điều kiện của nhà trường.

Theo Điều 29 của Luật di sản văn hóa sửa đổi 2009 thì di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi chung là di tích) được xếp hạng như sau:

“Di tích cấp tỉnh là di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương, bao gồm:

- Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu sự kiện, mốc lịch sử quan trọng của địa phương hoặc gắn với nhân vật có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của địa phương trong các thời kỳ lịch sử;

- Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị trong phạm vi địa phương;

- Địa điểm khảo cổ có giá trị trong phạm vi địa phương;

- Cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật có giá trị trong phạm vi địa phương.

Di tích quốc gia là di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia, bao gồm:

- Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu sự kiện, mốc lịch sử quan trọng của dân tộc hoặc gắn với anh hùng dân tộc, danh nhân, nhà hoạt động chính trị, văn hóa, nghệ thuật, khoa học nổi tiếng có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình lịch sử của dân tộc;

- Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam;

- Địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển của văn hóa khảo cổ;

- Cảnh quan thiên nhiên đẹp hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù.

Di tích quốc gia đặc biệt là di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia, bao gồm:

- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện đánh dấu bước chuyển biến đặc biệt quan trọng của lịch sử dân tộc hoặc gắn với anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu có ảnh hưởng to lớn đối với tiến trình lịch sử của dân tộc;
- Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị đặc biệt đánh dấu các giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam;
- Địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển văn hóa khảo cổ quan trọng của Việt Nam và thế giới;
- Cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật có giá trị đặc biệt của quốc gia hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học và hệ sinh thái đặc thù nổi tiếng của Việt Nam và thế giới.” [14]

Căn cứ vào giá trị lịch sử, văn hoá và khoa học, di tích lịch sử được xếp hạng thành 03 hạng là di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

- Di tích lịch sử cấp tỉnh là những di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương, có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử và văn hoá của tỉnh;
- Di tích lịch sử cấp quốc gia là những di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia. Đây là những công trình, địa điểm hay di vật mang tính biểu tượng và có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử và văn hoá của toàn quốc.
- Di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt là những di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia, được xem là những biểu tượng của quốc gia. Đây là những công trình, địa điểm hay di vật có ý nghĩa lịch sử, văn hoá và khoa học quan trọng, độc đáo và đặc sắc.

Qua việc xếp hạng di tích như vậy, chính quyền và các cơ quan chức năng có thể chú trọng hơn vào việc bảo tồn, quản lý và khai thác các di tích lịch sử một cách hợp lý và hiệu quả, nhằm bảo vệ và phát huy giá trị lịch sử, văn hoá và khoa học của di sản này.

1.1.3. Vai trò của di tích lịch sử

Di tích lịch sử là minh chứng quan trọng và sinh động về một quá trình phát triển của một quốc gia, một dân tộc qua các thời kỳ lịch sử. Những công trình kiến trúc, đền đài, lăng tẩm còn được gìn giữ đến ngày nay, cùng với các di vật, cổ vật gắn liền với các sự kiện và nhân vật lịch sử tạo nên một bức tranh lịch sử đầy đủ, sống động và chân thực. Di tích lịch sử giúp chúng ta tìm về cội

nguồn, hiểu về quá khứ hào hùng của dân tộc, từ đó trân trọng và phát huy những giá trị mà cha ông đã để lại.

Thông qua các di tích lịch sử, thế hệ trẻ có cơ hội học hỏi, tìm hiểu về truyền thống, văn hóa và lịch sử dân tộc. Khi tham quan, chiêm ngưỡng những công trình kiến trúc cổ kính, kỳ vĩ hay những hiện vật gắn liền với các sự kiện lịch sử trọng đại, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm với quê hương đất nước sẽ được hun đúc và phát huy. Di tích lịch sử trở thành một phương tiện hiệu quả trong công tác giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, góp phần xây dựng ý thức công dân và bản lĩnh văn hóa Việt Nam cho thế hệ trẻ trong thời kỳ hội nhập.

Bên cạnh đó, các di tích lịch sử còn là nguồn tài nguyên quý giá cho phát triển nền kinh tế, đặc biệt là ngành kinh tế du lịch. Nhiều di tích với kiến trúc độc đáo, vẻ đẹp cổ kính cùng những câu chuyện lịch sử hấp dẫn đã và đang trở thành những điểm đến thu hút du khách từ trong và ngoài nước. Du lịch gắn với di tích lịch sử sẽ tạo động lực phát triển nền kinh tế địa phương, đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho ngân sách và tạo công ăn việc làm cho cộng đồng dân cư. Đây cũng là cách thức hiệu quả để đưa hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Không chỉ vậy, di tích lịch sử còn là một không gian văn hóa để gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể như các lễ hội truyền thống, tín ngưỡng thờ cúng, các nghề thủ công truyền thống, ... Tại không gian di tích, các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng được diễn ra thường xuyên, tạo sức sống mới và làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân. Qua đó, các giá trị văn hóa được lưu giữ và truyền lại một cách tự nhiên từ thế hệ này sang thế hệ khác, góp phần gìn giữ và làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay.

Để phát huy những giá trị lịch sử và văn hóa của di tích, chúng ta cần có những chính sách và hành động cụ thể trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Tăng cường công tác thống kê, kiểm kê và nghiên cứu để có đầy đủ cơ sở dữ liệu về di tích. Từ đó, tiếp tục tiến hành bảo tồn, tu bổ và phục hồi các di tích lịch sử xuống cấp. Đồng thời tổ chức khai thác hợp lý, triển khai các sản phẩm du lịch gắn với các di tích lịch sử để vừa bảo tồn vừa phát huy giá trị di tích, đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc giữ gìn và bảo vệ di tích. Có như vậy, di tích lịch sử mới thực sự trở thành “báu vật quốc gia”, là cầu nối giữa quá khứ

với hiện tại và tương lai, là nền tảng của văn hóa và là động lực của sự phát triển đất nước.

1.2. Khái quát về xã Ninh Tiến

1.2.1. Vị trí địa lý

Xã Ninh Tiến nằm ở phía Tây Nam thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình với diện tích tự nhiên là 5,20km², trong đó có 243ha đất nông nghiệp. Ninh Tiến có vị trí địa lý khá thuận lợi khi giáp với phường Nam Thành ở phía Đông, xã Ninh Xuân ở phía Tây, xã Ninh Thắng ở phía Nam và xã Ninh Nhất ở phía Bắc.

Ninh Tiến có hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy rất thuận tiện từ xưa tới nay. Xã nằm gần Quốc lộ 1A và có tuyến đường vành đai 477 chạy qua. Bên cạnh đó, sông Chanh đào từ thời Hậu Lê chảy qua giữa xã, chia Ninh Tiến thành hai khu vực là khu Tây Nam và khu Đông Bắc. Với vị trí địa lý thuận tiện như vậy, Ninh Tiến có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

1.2.2. Điều kiện tự nhiên

Theo Lịch sử Đảng bộ xã Ninh Tiến, xã Ninh Tiến nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình của miền Bắc Việt Nam. Nhiệt độ trung bình hàng năm dao động từ 23-24°C, có hai mùa rõ rệt là mùa hè nóng ẩm và mùa đông lạnh khô. Mùa hè kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, nhiệt độ có thể lên tới 38-39°C vào những ngày nắng nóng cao điểm. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, nhiệt độ trung bình khoảng 16-17°C, thỉnh thoảng có thể xuống dưới 10°C vào những đợt rét đậm.

Lượng mưa trung bình hàng năm của Ninh Tiến khá cao, phổ biến trong khoảng 1600-1800mm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa mưa thường kèm theo những cơn bão và áp thấp nhiệt đới gây mưa to, gió lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân. Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4, lượng mưa giảm mạnh và thi thoảng sẽ xảy ra tình trạng hạn hán, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

Về địa hình, xã Ninh Tiến có địa hình tương đối đa dạng với cả vùng đồng bằng, đồi núi thấp và hệ thống sông ngòi. Phần lớn diện tích của Ninh Tiến là đồng bằng với những cánh đồng lúa bằng phẳng, màu mỡ. Đất đai chủ yếu là phù sa sông Chanh và sông Đáy được bồi đắp qua hàng nghìn năm, rất thích hợp cho việc trồng lúa nước, hoa màu và cây ăn quả. Phía tây của xã có một dải đồi núi thấp chạy dọc, gồm chủ yếu là đồi đất và đá vôi. Những ngọn

đồi thấp với độ cao trung bình 30-50m tạo nên cảnh quan tự nhiên hài hòa và đẹp mắt.

Theo Lịch sử Đảng bộ xã Ninh Tiến, xã Ninh Tiến có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc. Sông Chanh là con sông chính chảy qua địa bàn xã từ thời Hậu Lê, chia Ninh Tiến thành hai khu vực là Đông Bắc và Tây Nam. Tuy nhiên, ngày nay xã Ninh Tiến không còn được chia thành 2 bên sông nữa mà chỉ còn sông Sào Khê chảy quanh địa phận xã.

Nhìn chung xã Ninh Tiến có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Khí hậu ôn hòa với lượng mưa dồi dào là điều kiện lý tưởng để trồng lúa và hoa màu. Hệ thống sông ngòi và địa hình đồng bằng giúp việc tưới tiêu và canh tác trở nên dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, Ninh Tiến còn có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái dựa trên cảnh quan thiên nhiên hài hòa của đồi núi, đồng ruộng và dòng sông.

Tuy nhiên, Ninh Tiến cũng đối mặt với một số thách thức từ điều kiện tự nhiên. Thời tiết khắc nghiệt vào mùa hè với nắng nóng kéo dài và mùa đông với rét đậm, rét hại có thể tác động tiêu cực đến cây trồng. Mưa bão và lũ lụt trong mùa mưa đôi khi gây thiệt hại nặng nề cho mùa màng, công trình và đời sống người dân. Những vấn đề này đòi hỏi địa phương cần có giải pháp ứng phó hiệu quả để giảm thiểu thiệt hại, đồng thời tận dụng tốt các lợi thế về điều kiện tự nhiên để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

1.2.3. Lịch sử hình thành, phát triển

Theo ghi chép trong lịch sử Đảng bộ xã Ninh Tiến, vùng đất này đã có từ thế kỷ X, thế kỷ XI. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử với bao thăng trầm, biến cố, Ninh Tiến vẫn luôn giữ được nét đặc trưng riêng và không ngừng phát triển.

Ninh Tiến xưa từng là một phần của kinh đô Hoa Lư cổ dưới thời nhà Đinh, nhà Tiền Lê. Đến thế kỷ XIII dưới triều Trần, Ninh Tiến đóng vai trò “Kinh đô kháng chiến” quan trọng. Trước sự xâm lược của quân Nguyên Mông hùng mạnh, triều đình nhà Trần đã rời Thăng Long về đóng tại vùng đất Ninh Bình ngày nay. Có thể nói vùng đất Ninh Tiến cổ đã chứng kiến và góp phần vào chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta trước ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập tự chủ của đất nước ta.

Trải qua các triều đại phong kiến, đến thời Hậu Lê (thế kỷ XVII-XVIII), sông Chanh được đào chảy qua giữa vùng đất Ninh Tiến, tạo nên mạng lưới giao thông thủy thuận tiện cho giao thương và đi lại của người dân. Sự ra đời

của sông Chanh đánh dấu một bước tiến quan trọng về thủy lợi và giao thông của địa phương.

Đến thời Pháp thuộc và trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Ninh Tiến là một vùng quê giàu truyền thống yêu nước, nhiều thanh niên trai tráng của Ninh Tiến đã lên đường tham gia cách mạng, chiến đấu anh dũng trong các trận đánh lớn.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, mở ra kỷ nguyên mới cho đất nước. Từ sau cách mạng đến nay, Ninh Tiến đã trải qua nhiều thay đổi về địa giới hành chính. Tên gọi Ninh Tiến được chính thức đặt vào năm 1956 sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất. Lúc này xã gồm các thôn Phúc Sơn, Hoàng Sơn, Phủ Vồng, Cỏ Loan và Phúc Trì, trực thuộc huyện Gia Viễn (nay là huyện Hoa Lư).

Ngày 2 tháng 11 năm 1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 69-CP về việc thành lập phường Nam Thành thuộc thị xã Ninh Bình trên cơ sở sáp nhập 44,87 ha diện tích tự nhiên và 1.207 nhân khẩu của thôn Phúc Trì, xã Ninh Tiến thuộc huyện Hoa Lư. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Ninh Tiến còn lại 518,29 ha diện tích tự nhiên và 4.047 nhân khẩu với 4 thôn: Phúc Sơn, Hoàng Sơn, Cỏ Loan Trung, Cỏ Loan Hạ.

Đến năm 2004, trong quá trình mở rộng địa giới hành chính thành phố Ninh Bình, xã Ninh Tiến được sáp nhập về thành phố, trực thuộc sự quản lý của thành phố. Thôn Phúc Trì được tách ra nhập về phường Nam Thành. Xã Ninh Tiến còn lại 4 thôn Phúc Sơn, Hoàng Sơn, Cỏ Loan Trung, Cỏ Loan Hạ. Đến ngày 7 tháng 2 năm 2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2007/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Ninh Bình thuộc tỉnh Ninh Bình. Xã Ninh Tiến trực thuộc thành phố Ninh Bình.

Năm 2009, xã Ninh Nhất được chia làm 9 thôn: Phúc Sơn 1, Phúc Sơn 2, Hoàng Sơn Đông, Hoàng Sơn Tây, Cỏ Loan Trung 1, Cỏ Loan Trung 2, Cỏ Loan Thượng, Cỏ Loan Hạ 1, Cỏ Loan Hạ 2.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1318/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 – 2025 (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2025). Theo đó, thành lập thành phố Hoa Lư thuộc tỉnh Ninh Bình trên cơ sở thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư. Xã Ninh Tiến trực thuộc thành phố Hoa Lư.

Từ một làng quê nghèo khó, lạc hậu, qua hơn 70 năm xây dựng và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng, Ninh Tiến đã có những bước tiến vượt bậc, diện mạo nông thôn thay đổi từng ngày. Đặc biệt từ năm 2004 khi sáp nhập về thành phố Ninh Bình, sự phát triển của Ninh Tiến gắn liền với quá trình đô thị hoá và hiện đại hoá của thành phố.

Theo “Báo cáo kết quả đánh giá thực hiện 19 tiêu chí xây dựng xã đạt nông thôn mới nâng cao năm 2023” của xã Ninh Tiến, kết cấu hạ tầng của xã như điện, đường, trường, trạm được đầu tư xây dựng đồng bộ. Đến nay, 93% số hộ gia đình đã đạt danh hiệu gia đình văn hoá, thu nhập bình quân đầu người đạt 25 triệu đồng/năm. Bên cạnh đó, 96% tuyến đường giao thông nội xã được bê tông hoá và thấp sáng, toàn có 3 trường học đạt chuẩn quốc gia. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm và tăng cường. Đảng bộ xã nhiều năm liền đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, Ninh Tiến đã chứng kiến và góp phần làm nên một phần trong lịch sử dân tộc. Từ một vùng đất cổ nằm bên dòng sông Chanh, là một trong các xã thuộc vành đai của thành phố, xã Ninh Tiến đã vươn mình phát triển, hội nhập để trở thành một xã văn minh, hiện đại. Những thành tựu phát triển của Ninh Tiến ngày hôm nay là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng bộ xã qua các thời kỳ, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo và sự đoàn kết một lòng của người dân nơi đây.

Trong những năm tới, thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ, Ninh Tiến tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, vượt qua khó khăn thách thức, xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh. Phát triển nền kinh tế địa phương gắn với xây dựng công cuộc nông thôn mới. Bên cạnh đó, chú trọng đầu tư hạ tầng, đẩy mạnh phát triển các ngành du lịch, dịch vụ và phát huy các giá trị văn hoá lịch sử tại xã. Góp phần xây dựng đời sống văn hoá, nâng cao đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân, thực hiện các công tác an sinh xã hội. Đồng thời, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát huy truyền thống lịch sử hào hùng, đoàn kết một lòng, quyết tâm xây dựng quê hương Ninh Tiến giàu mạnh, văn minh, hiện đại.

1.2.4. Truyền thống văn hóa xã Ninh Tiến

Xã Ninh Tiến vốn là vùng đất có bề dày lịch sử, cùng với truyền thống văn hóa lâu đời và đặc sắc. Xã Ninh Tiến nằm trong không gian văn hóa Hoa

Lư cổ kính, Ninh Tiến được thừa hưởng và lưu giữ những giá trị tinh hoa của văn hóa dân tộc. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử với bao thăng trầm, người dân Ninh Tiến vẫn gìn giữ và phát huy được những nét văn hóa riêng, tạo nên sự đa dạng, phong phú trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây.

Điểm nổi bật đầu tiên trong truyền thống văn hóa của Ninh Tiến là lòng yêu nước và tinh thần đấu tranh kiên cường chống giặc ngoại xâm. Trong suốt chiều dài lịch sử, người dân Ninh Tiến luôn thể hiện sự trung thành và tận tụy với đất nước. Vào thế kỷ XIII dưới triều Trần, Ninh Tiến từng là “kinh đô kháng chiến”, là hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Hàng nghìn người con ưu tú của Ninh Tiến đã anh dũng chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc. Vào thời kỳ đấu tranh giành độc lập và bảo vệ đất nước trước sự xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, người dân Ninh Tiến cũng luôn đi đầu, góp phần tô thắm truyền thống yêu nước và cách mạng.

Bên cạnh lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và tình làng nghĩa xóm gắn bó cũng là nét đẹp truyền thống của người dân Ninh Tiến. Ở nơi đây, mối quan hệ cộng đồng luôn được đề cao và phát huy. Người dân Ninh Tiến có truyền thống tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn, hoạn nạn. Những phong tục tập quán, lễ nghi đều mang đậm tính cộng đồng. Đây là sợi dây gắn kết của cộng đồng, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

Người dân Ninh Tiến còn nổi tiếng cần cù, chịu khó, sáng tạo trong lao động. Truyền thống này đã được hun đúc qua hàng nghìn năm đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt để dựng xây cuộc sống. Họ đã tạo ra những làng nghề truyền thống nổi tiếng như nghề đúc đồng, chạm khắc gỗ, làm gốm, dệt chiếu... Những sản phẩm tinh xảo thể hiện sự tài hoa và bàn tay khéo léo của người thợ Ninh Tiến. Tinh thần yêu lao động, sáng tạo trong sản xuất của các thế hệ được lưu truyền, trở thành động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế.

Không chỉ giàu truyền thống lao động sản xuất, Ninh Tiến còn sở hữu một kho tàng di sản văn hóa đồ sộ. Hiện trên địa bàn xã có 5 di tích lịch sử được xếp hạng cấp tỉnh. Các di tích chùa chiền, đình làng, miếu mạo có kiến trúc cổ độc đáo, là nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng sôi nổi. Nhiều lễ hội dân gian mang đậm bản sắc địa phương như hội xuân, hội làng, tết Nguyên Tiêu... được tổ chức quanh năm. Đây là dịp để tái hiện lịch sử, tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng.

Ninh Tiến cũng có một kho tàng văn học nghệ thuật dân gian và các loại hình nghệ thuật truyền thống vô cùng phong phú, đa dạng. Những làn điệu dân ca, câu hát ru, hát giao duyên hay điệu múa cổ là những tinh hoa nghệ thuật thấm đẫm tình người. Các trò chơi dân gian và trò diễn dân gian cũng mang nét riêng của vùng đất và con người nơi đây, thể hiện sự thông minh, tinh tế và óc sáng tạo. Tất cả những yếu tố ấy hòa quyện, tạo nên một diện mạo văn hóa Ninh Tiến độc đáo.

Trước sự phát triển nhanh chóng của thời đại, Ninh Tiến đang trên đà đổi thay từng ngày. Tuy nhiên, những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp vẫn luôn được gìn giữ và phát huy. Chính quyền và nhân dân xã đang nỗ lực xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, văn minh và đậm đà bản sắc dân tộc, vừa giữ gìn các giá trị cốt lõi vừa tiếp thu những tinh hoa nhân loại. Giáo dục truyền thống văn hóa được chú trọng nhằm giúp thế hệ trẻ hiểu và tự hào về cội nguồn. Các hoạt động văn hóa quần chúng được đẩy mạnh, tạo sân chơi lành mạnh và bổ ích.

Có thể nói truyền thống văn hóa của Ninh Tiến như một dòng chảy ngàn năm không bao giờ cạn. Nó tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn, trở thành một phần máu thịt, niềm tự hào và là cốt cách của mỗi người con quê hương Ninh Tiến. Trong hành trình phát triển và đổi mới của mình, Ninh Tiến sẽ tiếp tục xây dựng một nền văn hóa lành mạnh, giàu tính nhân văn và bản sắc riêng biệt.

Tiểu kết chương 1

Xã Ninh Tiến thuộc ba xã vành đai của thành phố Ninh Bình, một số thôn nằm ở vùng đệm của khu di tích danh thắng Tràng An và có 5 di tích cấp tỉnh, cùng với 2 di tích chưa được xếp hạng, xã Ninh Tiến có tiềm năng phát triển ngành kinh tế du lịch.

Toàn xã Ninh Tiến là vùng đất thấp, cao ở phía tây bắc và thấp dần về phía đông nam. Xã có hệ thống giao thông rất thuận tiện với các tuyến đường xuyên Việt và hai dòng sông chảy qua xã. Trên vùng đất chủ yếu là đồng bằng chiêm trũng với vô vàn khó khăn, thường gặp bão lũ, ngập lụt vào mùa thu, mùa đông có sương muối, ... nên đời sống nhân dân đói khổ. Những khó khăn đó không thể nào cản được tinh thần yêu quê hương, đất nước, Đảng bộ và nhân dân quyết chí xóa nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no, bình yên. Làng xã, ruộng đồng dần đổi mới, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở xã được xác lập, nhân dân làm chủ xã hội.

Trong những năm kháng chiến đầy gian khổ hy sinh, quê hương bị chiếm đóng, tàn phá, nhân dân Ninh Tiến đã đoàn kết, hăng hái góp sức người, sức của tham gia các hoạt động tự vệ, dân quân du kích, nhiều người con xung phong vào tiền tuyến để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, sự bình yên cho xóm làng.

Bước vào thời bình, nhằm phát huy truyền thống từ xưa của cha ông, người dân trong làng luôn tích cực tham gia các cuộc vận động và các phong trào thi đua yêu nước. Từ đó làng xã thay đổi, đời sống nhân dân được cải thiện, người ốm được chữa bệnh, trẻ em nô nức đến trường, ... Tiêu biểu như công cuộc xây dựng nông thôn mới; xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh ở khu dân cư hay giúp nhau phát triển kinh tế gia đình. Qua đó, nét đẹp văn hóa của tình làng, nghĩa xóm ngày càng bền chặt, khăng khít.

CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NINH TIẾN

2.1. Đình làng Hoàng Sơn

2.1.1. Lịch sử hình thành, trùng tu

Đình làng Hoàng Sơn tọa lạc tại thôn Hoàng Sơn, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình ngày nay. Căn cứ vào các truyền thuyết, gia phả được lưu giữ, dòng họ Hoàng đã đến định cư tại vùng đất này từ hơn 500 năm trước. Đến thế kỷ XVI, dòng họ Hoàng Văn tiếp tục đến khai khẩn, lập nghiệp. Nghề nghiệp chính của cư dân nơi đây là làm nông.

Dựa vào một số dấu tích kiến trúc cổ như hệ thống cột, kèo, đòn tay, ván mê... mang phong cách nghệ thuật thời Lê được bảo quản khá nguyên vẹn đến ngày nay, có thể suy đoán đình đã được xây dựng từ khá sớm, ít nhất là từ thế kỷ 18 thời Lê trung hưng.

Trải qua hàng trăm năm, đình đã được trùng tu, sửa chữa nhiều lần dưới các triều đại Lê - Nguyễn nhằm duy trì và phát huy các giá trị của di tích. Minh chứng cho các đợt trùng tu này là hệ thống sắc phong và bia đá lưu tại đình:

- 13 đạo sắc phong được các vua Lê - Nguyễn ban cấp cho đình trong khoảng thời gian từ năm 1769 (Cảnh Hưng 44 đời Lê) đến năm 1924 (Khải Định thứ 9). Trong đó đáng chú ý có 2 sắc phong của vua Lê vào các năm 1769 (Cảnh Hưng 44) và 1783 (Cảnh Hưng thứ 44) phong tặng cho Thánh Quý Minh và Thành hoàng làng Hồ Uy. Điều này cho thấy đình đã tồn tại và hoạt động từ trước thời điểm này.

- 1 bia đá dựng năm Kỷ Hợi, tức năm 1769 đời vua Lê ghi khắc về một đợt trùng tu đình diễn ra cùng thời kỳ trên.

Như vậy, căn cứ vào các sắc phong và văn bia, ta có cơ sở để khẳng định đình làng Hoàng Sơn đã hình thành ít nhất từ nửa sau thế kỷ 18 và liên tục được trùng tu, tôn tạo qua các giai đoạn lịch sử để trở thành di tích kiến trúc nghệ thuật đặc sắc của làng như ngày nay. Đình không chỉ là trung tâm diễn ra các hoạt động sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của địa phương suốt hàng trăm năm mà còn lưu giữ nhiều giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật của một công trình kiến trúc truyền thống tiêu biểu.

2.1.2. Nhân vật phụng thờ

Tại đình làng Hoàng Sơn, hai nhân vật chính được phụng thờ là Thánh Quý Minh Đại Vương và Thành hoàng làng Hồ Uy.

Theo thần tích, Thánh Quý Minh Đại Vương vốn là một vị tướng thời Hùng Vương thứ 18. Ông quê ở động Lăng Xương, huyện Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa (nay thuộc Hà Nội), là em của Cao Sơn và Tản Viên Sơn Thánh. Cùng với hai người anh, ông được vua Hùng sai đi đánh giặc, lập nhiều chiến công. Ông được phong là Hữu Đô Đài đại phu, Quý Minh Đại Vương. Sau khi vua Hùng nhường ngôi, ông cùng Cao Sơn đến ở đất Vân Áng (thuộc Ninh Bình ngày nay). Ông mất tại đây vào đêm 22/10 âm lịch. Để ghi nhớ công đức, nhân dân nhiều nơi từ Nghệ An đến Lào Cai lập đền thờ ông. Theo thống kê, riêng Ninh Bình đã có 72 nơi thờ Thánh Quý Minh.

Vị thần thứ hai là Thành hoàng làng Hồ Uy. Truyền thuyết kể rằng khi người dân mới đến khai khẩn vùng đất hoang vu này, có một ông hồ già cùng đàn con 20 hồ con sống chung, bảo vệ dân làng trước thú dữ, giúp mùa màng tươi tốt. Khi ông hồ qua đời, dân làng chôn cất, lập miếu thờ và phong làm thành hoàng để ghi nhớ công ơn.

Ngoài hai vị thần chính trên, đình cũng có các ban thờ quan văn và quan võ.

Như vậy, các thần được thờ tại đình gồm cả những vị có công với nước (Thánh Quý Minh), có công với làng (Thành hoàng Hồ Uy) cũng như các vị tướng trận, văn thần gắn với lịch sử của địa phương từ buổi đầu khai khẩn lập làng. Đình là không gian linh thiêng, biểu trưng cho lòng thành kính, biết ơn của cộng đồng làng Hoàng Sơn với những nhân vật có công dựng làng, giữ nước, mang lại cuộc sống bình yên cho nhân dân qua hàng trăm năm lịch sử.

2.1.3. Kiến trúc, điều khắc

Đình làng Hoàng Sơn có kiến trúc hình chữ “nhị” (二), bao gồm hai tòa chính là tiền tế (hay còn gọi là bái đường) và hậu cung, tạo thành một không gian kiến trúc hài hòa và trang nghiêm.

Tòa tiền tế có diện tích 136.5m², được thiết kế theo kiểu “chuôi vồ” gồm 5 gian 2 chái, với tường hồi bít đốc ở hai đầu. Hệ thống cột gỗ lim to, đường kính 40-60cm, tạo nên sự vững chãi cho công trình. Mặt tiền của tiền tế có 3 cửa lớn bằng gỗ, thiết kế theo kiểu thượng song hạ bản điển hình của kiến trúc cổ. Hai bên có đôi cửa sổ hình tròn, trang trí hoa văn chữ “thọ” cách điệu rất đẹp mắt. Phía trước tiền tế là một hiên rộng khoảng 2m. Hai bên là hai dãy nhà phụ dùng để cất giữ lễ vật, gọi là giải vũ.

Tòa hậu cung nằm sau tiền tế, có diện tích 122.1m², cũng được kiến trúc theo kiểu chữ “nhị” với 3 gian 2 chái. Hệ thống cột gỗ lim ở hậu cung nhỏ hơn một chút so với tiền tế, đường kính từ 30-50cm. Hậu cung có 3 cửa ra vào bằng gỗ và được che chắn, bảo vệ bởi mái hiên nối giữa hậu cung và tiền tế.

Toàn bộ mái đình được lợp bằng ngói âm dương truyền thống. Các đầu đao cong vút, hồi văn được đắp nổi hình lưỡng long chầu mặt trời ở giữa, tạo nên dáng vẻ uy nghi đồ sộ nhưng vẫn thanh thoát, hài hòa. Hệ thống kèo mái được làm hoàn toàn bằng gỗ lim, kết cấu theo kiểu giá chiêng độc đáo, tạo nên sự vững chắc cho mái đình.

Một trong những điểm đặc sắc của đình làng Hoàng Sơn là nhiều cấu kiện gỗ có niên đại từ thời Lê (thế kỷ XV-XVII) vẫn còn lưu giữ cho đến ngày nay. Tiêu biểu như hệ thống xà ngang, hoa văn chạm trổ trên vì kèo, đặc biệt là các tấm ván ở bệ kiệu và cánh cửa. Các họa tiết trang trí chủ yếu là hình rồng, phượng, hoa lá, vân mây được chạm khắc cách điệu hóa rất công phu tinh tế, thể hiện sự khéo léo, tài hoa của các nghệ nhân xưa. Đây thực sự là những tác phẩm nghệ thuật quý giá góp phần tôn thêm vẻ đẹp cổ kính và làm tăng giá trị nghệ thuật của di tích.

Ngoài ra, một số đồ thờ tự bằng gỗ và đồng như án thư, hoành phi, câu đối, kiệu, đèn đồng... cũng được chạm trổ hoa văn trang trí rất phong phú, hài hòa với không gian kiến trúc chung của công trình.

Một trong các điểm đặc sắc nhất của đình là các câu đối được khắc đối xứng lên các mặt của cột đá và cột gỗ vô cùng đặc biệt.

Có thể thấy, với lối kiến trúc truyền thống hình chữ “nhị” gồm Bái đường và Hậu cung, cùng hệ thống mái, cột, kèo, cửa được làm hoàn toàn bằng gỗ lim, đình làng Hoàng Sơn đã toát lên vẻ đẹp trang nghiêm, cổ kính nhưng vô cùng hài hòa, bề thế. Kiến trúc đình thể hiện một cách sinh động nhất tinh hoa và đặc trưng của nghệ thuật kiến trúc đình làng vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đồng thời, sự kết hợp tinh tế, hài hòa giữa các bộ phận kiến trúc, điêu khắc, chạm trổ ở đây cũng chứng tỏ tài năng và tâm huyết của các thế hệ nghệ nhân đã dày công kiến tạo nên đình. Với những giá trị lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật đó, đình làng Hoàng Sơn xứng đáng là một di tích quý của địa phương, cần được trân trọng gìn giữ, bảo tồn.

2.1.4. Nghi lễ, lễ hội

Đình làng Hoàng Sơn không chỉ là một công trình kiến trúc cổ mà còn là nơi diễn ra nhiều nghi lễ và lễ hội truyền thống đặc sắc, gắn liền với đời sống tâm linh và sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người dân nơi đây.

Trước hết phải kể đến lễ hội làng và lễ giỗ tổ được tổ chức hằng năm tại đình. Vào những ngày này, con em xa quê lại trở về chung vui, tưởng nhớ tới các bậc tiền nhân những người đi trước có công lập làng, dựng đình. Không khí lễ hội tung bừng, đông vui với các nghi lễ cúng tế cầu mong một năm mới bình an, mùa màng bội thu. Lễ hội cũng là dịp để tăng cường tình đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng làng xã.

Trong các nghi lễ thường niên của làng, phải kể đến lễ tế thần linh vào các ngày sóc vọng hàng tháng để bày tỏ lòng thành kính, lòng biết ơn, “uống nước nhớ nguồn”, tưởng nhớ công đức của thần linh. Vào những ngày này, trưởng làng và một số vị kỳ mục sẽ làm lễ dâng hương, hoa quả, thắp nến trên bàn thờ, khấn cầu thần linh phù hộ cho dân làng được mùa màng bội thu, gia đình hạnh phúc.

Bên cạnh đó, lễ kỳ yên vào mùa xuân và lễ tạ ơn vào mùa thu cũng là hai nghi lễ quan trọng tại đình làng. Lễ kỳ yên được làm vào tháng 2 âm lịch để cầu mong thần linh phù hộ cho một năm mới bình an, mọi nhà đều được như ý, nhiều may mắn. Còn lễ tạ ơn diễn ra vào tháng 8 âm lịch nhằm tri ân thần linh đã ban phúc lành, che chở cho dân làng có một mùa vụ bội thu, cuộc sống ấm no.

Nghi lễ lớn nhất và đặc biệt nhất tại đình làng Hoàng Sơn chính là lễ hội làng diễn ra 3 năm một lần vào ngày 15 tháng 2 âm lịch. Đây là dịp quan trọng và được mong chờ nhất của dân làng để tưởng nhớ và tôn vinh công lao to lớn của những vị Thành hoàng làng.

Phần lễ của lễ hội bao gồm lễ rước thần linh, lễ tế ở đình, lễ yến tiệc. Các vị chức sắc, trưởng họ mặc áo dài khăn đóng, cùng dân làng rước kiệu thần linh đi khắp làng theo một lộ trình và nghi thức cố định. Lễ rước thường gồm đội chiêng, đội trống, đội lân, đội rồng, đội nghi trượng và người địa bung lễ vật. Đây là nghi lễ trang trọng và linh thiêng nhất thể hiện lòng thành kính của dân làng với thần linh.

Sau lễ rước là lễ tế ở đình, do các vị chức sắc đứng ra chủ trì theo một nghi thức chặt chẽ. Các lễ vật thường gồm hương hoa, lễ vật tư, tam sanh tứ quý... Trong lễ tế, các bài văn khấn cũng như câu đối, bài cúng được sử dụng

đều phải có nội dung tôn vinh thần linh, bày tỏ lòng thành kính của con cháu với tổ tiên.

Cuối cùng, sau lễ tế sẽ là lễ yến tiệc tại sân đình. Các quan viên, kỳ mục, đại diện dòng họ sẽ ngồi theo thứ tự và thưởng thức các món ăn truyền thống của làng. Trong bữa tiệc này, mọi người không chỉ thụ hưởng thực phẩm mà còn có dịp giao lưu, trao đổi tình cảm thân tộc, sự đoàn kết giữa các thành viên cộng đồng.

Phần hội của lễ hội gồm nhiều trò chơi dân gian và các hoạt động văn hóa, văn nghệ sôi nổi. Các trò chơi dân gian phổ biến như kéo co, đánh đu, đập niêu, bắt vịt, bịt mắt đập niêu ... đã trở thành một phần không thể thiếu trong lễ hội. Đây còn là dịp để thanh niên nam nữ gặp gỡ, làm quen và tìm hiểu nhau.

Các hoạt động văn nghệ như múa lân, múa rồng, ca trù, chèo cổ... cũng được tổ chức trong suốt thời gian lễ hội. Những vở diễn dân gian, những làn điệu dân ca đã góp phần làm cho lễ hội thêm phần tung bừng, rộn ràng. Đội múa lân, rồng với trang phục sắc sảo biểu diễn những động tác uyển chuyển làm say đắm lòng người.

Ngày nay, lễ hội làng Hoàng Sơn đã trở thành một nét văn hóa không thể thiếu và là niềm tự hào của người dân nơi đây. Lễ hội là dịp để mỗi người dân nhớ về cội nguồn, tri ân công đức của những người đi trước, của các bậc tiền nhân đã dày công gây dựng nên làng. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để thắt chặt tình làng nghĩa xóm, thể hiện sự đoàn kết cộng đồng.

Qua nghi lễ và lễ hội tại đình làng, những giá trị văn hóa – lịch sử, những nét truyền thống lâu đời của người Việt đã được gìn giữ và phát huy. Các bài học về đạo lý làm người, sự gắn kết và trách nhiệm với cộng đồng được truyền tải đến thế hệ trẻ. Từ đó, giúp họ hiểu và trân trọng hơn những tinh hoa của cha ông.

Có thể nói, nghi lễ, lễ hội tại đình làng Hoàng Sơn không chỉ mang ý nghĩa tâm linh và niềm tin của người dân mà còn góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể. Đây là nguồn sức mạnh quý báu giúp dân làng nơi đây vượt qua những thăng trầm của lịch sử và vươn lên trong cuộc sống mới.

Ngoài ra, đình làng Hoàng Sơn còn gắn với một số sự kiện lịch sử quan trọng. Tài liệu cho biết vào năm 1885, hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp, nghĩa quân đã tổ chức lễ tế cờ ngay tại sân đình trước khi lên đường đánh giặc. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đình cũng là nơi tập kết của

dân quân du kích, là nơi đưa tiễn thanh niên lên đường nhập ngũ và đón họ trở về sau chiến thắng.

Trong thời bình, đình tiếp tục là nơi sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các cuộc họp bàn về công việc chung của làng xã. Đặc biệt, đình cũng là địa điểm tổ chức các lớp bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ cho người dân địa phương vào những năm 1960.

Có thể thấy, với vị trí trung tâm của làng, đình Hoàng Sơn đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần cũng như các hoạt động chính trị - xã hội của người dân nơi đây qua nhiều giai đoạn lịch sử. Các nghi lễ, lễ hội truyền thống cùng những sự kiện mang tính lịch sử diễn ra tại đình đã góp phần tạo nên sức sống mãnh liệt và giá trị văn hóa lâu bền cho di tích này.

2.2. Đền Hạ

2.2.1. Lịch sử hình thành, trùng tu

Theo Lý lịch di tích đền Hạ, đền thờ Mẫu thôn Cổ Loan Hạ được hình thành vào khoảng thế kỷ XVII, đầu thời Hậu Lê. Theo gia phả của các dòng họ trong làng, làng Cổ Loan xưa đã có lịch sử hơn 400 năm. Thời kỳ đầu, dân cư còn thưa thớt, chỉ có 6 cửa họ về ngụ cư trước thời vua Cảnh Hưng. Dù dân số ít ỏi nhưng để tưởng nhớ công lao của các vị thần có công với đất nước, người dân đã chung tay xây dựng đền, chùa, phủ để thờ phụng, trong đó có đền thờ Mẫu Cổ Loan Hạ.

Ngôi đền tọa lạc trên khu đất bằng phẳng phía Nam làng Cổ Loan, giáp sông Sào Khê ở hướng Nam, đường liên xã ở hướng Bắc, nhà dân ở hai bên Đông Tây.

Ban đầu quy mô đền còn nhỏ, đến năm 2010, theo Quyết định số 11 ngày 05/8/2010 của UBND thành phố Ninh Bình, chính quyền và nhân dân thôn Cổ Loan Hạ được phép tu bổ, sửa chữa, nâng cấp ngôi đền.

Công trình được xây dựng với móng đá, tường gạch đỏ, mái gỗ lợp ngói mũi. Nhà đền gồm 3 gian 2 dĩ bái đường và 2 gian chuôi vò để thờ. Các đồ thờ tự như ngai, mũ, kiếm, sắc phong, câu đối, tác tử vẫn còn nguyên vẹn. Cảnh quan đền lộng lẫy, đẹp đẽ, toát lên vẻ trang nghiêm, uy nghi.

Qua các triều đại, đền thờ Mẫu Cổ Loan Hạ đã được phong 4 sắc, trong đó, có một sắc phong cho Đương cảnh Thành hoàng Bà Hộ ma Đại vương, hai sắc phong cho thần Thành hoàng (xã) Cổ Loan và một sắc phong không rõ vị thần được sắc phong (do qua thời gian dài, sắc phong bị hư hại phần tên vị thần được sắc).

- Sắc phong số 1 sắc phong cho Đương cảnh Thành hoàng Bà Hộ ma Đại vương, nguyên được ban tặng mỹ tự là Đương cảnh Thành hoàng Hộ ma Lê mỹ Đại vương và được ban vào ngày 26 tháng 7 niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

- Sắc phong số 2 sắc phong cho Thành hoàng (xã) Cổ Loan, nguyên được ban tặng mỹ tự là Bảo an, vẫn chuẩn cho xã Cổ Loan, huyện Yên Khánh phụng thờ như cũ. Sắc phong được ban vào ngày 4 tháng 12 niên hiệu Minh Mệnh thứ 5 (1824).

- Sắc phong số 3 sắc phong cho Thành hoàng (xã) Cổ Loan, nguyên được ban tặng mỹ tự là Bảo an Chính trực Hựu thiện, vẫn chuẩn cho xã Cổ Loan, huyện Yên Khánh phụng thờ như cũ. Sắc phong được ban vào ngày 18 tháng 6 niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1844).

- Sắc phong số 4 không rõ sắc phong cho vị thần nào, ban tặng mỹ tự là Quang ý Trung đẳng thần và sắc phong được ban vào ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924).

Trải qua hơn 4 thế kỷ, đền thờ Mẫu Cổ Loan Hạ vẫn được gìn giữ và trùng tu, nâng cấp, là minh chứng sinh động cho lòng thành kính và tri ân công đức của nhân dân Ninh Tiến với các vị thần thánh. Ngôi đền không chỉ là di tích lịch sử mang đậm giá trị lịch sử - văn hóa quý báu mà còn thể hiện tinh thần đoàn kết, chung sức của cộng đồng trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

2.2.2. Nhân vật phụng thờ

Đền thờ Mẫu Cổ Loan Hạ là nơi thờ tự đa dạng các nhân vật được nhân dân tôn kính. Trước hết, đền là nơi thờ Thành hoàng của xã Cổ Loan và thờ Mẫu – “Ma Lê Mỹ Đại Vương”, vị thần bảo hộ, che chở cho nhân dân Ninh Tiến mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu.

Đồng thời, đền cũng là nơi thờ phụng hai bà mẹ Việt Nam anh hùng cùng nhiều liệt sĩ đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc qua các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Cụ thể, tại đây thờ 8 liệt sĩ trong kháng chiến chống Pháp, 20 liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và 3 liệt sĩ đã ngã xuống khi bảo vệ biên giới Tổ quốc. Tên tuổi, công lao của các anh hùng liệt sĩ đã được khắc vào bia đá với kích thước cao 1m7, rộng 1m1 để thờ tự, tưởng niệm.

Việc phụng thờ đa dạng các nhân vật như Thành Hoàng làng, Mẫu thần, các bà mẹ Việt Nam anh hùng và liệt sĩ đã thể hiện tính lịch sử - cách mạng của

di tích. Qua đó, đền thờ Mẫu Cổ Loan Hạ không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân mà còn góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng cho thế hệ trẻ. Đây là nét đặc sắc và giá trị nổi bật của di tích, làm tăng thêm ý nghĩa văn hóa - lịch sử của ngôi đền cổ này trong đời sống tinh thần cộng đồng.

Việc phụng thờ các nhân vật anh hùng, liệt sĩ bên cạnh Thành Hoàng và Mẫu Thần cho thấy cách người dân địa phương gắn kết tín ngưỡng dân gian với tình yêu đất nước, lòng biết ơn đối với những người con đã công hiến, hy sinh cho dân, cho nước. Nhân dân tỏ lòng tôn kính với cả những giá trị thiêng liêng vốn có từ xa xưa lẫn công lao to lớn của những người đi trước. Họ chung tay gìn giữ, tôn tạo di tích để đền Hạ trở thành không gian văn hóa - tâm linh đặc sắc, điểm tựa tinh thần gắn kết cộng đồng.

2.2.3. Kiến trúc, điêu khắc

Đền thờ Mẫu Cổ Loan Hạ là công trình kiến trúc cổ, mang đậm dấu ấn của nghệ thuật thời Hậu Lê. Toàn bộ móng đền được xây bằng đá vững chãi, tường được xây bằng gạch đỏ truyền thống. Mái đền làm bằng gỗ và lợp ngói mũi, tạo nên vẻ đẹp cổ kính, truyền thống.

Về mặt bằng, nhà đền gồm 3 gian chính và 2 dĩ bái đường. Ngoài ra còn có 2 gian chuôi vò dùng để thờ các vị thần. Không gian thờ tự trang nghiêm với các đồ thờ như ngai, mũ, kiếm, sắc phong, câu đối, tác tải,... đều còn giữ được nguyên vẹn theo thời gian. Điều này cho thấy công đức tu bổ, gìn giữ của người dân địa phương với ngôi đền thiêng.

Cấu trúc kiến trúc của đền thể hiện sự hài hòa giữa các hạng mục, bố cục chặt chẽ, cân đối giữa chiều ngang và chiều sâu. Các chi tiết đồ án, hoa văn trang trí trên các bộ phận của đền như cột, xà, rường, mái,... được chạm khắc tinh tế và công phu, thể hiện sự hài hòa trong cách điêu khắc các họa tiết hoa lá, tứ linh, tứ quý. Những họa tiết chạm trổ mang hàm ý cầu chúc cho một cuộc sống ấm no, hạnh phúc và mang ý nghĩa biểu tượng về tín ngưỡng thờ Mẫu của người dân nơi đây.

Các đồ thờ tự trong đền cũng được chế tác tinh xảo và mỹ thuật, mang đậm phong cách trang trí của nghệ thuật tạo hình dân gian. Ngai thờ, kiếm, mũ và các sắc phong là những hiện vật đặc biệt quý giá, góp phần thể hiện giá trị lịch sử và nghệ thuật của di tích. Hệ thống câu đối, hoành phi trong đền sử dụng kỹ thuật chạm khắc và sơn son thếp vàng, vừa trang trọng vừa mang vẻ đẹp cổ điển.

Một chi tiết kiến trúc ấn tượng khác không thể không nhắc đến là bia đá ghi danh các bà mẹ Việt Nam anh hùng và các liệt sĩ. Bia đá được đặt trang trọng trong khuôn viên đền với kích thước lớn (cao 1,7m, rộng 1,1m). Việc khắc tên tuổi, sự tích của những người con ưu tú trên bia đá tạo nên một không gian tưởng niệm linh thiêng, trang nghiêm và đầy cảm động. Đây là biểu tượng cho tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa” của cộng đồng.

Có thể nói, qua kiến trúc và điêu khắc, đền thờ Mẫu Cỗ Loan Hạ là một di tích lịch sử có những nét kiến trúc, nghệ thuật đặc sắc, tiêu biểu của thời Hậu Lê còn được lưu giữ cho đến ngày nay. Đây là minh chứng quý giá về lịch sử tín ngưỡng Mẫu có từ lâu đời. Những giá trị lịch sử và nghệ thuật của đền đã góp phần tôn vinh những nét văn hóa, truyền thống lâu đời của địa phương và thể hiện sâu sắc tinh thần thành kính, biết ơn của nhân dân đối với Mẫu thần cũng như các bậc tiền nhân có công.

2.2.4. Nghi lễ, lễ hội

Tại đền thờ Mẫu Cỗ Loan Hạ, các nghi lễ, lễ hội đã được gìn giữ và duy trì qua hàng trăm năm, trở thành những nét tâm linh mang đậm bản sắc văn hóa riêng của Ninh Tiến. Căn cứ vào các sắc phong của triều đình qua các thời kỳ, hàng năm, người dân tổ chức giỗ Mẫu vào ngày 17/12 âm lịch để tưởng niệm.

Vào ngày giỗ Mẫu, không khí tại đền và khắp làng Cỗ Loan Hạ trở nên rộn ràng, tưng bừng. Từ sáng sớm, ban tổ chức đã chuẩn bị các nghi thức rước kiệu, dâng hương, dâng lễ vật. Đoàn rước gồm các vị chức sắc, đồng bào và đặc biệt là những người con gái ưu tú trong trang phục truyền thống rực rỡ, trang nghiêm tiến vào đền dâng lễ. Không gian đền tràn ngập sắc màu của hoa, lộng lẫy trong khói hương nghi ngút. Tiếng trống, tiếng chiêng, lời mời thần trang nghiêm vang lên giữa bầu không khí linh thiêng.

Ngoài ngày lễ hội chính, vào các ngày sóc vọng (mùng 1, 15 âm lịch), ngày Tết và các ngày lễ lớn trong năm, người dân trong vùng cũng thành kính đến đền dâng hương, cầu an, cầu cho mùa màng bội thu, mưa thuận gió hòa. Tại sân đền, các hoạt động văn hóa và các trò chơi dân gian được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo người dân và du khách tham gia. Không khí lễ hội tưng bừng nhưng không kém phần trang nghiêm, tạo nên một không gian văn hóa tâm linh đặc sắc.

Thông qua nghi lễ và lễ hội, đền Mẫu Cỗ Loan Hạ đã trở thành biểu tượng thiêng liêng cho niềm tin và ước nguyện tốt đẹp của nhân dân. Các hoạt động này cũng góp phần gìn giữ, phát huy truyền thống văn hóa ngàn đời văn

hóa của cha ông, thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng. Lễ hội tại đền mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, cầu mong cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa. Đồng thời, qua đó giáo dục thế hệ trẻ về lòng biết ơn, tự hào dân tộc và ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị di sản.

Nghi lễ dâng hương tưởng niệm các bà mẹ Việt Nam anh hùng và liệt sĩ tại đền cũng là nét đẹp văn hóa đặc biệt ý nghĩa. Tại đây, các thế hệ con cháu với tấm lòng thành kính đền tri ân những người đã cống hiến, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Hoạt động này góp phần gắn kết cộng đồng trong việc “đền ơn đáp nghĩa”, giáo dục lòng yêu nước và truyền thống cách mạng cho thế hệ mai sau.

Có thể thấy, đền thờ Mẫu Cỗ Loan Hạ không chỉ là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật đặc sắc mà còn là nơi lưu giữ, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể quý báu như tín ngưỡng Mẫu, nghi lễ, lễ hội truyền thống. Các giá trị này đã gắn kết hài hòa, tạo nên không gian văn hóa tâm linh độc đáo vừa linh thiêng vừa nhân văn, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư nơi đây.

2.3. Đền thờ Đức Thánh Trần

2.3.1. Lịch sử hình thành, trùng tu

Đền thờ Đức Thánh Trần, còn có tên gọi là Bảo Sơn Vọng Miếu, là một di tích lịch sử đặc biệt quan trọng của xã Ninh Tiên, thành phố Ninh Bình. Ngôi đền được khởi dựng từ năm 1887, tọa lạc trong khung cảnh thanh bình của thôn Hoàng Sơn. Phía Bắc và phía Đông của đền là dòng sông Chanh hiền hòa, phía Nam và Tây giáp sông Sào Khê. Vị trí đắc địa cùng với không gian thoáng đãng, thanh tịnh đã tạo nên một quần thể kiến trúc tâm linh độc đáo.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, đền thờ Đức Thánh Trần đã trải qua nhiều lần trùng tu và tôn tạo. Theo ghi chép trong các văn bia và các sắc phong được lưu giữ tại đền, vào năm 1905, đền đã được tu bổ và mở rộng quy mô. Đặc biệt, năm 1922, vua Khải Định nhà Nguyễn đã ban sắc phong và ghi nhận đền thờ Đức Thánh Trần là một ngôi đền có giá trị lịch sử quan trọng.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta, ngôi đền tuy bị hư hại ít nhiều nhưng nhờ được người dân bảo vệ, gìn giữ nên vẫn lưu giữ nguyên vẹn những nét kiến trúc và hệ thống di vật quý giá. Sau khi đất nước thống nhất, công cuộc trùng tu cơ bản cũng đã được tiến hành.

Năm 2000, đền được thay ngói mới, gia cố nền móng và cột trụ. Năm 2010, các hạng mục xuống cấp như tường rào, sân đường, hệ thống tượng thờ cũng đã được chỉnh trang.

Để bảo tồn, phát huy tối đa các giá trị lịch sử và giá trị văn hóa của di tích, năm 2013, UBND tỉnh Ninh Bình đã công nhận đền thờ Đức Thánh Trần là di tích cấp tỉnh. Sự ghi nhận này tạo động lực để chính quyền và nhân dân địa phương chung sức trùng tu, tôn tạo di tích. Năm 2017, một dự án tu bổ toàn diện đền với kinh phí lên tới hàng chục tỷ đồng đã được phê duyệt. Nhiều hạng mục quan trọng như cổng tam quan, lầu trống, lầu chuông, Bái đường, Hậu cung, hệ thống tường rào cũng được xây dựng mới hoàn toàn.

Đến nay, đền thờ Đức Thánh Trần sau nhiều lần trùng tu đã trở thành một quần thể kiến trúc tâm linh hài hòa, bề thế. Với vị trí trọng yếu, không gian rộng rãi, thoáng đãng cùng các chi tiết kiến trúc, điêu khắc tinh tế, ngôi đền thể hiện tấm lòng thành kính và niềm tự hào của nhân dân Ninh Tiến đối với bậc hiền tài xuất chúng của non sông. Chính những nỗ lực trùng tu, tôn tạo liên tục trong hơn một thế kỷ qua cũng là minh chứng sống động cho truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, biết ơn những người đi trước đã có công mở mang bờ cõi, giữ nước của dân tộc Việt.

2.3.2. Nhân vật phụng thờ

Đền thờ Đức Thánh Trần ở xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình là nơi thờ phụng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn - một nhân vật lịch sử vĩ đại, vị anh hùng dân tộc được người dân Việt Nam ngưỡng mộ và tôn kính.

Trần Quốc Tuấn là một trong những chỉ huy quân sự hàng đầu của triều đại Trần và nổi tiếng với những chiến công lừng lẫy trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông xâm lược vào thế kỷ XIII.

Với tài thao lược, ông đã chỉ huy quân dân nhà Trần lập nên nhiều chiến công hiển hách, đặc biệt là trận chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, tiêu diệt hầu hết lực lượng quân Nguyên trên đường tháo lui ra biển.

Ngoài tài năng quân sự, Trần Quốc Tuấn còn là một chính trị gia sáng suốt, một nhà tư tưởng lớn với những tác phẩm nổi tiếng như “Bình thư yếu lược”, “Hịch tướng sĩ”... thể hiện tầm nhìn và chí khí hào hùng. Ông cũng rất quan tâm đến đời sống của nhân dân, luôn suy nghĩ cho sự nghiệp an dân, trị quốc.

Với những cống hiến to lớn cho đất nước, Trần Quốc Tuấn được phong là Hưng Đạo Vương, được nhân dân tôn vinh là Đức Thánh Trần. Hình ảnh của

ông trở thành biểu tượng cho tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất, trở thành tấm gương chói sáng cho các thế hệ con cháu noi theo.

Tại đền thờ Đức Thánh Trần, Hưng Đạo Đại Vương được thờ phụng tôn nghiêm nơi bài vị trong Hậu cung. Trước bài vị có lư hương và các lễ phẩm dâng cúng. Đây chính là cách để bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với công lao to lớn của ông trong việc giữ nước và dựng nước.

Qua hàng trăm năm, hình ảnh và tinh thần của Trần Hưng Đạo vẫn luôn sống mãi trong tâm thức người Việt. Các thế hệ con cháu đời sau bày tỏ sự kính trọng đối với Hưng Đạo Vương bằng việc thờ phụng trang nghiêm, xây dựng miếu, đền để tưởng nhớ và tri ân. Ngôi đền thờ Đức Thánh Trần ở Ninh Tiến là một trong những minh chứng tiêu biểu cho lòng thành kính của người Việt Nam đối với vị anh hùng dân tộc mà đời đời con cháu phải ghi nhớ công ơn.

Tóm lại, Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn là nhân vật được phụng thờ chính tại đền thờ Đức Thánh Trần ở Ninh Tiến. Là một thiên tài quân sự, một lãnh đạo tài ba, ông đã cống hiến hết mình cho sự nghiệp chống giặc ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi, mở mang địa vực cho dân tộc. Những công trạng to lớn ấy tạo nên hình ảnh một Đức Thánh Trần trong tâm thức dân gian, xứng đáng với sự ngưỡng vọng, tri ân của người Việt đến muôn đời sau. Ngôi đền trang nghiêm giữa mảnh đất Ninh Bình hôm nay vẫn mãi tỏa sáng tinh thần và khí phách hào hùng của bậc tiền nhân kiệt xuất - Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

2.3.3. Kiến trúc, điêu khắc

Đền thờ Đức Thánh Trần tọa lạc tại thôn Hoàng Sơn, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình. Ngôi đền được xây dựng từ năm 1887 với lối kiến trúc vừa truyền thống nhưng cũng rất độc đáo, là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tâm linh và giá trị thẩm mỹ.

Quần thể kiến trúc chính của đền gồm hai tòa là Bái đường và Hậu cung, tạo thành hình chữ “Đinh” (⊥). Bái đường nằm ngang phía trước với cấu trúc 3 gian theo kiểu nhà truyền thống Việt Nam. Phía trên cửa Bái đường treo bức hoành phi gỗ với dòng chữ Hán “Nam Nhạc Hằng Thần” (Thần luôn luôn hiển hiện ở núi Nam). Bức hoành phi 4 chữ lớn mạ vàng trên nền đỏ tươi càng tăng thêm vẻ trang nghiêm, uy nghi của công trình.

Gian giữa Bái đường phía trong là khoảng sân rộng thoáng đãng, được lát bằng gạch đất nung. Từ không gian này, ta có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính của cột kèo, xà ngang và hệ thống rui mè gỗ chạm trổ công phu.

Phía sau bức tường chính là Hậu cung linh thiêng - nơi đặt bài vị và sắc phong thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Hậu cung được xây dựng với phong cách kiến trúc “tiền đao - hậu đốc”, bao gồm các phần chính là hiên, gian giữa và gian trong cùng. Đặc biệt, phần hiên Hậu cung được thiết kế và trang trí rất công phu với nhiều chi tiết bắt mắt như mái che hình vòm cung, cột đá có đường nét uốn lượn, các ván ốp trên mè cong được chạm khắc tỉ mỉ các hình tượng rồng, mây, hoa văn hồ phù...

Toàn bộ kết cấu hiên tạo nên không gian rộng rãi, thoáng đãng nhưng vẫn đầy uy nghiêm, tôn quý. Điểm nhấn chính giữa hiên là hoành phi gỗ sơn son thiếp vàng khắc 4 chữ Hán to đậm nét “Bảo Sơn Vọng Miếu” (Miếu bái vọng Bảo Sơn). Dòng chữ như một lời tôn vinh, ghi nhận công đức to lớn của Hưng Đạo Vương đối với đất nước và dân tộc.

Hệ thống mái che của Hậu cung cũng đầy ấn tượng với lớp ngói âm dương (ngói phỉn) màu đen bóng, tạo độ dốc vừa phải, vững chãi trước mưa gió. Trên các đỉnh mái bày trí nhiều tượng đắp nổi hình rồng, nghê, phượng hoàng, hồ phù với đường nét sống động, tinh xảo, toát lên vẻ đẹp đặc trưng của nghệ thuật kiến trúc cung đình phong kiến.

Ngoài kiến trúc nổi bật, đền thờ Đức Thánh Trần còn thu hút du khách bởi hệ thống bài trí, điêu khắc cổ tinh tế bên trong. Chính điện Hậu cung tôn nghiêm đặt nhiều tượng thờ, đồ thờ tự bằng đồng, bằng sứ, gốm cổ có giá trị nghệ thuật cao.

Phía sau là các bia đá chạm khắc công phu, ghi lại quá trình hình thành và phát triển của ngôi đền thiêng.

Có thể thấy, kiến trúc và điêu khắc của đền thờ Đức Thánh Trần thể hiện sự kết tinh tài hoa và tâm huyết của các nghệ nhân xưa. Từng đường nét chạm trổ, kết cấu, bố cục đều hướng tới sự hài hòa, trang nghiêm và tôn quý, để xứng đáng là nơi thờ phụng vị anh hùng của dân tộc - Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Với giá trị kiến trúc nghệ thuật nổi trội, đền thờ Đức Thánh Trần đã được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2013. Đây chính là minh chứng sống động cho truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” thiêng liêng, tấm lòng tri ân của nhân dân đối với các vị thần thánh, anh hùng dân tộc, được lưu giữ qua các công trình kiến trúc bề thế, tôn nghiêm đi cùng với thời gian.

2.3.4. Nghi lễ, lễ hội

Đền thờ Đức Thánh Trần ở xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình không chỉ là di tích lịch sử - văn hóa có kiến trúc độc đáo mà còn là nơi diễn ra nhiều hoạt động lễ hội và tín ngưỡng đặc sắc. Hằng năm cứ đến ngày 20 tháng 8 âm lịch, lễ hội truyền thống tại đền lại được tổ chức trang trọng thu hút đông đảo người dân và du khách thập phương về tham dự.

Trước ngày khai hội, công tác chuẩn bị đã được tiến hành chín chu cùng với sự tham gia của nhiều người dân địa phương. Họ cùng chung tay dọn dẹp khuôn viên, trang hoàng đền thờ, chuẩn bị lễ vật, phục trang cho nghi lễ sắp tới. Đây cũng là dịp để mọi người gặp gỡ, giao lưu, cùng nhau hướng về các giá trị lịch sử, văn hóa và truyền thống tốt đẹp.

Sáng sớm ngày khai hội, đoàn rước kiệu từ đình làng tiến về đền thờ trong không khí trang nghiêm nhưng không kém phần sôi nổi. Dẫn đầu là các vị chức sắc với trang phục truyền thống, tay bưng khay lễ thành kính. Theo sau là đoàn rước kiệu rực rỡ sắc màu với cờ hoa, lọng tía. Tiếng trống, tiếng chiêng inh ỏi hòa cùng tiếng hò reo náo nhiệt như vang vọng cả không gian.

Tại sân đền, nghi lễ dâng hương được tiến hành với không khí đầy thiêng liêng. Các bô lão, đại diện dòng họ thay mặt dân làng dâng lễ vật lên ban thờ, bày tỏ lòng thành kính tri ân công đức của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Lời khấn nguyện cầu mong quốc thái dân an, mùa màng bội thu, mưa thuận gió hòa, nhân dân no ấm càng tô đậm thêm ý nghĩa nhân văn của lễ hội.

Sau phần lễ trang nghiêm là hàng loạt các hoạt động hội vui tung bừng diễn ra. Các trò chơi dân gian như kéo co, đi cầu kiều, đập niêu, hát ghẹo... thu hút sự tham gia của đủ mọi lứa tuổi. Tiếng cười giòn tan, tiếng reo hò cổ vũ đan xen tạo nên không khí vui tươi, đầm ấm. Đây là lúc để mọi người xích lại gần nhau hơn, cùng hòa chung niềm vui sau những ngày lao động mệt nhọc.

Một nét văn hóa tâm linh nổi bật của lễ hội chính là tục xin xăm, cầu an, cầu tài, cầu lộc. Người dân thành tâm đến trước ban thờ Đức Thánh Trần để cầu mong cho sức khỏe, công danh, sự nghiệp hanh thông, gia đình hạnh phúc.

Có thể thấy, lễ hội truyền thống tại đền thờ Đức Thánh Trần là một sinh hoạt tín ngưỡng lành mạnh, một nét đẹp trong đời sống văn hóa và tâm linh của người dân nơi đây. Qua đó, tình làng nghĩa xóm được gắn kết, truyền thống uống nước nhớ nguồn, tri ân tiên nhân được giữ gìn và phát huy. Sự quan tâm của chính quyền và nhiệt tình tham gia của người dân chính là động lực để lễ

hội truyền thống tại Đền Đức Thánh Trần ngày càng đậm đà bản sắc, trở thành nét son trong bức tranh văn hóa tín ngưỡng vùng đất Cổ đô.

Trong tương lai, việc bảo tồn, phát huy giá trị của lễ hội đền thờ Đức Thánh Trần cần được chú trọng. Đó là cách để chúng ta gìn giữ một phần quan trọng của kho tàng di sản phi vật thể dân tộc, giúp cho truyền thống tốt đẹp mãi được lưu truyền và phát triển, thấm nhuần vào máu thịt của thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước.

2.4. Đền Vua Lộ

2.4.1. Lịch sử hình thành, trùng tu

Đền Vua Lộ nằm trên địa phận thôn Cổ Loan Trung, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Đây là ngôi đền thờ Lục Lộ Đại Vương Nguyễn Phổ, một vị quan dưới triều vua Lê Thánh Tông, người đã có công lao trong cuộc chiến chống quân Chiêm Thành.

Với trên dưới 300 năm lịch sử, đền Đức Thánh Cả đã được 04 đời vua sắc phong, được lưu truyền lại và có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa và khoa học. Trải qua nhiều thế kỷ với sự tác động của thời tiết, con người và sự tàn phá của chiến tranh, di tích đã bị xuống cấp. Tuy nhiên, nhân dân Ninh Tiến luôn quan tâm đến việc trùng tu, tôn tạo lại đền thờ để bảo tồn giá trị của di tích cũng như tưởng nhớ công lao của Lục Lộ Đại Vương Nguyễn Phổ.

Căn cứ vào các sắc phong được lưu giữ tại đền, có thể khẳng định rằng Lục Lộ Đại Vương đã được phụng thờ tại nơi đây từ trước năm 1783. Cụ thể, đền Vua Lộ hiện vẫn còn 5 đạo sắc phong của các triều vua Hậu Lê và triều Nguyễn, cho thấy sự quan tâm và ghi nhận của các đời vua đối với việc thờ cúng vị thần tướng này.

Theo ghi chép trên thượng lương của Hậu cung đền, công trình đã được trùng tu vào tháng 12 mùa đông năm Nhâm Thân, tuy nhiên chưa rõ cụ thể năm nào. Đến năm 1985, Hậu cung của đền tiếp tục được trùng tu, tu bổ.

Năm 2001, Tiền đường của đền được trùng tu. Thượng lương tại Tiền đường ghi rõ: “Tháng 11 mùa đông năm Tân Tỵ (2001) nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”. Như vậy, công trình này đã được trùng tu, tu bổ vào tháng 11 năm 2001.

Gần đây nhất, vào năm 2015, Hậu cung của Đền Vua Lộ tiếp tục được trùng tu, tôn tạo lại nhằm bảo vệ và phát huy giá trị của di tích.

Các đợt trùng tu qua các thời kỳ cho thấy sự quan tâm của nhân dân và chính quyền địa phương trong việc gìn giữ di sản văn hóa. Nhờ đó mà ngôi đền

với kiến trúc cổ xưa và nhiều hiện vật có giá trị vẫn còn tồn tại đến ngày nay, trở thành địa điểm tâm linh và sinh hoạt văn hóa quan trọng của cộng đồng.

2.4.2. Nhân vật phụng thờ

Nhân vật chính được thờ phụng tại Đền Vua Lộ là Lục Lộ Đại vương Nguyễn Phổ. Ông là em trai của Đông Hải Đại Vương Nguyễn Phục, quê quán ở xã Đoan Tùng, huyện Gia Lộc, xứ Hải Dương (nay là Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương).

Nguyễn Phổ đỗ đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ khoa thi Quý Dậu, năm Thái Hòa thứ 11 (1453). Ông làm quan dưới triều Lê Thánh Tông, có tài thao lược và giỏi việc quân cơ nên được vua giao nhiệm vụ đốc vận quân lương khi đi đánh quân Chiêm Thành năm 1470.

Trong quá trình đốc vận, ông gặp bão lớn ở cửa Lạch Trào (Thanh Hóa) nên thuyền không thể đi được. Sau đó ông lại đến trễ một ngày so với lệnh vua. Do nghe lời gian thần, vua Lê Thánh Tông đã xử tử Nguyễn Phổ và anh trai của ông là Nguyễn Phục vào ngày 12 tháng 8 năm 1470.

Sau khi Nguyễn Phổ bị xử tử, ông trở thành vị thần sông nước. Các thuyền bè qua lại cầu đảo ông rất linh ứng. Vì vậy, dân gian lập đền thờ tưởng nhớ công lao của Lục Lộ Đại vương, cầu mong ông phù hộ cho cuộc sống bình yên, mùa màng tươi tốt.

Ngoài Lục Lộ Đại vương Nguyễn Phổ, Đền Vua Lộ còn phụng thờ một số vị thần khác, bao gồm:

- Bà Đương cảnh Thành hoàng có mỹ tự là Hộ Ma Đại vương: Theo truyền thuyết dân gian, bà là người trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa ở bãi sông Sào Khê. Năm 1285, bà đã đem tơ lụa tiến cống nhà vua để tết dây chằng buồm cho thuyền chiến khi đi đánh giặc Nguyên Mông. Sau đó bà hóa thân về trời. Nhân dân lập đền thờ bà tại bãi sông Sào Khê để tưởng nhớ công ơn.

- Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn: Là danh tướng đời nhà Trần, có công lớn trong các cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược Đại Việt.

- Các vị Thành hoàng khác: Như Bà Bạch Hoa Công chúa và Ông Đệ tứ Khâm sai Phù nghĩa Tướng quân. Tuy nhiên không có nhiều tư liệu về lai lịch của các vị này.

- Ông Hộ pháp.

Việc thờ các vị thần khác tại Đền Vua Lộ thể hiện tín ngưỡng thờ cúng tổng hợp, đa dạng của người dân địa phương, thờ cả những bậc anh hùng liệt

nữ có công với nước, các nhân vật tâm linh và thành hoàng làng. Điều này phản ánh đời sống tâm linh phong phú, là nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng.

2.4.3. Kiến trúc, điêu khắc

Đền Vua Lô có kiến trúc hình chữ “nhị” (二), bao gồm hai tòa chính là Tiền đường và Hậu cung. Toàn bộ kiến trúc của ngôi đền quay hướng về phía Đông, nằm trong khuôn viên rộng 285.4m².

Tiền đường có kết cấu 3 gian với tường hồi bít đốc. Kích thước của Tiền đường là dài 7.25m, rộng 5.45m và cao 3.95m. Gian giữa thờ Ngũ vị Thành hoàng với hoành phi ghi dòng chữ “Thánh cung vạn tuế”. Phía trước là 4 cột trụ biểu, trên đỉnh hai cột ngoài cùng trang trí hình hoa sen. Mái của Tiền đường lợp ngói đỏ.

Hậu cung cũng có 3 gian với tường hồi bít đốc. Kích thước của Hậu cung là dài 5.45m, rộng 4.4m và cao 4.1m. Gian giữa thờ Lục Lô Đại vương, treo hoành phi bằng gỗ sơn son thếp vàng với dòng chữ “Đương dương tại thượng”. Sàn Hậu cung cao hơn nền Tiền đường 0.6m, bậc lên lát gạch đỏ. Hậu cung có 2 cột hiên vuông làm bằng bê tông giả gỗ, mái lợp ngói vẩy.

Nền của cả Tiền đường và Hậu cung đều xây cao giât cấp, mỗi cấp cao khoảng 0.3m. Nền gạch, tường xây gạch trát vôi vữa kiên cố, cột kèo và vì kèo bằng gỗ. Hệ thống cửa ra vào đều bằng gỗ, cửa Tiền đường theo lối bản ghép hiện đại còn cửa Hậu cung kiểu thượng song hạ bản truyền thống.

Đền Vua Lô không chỉ có giá trị về kiến trúc cổ với bố cục hài hòa và các chi tiết trang trí tinh xảo, mà các nghệ thuật điêu khắc, đồ thờ tự bên trong cũng góp phần tạo nên sự độc đáo cho di tích. Trong đền hiện còn lưu giữ được nhiều cổ vật quý như bát hương, bài vị, long ngai, kiểng thờ... mang giá trị nghệ thuật và lịch sử. Đặc biệt, 5 tấm sắc phong của các vua Hậu Lê và Nguyễn được bảo quản nguyên vẹn tại đây là những tư liệu vô cùng quý giá.

Kiến trúc tôn nghiêm và trang trọng cùng với hệ thống điêu khắc, đồ thờ công phu của Đền Vua Lô là minh chứng cho sự phát triển mỹ thuật thời xưa. Qua đó thấy được tâm huyết và tài năng của các nghệ nhân cũng như lòng thành kính của nhân dân đối với các bậc tiền nhân, thần linh được phụng thờ trong đền. Cho đến nay, di tích vẫn giữ được nét kiến trúc xưa cổ kính nhờ sự quan tâm gìn giữ của cộng đồng.

2.4.4. Nghi lễ, lễ hội

Đền Vua Lộ là trung tâm diễn ra các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng quan trọng của cộng đồng người dân địa phương. Hàng năm, tại đây diễn ra nhiều nghi lễ truyền thống và lễ hội lớn thu hút đông đảo du khách và nhân dân địa phương.

Một trong những ngày lễ quan trọng nhất chính là Hội làng vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm. Trong ngày này, người dân địa phương tập trung tại đền dâng lễ vật gồm hương, hoa quả, trầu cau, xôi, thịt... và cử hành nghi thức tế lễ long trọng. Phần lễ có sự tham gia của cả nam nữ quan, sau đó là lúc thụ lộc tại đền. Trước đây còn có tục rước kiệu quanh làng nhưng nay đã mai một dần.

Tiếp đến là lễ kỵ Lục Lộ Đại vương Nguyễn Phổ vào ngày 12 tháng 8 âm lịch. Đây được coi là ngày lễ chính, cũng diễn ra các nghi thức tương tự như Hội làng, nhưng quy mô và không khí trang nghiêm hơn. Ngày 11 tháng 8, người dân đã bắt đầu dọn dẹp đền thờ, sửa soạn lễ vật. Buổi chiều có lễ tế cáo của các bậc cao niên. Sang ngày 12, từ sáng đến chiều diễn ra các nghi lễ tế tự, dâng hương tưởng nhớ công lao của Lục Lộ Đại vương và cầu mong phù hộ.

Ngoài hai ngày lễ lớn trên, Đền Vua Lộ còn là nơi tổ chức nhiều sinh hoạt tín ngưỡng vào các dịp khác trong năm như Tết Nguyên tiêu 15/1, Tết Thượng Điền 15/7, Lễ Tắt niên cuối năm, lễ sóc vọng vào các ngày mùng 1 và rằm hàng tháng ... Với tất cả các dịp này, người dân đều thành tâm sửa soạn lễ vật dâng cúng thần linh, cầu mong một năm mới bình an, tốt lành.

Có thể thấy, các nghi lễ và lễ hội tại Đền Vua Lộ diễn ra quanh năm với sự tham gia đông đảo và lòng thành kính của cộng đồng dân cư. Đó không chỉ đơn thuần là các hoạt động tâm linh, tín ngưỡng mà còn mang ý nghĩa gắn kết cộng đồng, lưu giữ những nét văn hóa truyền thống lâu đời của làng xã. Qua đây, tình cảm và đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, biết ơn các bậc tiền nhân có công với nước, với làng được giáo dục và phát huy. Các nghi lễ truyền thống này tiếp tục được gìn giữ và trao truyền qua nhiều thế hệ.

2.5. Đền Sặt

2.5.1. Lịch sử hình thành, trùng tu

Đền Sặt là một di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng, tọa lạc tại thôn Hoàng Sơn Tây, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình. Nằm ven bờ sông Sào Khê thơ mộng, đền Sặt hiện ra với vẻ đẹp cổ kính và không gian thanh tịnh, mang đậm

dấu ấn của làng quê Bắc Bộ. Ngôi đền không chỉ là nơi ghi nhận công lao của Thánh Quý Minh Đại Vương - một vị tướng tài ba thời Hùng Vương, mà còn là minh chứng cho truyền thống uống nước nhớ nguồn, tôn vinh các bậc tiền nhân có công với đất nước.

Theo Lý lịch di tích đền Sắt xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình (2016), đền Sắt được xây dựng từ thời Hùng Vương thứ 18 (Hùng Duệ Vương). Tương truyền rằng Quý Minh Đại Vương đã từng lập căn cứ tại đây để chiến đấu chống lại giặc ngoại xâm. Với tài năng xuất chúng và lòng dũng cảm, Ngài đã góp phần đánh đuổi kẻ thù, bảo vệ bờ cõi, mang lại cuộc sống yên bình cho nhân dân. Để tưởng nhớ và tỏ lòng biết ơn trước công lao to lớn của vị tướng tài ba này, người dân địa phương đã dựng đền Sắt để thờ phụng.

Trải qua hàng trăm năm với bao thăng trầm của lịch sử, đền Sắt đã trải qua nhiều lần trùng tu và tu bổ. Các triều đại phong kiến như Hậu Lê, Nguyễn đã ban sắc phong và công nhận đền Sắt là di tích quan trọng. Đền hiện còn lưu giữ 9 đạo sắc phong từ thời vua Cảnh Hưng cho thấy sự quan tâm của các đời vua đối với việc gìn giữ và phát huy giá trị của di tích.

Không chỉ có ý nghĩa về mặt tâm linh, trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đền Sắt còn đóng vai trò quan trọng về mặt quân sự. Đây từng là địa điểm trực chiến, trạm gác, nơi hội họp bàn bạc kế sách đánh giặc của bộ đội địa phương và dân quân du kích. Chính nơi đây đã chứng kiến những dấu mốc lịch sử hào hùng và tinh thần chiến đấu quật cường của quân và dân ta.

Thời gian gần đây, công tác trùng tu và tu bổ đền Sắt được chú trọng với sự vào cuộc của chính quyền và sự hưởng ứng của nhân dân địa phương. Năm 2006, đền được tu sửa, gia cố nền móng, thay mới hệ thống mái ngói, chống xuống cấp cho các cấu kiện gỗ. Đến năm 2015, một dự án trùng tu tổng thể đền Sắt đã được phê duyệt và triển khai với sự đầu tư từ nguồn vốn của tỉnh, góp phần tạo diện mạo mới cho di tích.

Đặc biệt, năm 2016, đền Sắt chính thức được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. Điều này khẳng định giá trị quan trọng của di tích, đồng thời mở ra cơ hội để đền được đầu tư, chăm lo một cách bài bản hơn trong tương lai. Việc trùng tu định kỳ cùng với danh hiệu di tích đã góp phần nâng tầm vị thế, biến đền Sắt trở thành điểm đến thu hút du khách thập phương.

Có thể thấy, từ một ngôi đền giản dị dựng lên để thờ phụng vị Thánh Quý Minh Đại Vương, đền Sắt đã trở thành một di tích lịch sử tiêu biểu của vùng đất Ninh Bình. Quá trình hình thành và phát triển của đền gắn liền với lòng thành kính của người dân nơi đây đối với những người đi trước, với đạo lý tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt. Công cuộc trùng tu, tôn tạo đền trong suốt chiều dài lịch sử và các danh hiệu mà đền được công nhận là những minh chứng hùng hồn cho giá trị của di sản mà cha ông ta để lại. Đó cũng chính là động lực để các thế hệ tiếp bước, gìn giữ, phát huy những giá trị lịch sử văn hóa truyền thống quý báu này.

2.5.2. Nhân vật phụng thờ

Đền Sắt ở xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình là nơi thờ phụng Thánh Quý Minh Đại Vương - một vị tướng tài ba của đời vua Hùng thứ 18 (Hùng Duệ Vương). Ngài được người dân nơi đây tôn thờ như một vị thần linh bảo vệ, che chở cho cuộc sống bình yên, ấm no của nhân dân.

Theo Lý lịch di tích đền Sắt (2016), “Theo thần tích, thần phả được lưu giữ tại các di tích ở Ninh Bình, Quý Minh Đại Vương vốn tên là Hiên, là anh em sinh đôi với Cao Sơn Đại Vương (tên Sùng), cùng với người anh họ Tản Viên Sơn Thánh (tên Tuấn), quê ở động Lăng Xương, huyện Gia Hưng, tỉnh Hưng Hoá, đạo Sơn Tây. Các ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhân đức nhưng hiếm con cái. Được dạy dỗ chu đáo, lại có bản tính thông minh, nên các ông học hành tấn tới, từ thiên văn đến địa lý, không gì là không hiểu. Nhưng chẳng may đến năm các ông 13 tuổi, trong một năm cha mẹ đều mất cả, ba anh em đi làm con nuôi bà Ma Thị, được các vị thần linh truyền cho phép thuật cao thâm. Khi lớn lên, các ông thống lĩnh quân đội, giúp vua Hùng đánh đuổi quân Ai Lao, Thục Phán đến xâm phạm bờ cõi nước Văn Lang. Các ông đến núi Sơn Dục, động Hoa Lư, phủ Trường Yên lập đền chiêu binh. Dưới quyền chỉ huy của Tản Viên, các ông dồn quân đến đồn địch đánh một trận lớn. Quân Thục thua to phải bỏ chạy. Sau chiến thắng, vua Hùng phong Sơn Thánh làm Quốc chủ, ông Sùng là Tả đô đài Đại phu, ông Hiên là Hữu đô đài Đại phu. Vua Hùng lại gia phong cho ông Sùng là Cao Sơn Đại Vương, ông Hiên là Quý Minh Đại Vương. Ông Sùng bên tâu xin vua Hùng về đất Văn Áng (khu vực Vân Trình, Nho Quan ngày nay) lập sinh từ.” [29; tr2-3]

Công lao to lớn của Thánh Quý Minh Đại Vương trong sự nghiệp giữ nước đã được ghi nhận ngay từ thời nhà Hùng. Người dân địa phương đã lập đền thờ để tưởng nhớ và tri ân đức độ cũng như chiến công của Ngài. Từ đó,

hình ảnh Thánh Quý Minh Đại Vương đã trở thành biểu tượng cho lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu quên mình vì độc lập, tự do của dân tộc.

Các triều đại sau này như Hậu Lê, Nguyễn cũng đã nhiều lần sắc phong và tôn vinh địa vị của Thánh Quý Minh Đại Vương. Hiện tại, đền Sặt còn lưu giữ được 9 đạo sắc phong từ thời Cảnh Hưng (1740 - 1786), ghi nhận và khẳng định vị thế, vai trò quan trọng của vị tướng anh hùng này trong lịch sử cũng như trong tâm thức người dân.

Hình ảnh và tinh thần của Thánh Quý Minh Đại Vương không chỉ gắn liền với thời đại Hùng Vương hào hùng mà còn trở thành điểm tựa tinh thần cho các cuộc kháng chiến sau này. Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đền Sặt đã trở thành điểm hội họp, bàn bạc kế sách đánh giặc của quân và dân ta. Tinh thần bất khuất, ý chí kiên cường của Thánh Quý Minh Đại Vương được khơi dậy, cổ vũ thế hệ trẻ vùng lên đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, bài vị của Thánh Quý Minh Đại Vương được tôn thờ trang nghiêm tại Hậu cung của đền Sặt. Vào ngày giỗ Thánh 22/10 hàng năm, các nghi lễ tế tự truyền thống đều được tiến hành để tưởng nhớ công đức và tỏ lòng thành kính với vị Thánh. Người dân địa phương và du khách các nơi đều đến dâng hương, bày tỏ tấm lòng biết ơn sâu sắc.

Ngoài Thánh Quý Minh Đại Vương, đền Sặt cũng là nơi thờ các quan văn, quan võ có công báo quốc an dân. Điều này thể hiện quan niệm tôn sư trọng đạo, tưởng nhớ và biết ơn các bậc tiền nhân như một truyền thống đẹp của dân tộc Việt.

Thánh Quý Minh Đại Vương là nhân vật được thờ chính tại đền Sặt. Ngài là một vị tướng tài năng và dũng cảm của thời đại Hùng Vương, có công lớn trong việc đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ cuộc sống yên bình cho nhân dân. Việc thờ phụng Thánh Quý Minh Đại Vương cùng các quan văn, quan võ tại đền không chỉ bày tỏ lòng thành kính và tri ân của người dân với vị thần anh hùng trung quân ái quốc, mà còn góp phần giữ gìn, lan tỏa những giá trị tốt đẹp về ý chí chống giặc giữ nước, về đạo lý tôn sư trọng đạo đến khắp các tầng lớp nhân dân.

2.5.3. Kiến trúc, điêu khắc

Đền Sặt là công trình có lối kiến trúc tôn giáo tiêu biểu của vùng đất Ninh Bình, mang đậm dấu ấn của nghệ thuật và kiến trúc truyền thống Việt Nam. Tọa lạc bên dòng sông Sào Khê thơ mộng, đền được xây dựng theo kiểu

chữ Đinh truyền thống, một hình thức kiến trúc phổ biến trong các công trình tín ngưỡng của người Việt từ thời xưa. Cấu trúc chữ Đinh này thể hiện qua việc bố trí hai tòa nhà chính là tiền đường và hậu cung nối liền nhau, tạo nên một tổng thể kiến trúc hài hòa, vững chãi.

Mặc dù hướng chính của đền quay về phía Nam - hướng được xem là cát tường trong quan niệm phong thủy cổ truyền, nhưng cổng vào đền lại được bố trí hướng Bắc, tiếp giáp với con đường ven sông Sào Khê. Đây là một điểm đặc biệt trong kiến trúc của Đền Sặt, vừa thuận tiện cho việc đi lại của người dân, vừa tạo nên một không gian linh thiêng khi bước vào khuôn viên đền. Cổng đền được thiết kế theo kiểu tam quan truyền thống với ba cửa, cửa giữa lớn hơn và cao hơn hai cửa bên, biểu trưng cho sự tôn nghiêm của không gian thánh địa.

Tiền đường của Đền Sặt là không gian rộng lớn, bao gồm 3 gian, tường hồi bít đốc, có chiều dài 7,15m, chiều rộng 4,15m, chiều cao 3,9m. Hiên tiền đường rộng 0,7m, hai bên mái hiên là hai cột hình trụ biểu, thân cột có khắc câu đối bằng chữ Hán. Đây là không gian diễn ra các nghi lễ, lễ hội quan trọng của làng xã. Tiền đường được xây dựng với bốn hàng cột chính, tạo nên không gian thông thoáng nhưng vẫn giữ được vẻ trang nghiêm, cổ kính. Các cột trong tiền đường được làm từ gỗ lim, một loại gỗ quý có độ bền cao, được chạm khắc tỉ mỉ với các họa tiết truyền thống như rồng, phượng, hoa văn dây leo, tạo nên vẻ đẹp tinh xảo và sang trọng.

Hệ thống mái của tiền đường được thiết kế theo kiểu chồng diêm hai tầng mái, lợp ngói mũi hài màu đỏ gạch, tạo nên một hình ảnh đặc trưng của kiến trúc đình, đền truyền thống Việt Nam. Đặc biệt, các đầu đao và đầu rồng trên mái được chạm khắc tinh xảo, không chỉ có giá trị trang trí mà còn mang ý nghĩa tâm linh, biểu trưng cho sự phồn thịnh và bảo vệ.

Hậu cung của Đền Sặt là không gian thiêng liêng nhất, nơi đặt bàn thờ chính thờ Thánh Quý Minh Đại Vương - vị tướng tài ba thời Hùng Vương thứ 18. Hậu cung được xây dựng theo lối kiến trúc “tiền đao hậu đốc”, gồm 2 gian, chiều dài 4,6m, chiều rộng 3,4m và chiều cao 3,4m.

Nghệ thuật điêu khắc tại Đền Sặt là một điểm nhấn quan trọng, thể hiện tài năng và óc thẩm mỹ tinh tế của các nghệ nhân dân gian xưa. Các họa tiết chạm khắc tập trung nhiều ở các vị trí như cột, kèo, đầu dư, bức cốn, cửa võng và đặc biệt là long ngai - nơi đặt bài vị của Thánh. Các họa tiết chạm khắc phổ biến bao gồm tứ linh (long, lân, quy, phượng), bát bửu (tám vật báu), các cảnh

sinh hoạt dân gian và các tích truyện lịch sử. Mỗi họa tiết đều mang ý nghĩa tượng trưng riêng, góp phần làm phong phú thêm giá trị văn hóa và nghệ thuật của công trình.

Đặc biệt, long ngai trong hậu cung là tác phẩm điêu khắc tinh xảo nhất của Đền Sặt. Long ngai thường được làm từ gỗ quý, chạm khắc hình rồng uốn lượn, phun châu nhả ngọc, biểu trưng cho quyền uy và sự tôn kính đối với vị Thánh được thờ phụng. Phần thân long ngai thường được chạm khắc các họa tiết như mây, sóng nước, hoa sen, tạo nên một tổng thể hài hòa và trang nghiêm.

Bát hương không chỉ là vật dụng thờ cúng mà còn là tác phẩm nghệ thuật, thể hiện kỹ thuật chế tác và thẩm mỹ của người xưa. Ngoài ra, các đồ thờ khác như chân đèn, lư hương, mâm bồng, đỉnh đồng... cũng được chế tác công phu, góp phần làm tăng thêm vẻ trang nghiêm và cổ kính của không gian thờ tự.

Ngoài các yếu tố kiến trúc và điêu khắc truyền thống, Đền Sặt còn lưu giữ 9 sắc phong quý giá từ thời Hậu Lê và triều Nguyễn, đặc biệt là từ thời Cảnh Hưng. Các sắc phong này không chỉ có giá trị lịch sử mà còn là minh chứng cho sự tôn vinh và công nhận của các triều đại phong kiến đối với công lao của Thánh Quý Minh Đại Vương. Việc bảo quản và trưng bày các sắc phong này cũng là một phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của di tích.

Đền Sặt đã được xây dựng từ lâu, trải qua nhiều biến cố lịch sử, chiến tranh, sự tác động của con người và thiên nhiên nhưng đến nay, đền Sặt vẫn còn lưu giữ được những nét kiến trúc cổ xưa, thể hiện sự trân trọng của người dân đối với di sản văn hóa quý báu này.

Trong quá trình trùng tu, tôn tạo, các yếu tố kiến trúc và điêu khắc nguyên bản của Đền Sặt đã được các nghệ nhân và thợ thủ công địa phương chú trọng bảo tồn và phục hồi. Việc này không chỉ giúp lưu giữ giá trị lịch sử, văn hóa của di tích mà còn góp phần quảng bá bản sắc văn hóa của Ninh Bình nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Kiến trúc và điêu khắc của Đền Sặt, với những giá trị lịch sử và nghệ thuật đặc sắc, đã góp phần trong việc Đền được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh vào năm 2016. Đây không chỉ là niềm tự hào của người dân xã Ninh Tiến mà còn là tài sản văn hóa quý báu của cả vùng đất Cố đô Hoa Lư.

2.5.4. Nghi lễ, lễ hội

Nghi lễ, lễ hội tại Đền Sặt là thể hiện sự sinh động trong đời sống văn hóa tâm linh, thể hiện niềm tin tín ngưỡng sâu sắc và sự tri ân của nhân dân xã Ninh Tiến nói riêng và vùng đất Ninh Bình nói chung đối với Thánh Quý Minh Đại Vương. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tại Đền Sặt vẫn được duy trì và phát triển, trở thành nét đẹp văn hóa đặc sắc của vùng đất này.

Lễ hội Đền Sặt không chỉ là dịp để người dân bày tỏ lòng thành kính, biết ơn đối với vị Thánh đã có công bảo vệ và che chở cho dân làng, mà còn là dịp để cộng đồng gắn kết, tăng cường tình đoàn kết và lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống. Các hoạt động nghi lễ, lễ hội tại Đền Sặt được tổ chức theo chu kỳ cố định, với quy mô và nội dung phong phú, đa dạng.

Hội làng là một trong những hoạt động văn hóa quan trọng nhất tại Đền Sặt, được tổ chức theo chu kỳ ba năm một lần vào những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu theo âm lịch. Thời điểm tổ chức hội làng là vào ngày rằm tháng hai âm lịch - thời điểm tiết trời ấm áp, cây cối đâm chồi nảy lộc, tượng trưng cho sự khởi đầu của một chu kỳ sinh sôi, phát triển mới. Việc chọn ngày rằm - ngày trăng tròn để tổ chức hội làng còn mang ý nghĩa cầu cho mọi việc được trọn vẹn, viên mãn như vàng trăng đêm rằm.

Trong ngày hội làng, người dân trong vùng dậy từ sớm, ai nấy đều mặc trang phục chỉnh tề, người già mặc áo dài truyền thống, thanh niên, trẻ em mặc quần áo mới, đẹp nhất. Không khí làng quê trở nên rộn ràng, nhộn nhịp hơn ngày thường. Các hoạt động của hội làng bắt đầu từ đình làng - nơi diễn ra nghi thức tế lễ trang nghiêm do các vị cao niên, những người có uy tín trong làng thực hiện. Đây là nghi thức quan trọng, thể hiện lòng thành kính của cả cộng đồng đối với các vị thần linh được thờ phụng tại đình, cầu mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, dân làng khỏe mạnh, bình an.

Sau nghi thức tế lễ tại đình là lễ rước kiệu thánh - một trong những nghi thức quan trọng và đặc sắc nhất của hội làng. Kiệu thánh được trang trí lộng lẫy bằng hoa tươi, vải đỏ, vàng - những màu sắc tượng trưng cho sự cao quý, thiêng liêng. Kiệu thánh chứa bài vị của Thánh Quý Minh Đại Vương được long trọng rước từ đình làng Hoàng Sơn xuống Đền Sặt. Đoàn rước kiệu thường do các thanh niên trai tráng khỏe mạnh trong làng đảm nhiệm, theo sau là đoàn lễ nữ mặc áo tứ thân, áo dài truyền thống, đoàn nhạc lễ với các nhạc cụ dân tộc

truyền thống như trống, cồng, chiêng, kèn... tạo nên một không khí trang nghiêm nhưng cũng không kém phần rộn ràng, náo nhiệt.

Đoàn rước kiệu di chuyển theo một lộ trình cố định, đi qua các ngã đường chính trong làng, cho phép tất cả người dân được chiêm ngưỡng, bày tỏ lòng thành kính đối với vị Thánh. Dọc đường đi, người dân thường bày hương án trước cửa nhà, thắp hương, dâng hoa quả để thể hiện lòng thành kính và đón rước vị Thánh. Đoàn rước kiệu cuối cùng dừng lại tại Đền Sặt - nơi thờ chính của Thánh Quý Minh Đại Vương.

Tại Đền Sặt, bài vị của Thánh được đặt trang trọng trên long ngai trong hậu cung, và nghi lễ tế Thánh tiếp tục được diễn ra với sự tham gia của các chức sắc trong làng. Lễ vật dâng cúng thường gồm các món ăn truyền thống như xôi, gà, bánh chưng, trái cây, rượu... - những sản vật tiêu biểu của vùng đất nông nghiệp. Sau nghi lễ chính là phần hội với các hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian, trò chơi truyền thống, tạo nên bầu không khí phấn khởi, vui tươi cho toàn thể người dân.

Ngoài hội làng được tổ chức ba năm một lần, hàng năm tại Đền Sặt còn diễn ra lễ Giỗ Thánh vào ngày 22 tháng 10 âm lịch. Đây là ngày kỷ niệm ngày mất của Thánh Quý Minh Đại Vương, và cũng là dịp để nhân dân bày tỏ lòng biết ơn đối với vị Thánh đã có công bảo vệ và che chở cho dân làng. Nghi lễ Giỗ Thánh được tổ chức trang nghiêm, với sự tham gia của một đội tế nam gồm 3 người tế chính và 4 người tế phụ. Nghi lễ tế thường bắt đầu từ 8 giờ đến 10 giờ sáng, với các nghi thức cúng lễ truyền thống như thắp hương, dâng lễ vật, đọc văn tế...

Đội tế nam đảm nhiệm việc tế lễ chính thức tại Đền Sặt phải là những người am hiểu về nghi lễ truyền thống, có đạo đức tốt và được cộng đồng tín nhiệm. Họ thường mặc trang phục truyền thống gồm áo dài khăn đóng màu đen hoặc màu xanh thẫm, thể hiện sự trang nghiêm, lịch sự và tôn kính đối với vị Thánh. Trong quá trình tế lễ, các động tác, cử chỉ đều được thực hiện một cách chuẩn mực, trang trọng theo đúng nghi thức đã được lưu giữ qua nhiều thế hệ.

Sau phần nghi lễ chính thức, người dân trong làng và các vùng lân cận đến Đền Sặt thắp hương, bày tỏ lòng biết ơn và tri ân đối với vị Thánh. Đây cũng là dịp để mọi người cầu sự bình an và may mắn cho bản thân và gia đình. Không khí tại Đền Sặt trong ngày Giỗ Thánh luôn trang nghiêm nhưng cũng không kém phần ấm cúng, thân tình, thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó của cộng đồng.

Ngoài hai lễ hội chính là hội làng và giỗ Thánh, vào các ngày rằm và mừng một hàng tháng, người dân trong vùng cũng thường xuyên đến Đền Sắt thắp hương, cầu mong sự bình an và may mắn. Đây là hoạt động tín ngưỡng dân gian đã trở thành thói quen, nếp sống văn hóa của người dân địa phương. Việc duy trì các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội này không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mà còn tăng cường sự gắn kết cộng đồng, giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Trải qua thời gian và nhiều biến cố lịch sử, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, khi Đền Sắt trở thành địa điểm trực chiến và trạm gác quân sự, nơi hội họp và bàn bạc các kế hoạch đánh địch của dân quân du kích và bộ đội địa phương, các hoạt động lễ hội truyền thống có thể đã bị gián đoạn hoặc thu hẹp quy mô. Tuy nhiên, sau khi đất nước hòa bình, độc lập, các hoạt động này đã được khôi phục và phát triển, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Hiện nay, với sự quan tâm của chính quyền địa phương và sự nhiệt tình tham gia của người dân, các hoạt động nghi lễ, lễ hội tại Đền Sắt không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mà còn trở thành một điểm nhấn văn hóa, thu hút du khách trong và ngoài nước. Việc Đền Sắt được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2016 đã khẳng định giá trị văn hóa, lịch sử đặc biệt của di tích này, và cũng là động lực để các hoạt động nghi lễ, lễ hội tại đây tiếp tục được duy trì và phát triển trong tương lai.

2.6. Chùa Cổ Loan

2.6.1. Lịch sử hình thành, trùng tu

Theo “Chùa Ninh Bình xưa và nay”, Chùa Cổ Loan được xây dựng vào những năm cuối đời vua Lê Hiển Tông (1740-1786), nằm ở mé Tây rìa làng thôn Cổ Loan Trung, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Chùa do Tổ sư Viên Hải – trụ trì ở chùa Thạch Lâm tỉnh Thanh Hóa ra tỉnh Ninh Bình xây dựng tại thôn Cổ Loan. Ban đầu, chùa chỉ là 3 gian tre nứa lợp cỏ tranh. Sư Viên Hải trụ trì ở chùa một thời gian rồi đi nơi khác, sau đó viên tịch. Từ đó, chùa do hai anh em cư sĩ Tống Huyền Thầy và Tống Huyền Thợ và nhân dân địa phương trông nom.

Đến năm 1810, Thiền phái Lâm Tế đã phát triển mạnh mẽ ở Ninh Bình với nhiều chốn tổ lớn. Hai cư sĩ là Tống Huyền Thầy và Tống Huyền Thợ đã đến chốn Tổ chùa Phương Ban ở xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô xin Tổ Thông

Trạch (1850-1884) cho người về trụ trì ở chùa Cổ Loan. Tổ Thông Trạch đã cử đệ tử là Tỳ Khiêu Thích Thanh Nhu về chính thức trụ trì chùa Cổ Loan. Ngài đã chủ trì công cuộc trùng tu, xây dựng lại ngôi Tam Bảo và hoằng truyền chánh pháp tại đây. Công trình tái thiết chùa Cổ Loan còn nhận được sự hỗ trợ tích cực của Tuần phủ Ninh Bình lúc bấy giờ là Nguyễn Duy Ninh. Ông đã đóng góp tiền của, vật lực để hỗ trợ quá trình xây dựng, tôn tạo ngôi già lam.

Dưới sự điều hành của Tổ sư Thanh Nhu với đức độ và tài năng hoằng pháp của mình, chùa Cổ Loan trở thành một điểm tu tập Phật giáo quan trọng của vùng, thu hút đông đảo tăng ni về tham học. Đặc biệt, năm 1882, Tổ sư còn được giao trọng trách nhận lĩnh giáo độ Ni chúng “Giáo thụ Tỳ Ni” (độ cả tăng và ni). Năm Duy Tân thứ 5 (1911), chùa Cổ Loan là nơi khai tràng thuyết pháp và giảng kinh Pháp Hoa trong 3 tháng cho chư tăng. Từ đó, chùa càng khẳng định vị thế là một ngôi tự viện lớn, nơi tu tập và thỉnh Pháp không chỉ cho chư tăng mà cả ni giới.

Trải qua hơn 200 năm, chùa Cổ Loan đã chứng kiến bao cuộc thăng trầm của lịch sử, song vẫn được giữ gìn và tu bổ qua các thời kỳ. Ngôi chùa không chỉ là trung tâm hoằng pháp mà còn gắn liền với các hoạt động cách mạng, đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chùa là nơi nuôi giấu cán bộ, là cơ sở hoạt động của bộ đội, góp sức trong việc đóng góp tiền của, lương thực để phục vụ tiền tuyến. Chính điều này đã khiến ngôi chùa trở thành biểu tượng của khối đại đoàn kết toàn dân, của tinh thần yêu nước và ý chí quật cường của nhân dân.

Hiện nay, chùa Cổ Loan đã và đang tiếp tục được tu bổ, tôn tạo để giữ gìn vẻ đẹp xưa cũng như đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng cao của nhân dân. Ngôi chùa vừa là điểm tựa tinh thần, vừa là minh chứng sống động cho truyền thống Phật giáo hòa hợp cùng dân tộc. Trong hành trình gần 300 năm tồn tại và phát triển, chùa Cổ Loan đã khẳng định được vai trò và đóng góp to lớn đối với đời sống tâm linh cũng như trên mặt trận cách mạng.

2.6.2. Nhân vật phụng thờ

Chùa Cổ Loan là một ngôi chùa thuộc thiền phái Lâm Tế, do đó các nhân vật được tôn thờ chính yếu là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và chư Tổ của dòng thiền này.

Trung tâm điện thờ của chùa có xây các bệ từ cao xuống thấp, đặt các tượng sau:

- Hàng trên cùng: ba tượng Tam Thế.

- Hàng thứ hai: Tượng A Di Đà.
- Hàng thứ 3: Tượng Đại Thế Chí ở bên Bắc, tượng Quan Thế Âm ở bên Nam.
- Hàng thứ 4: Tượng Thích Ca Mâu Ni.
- Hàng thứ 5: Tượng Chuẩn Đề ở giữa, bên Bắc là tượng Thổ Địa, bên Nam là tượng Thánh Tăng.
- Hàng thứ 6: Tượng Cửu Long.

Bên cạnh đó, chùa còn phụng thờ các vị Tổ sư đã có công khai sáng, hoằng dương tông phái Lâm Tế tại Việt Nam. Vị Tổ được tôn thờ đầu tiên chính là Tổ sư Pháp Loa - Ngài Huyền Quang (1254 - 1334), quốc sư đời vua Trần Anh Tông, trụ trì chùa Quỳnh Lâm (Vĩnh Phúc), là vị Tổ thứ 2 của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử sáng lập bởi Phật hoàng Trần Nhân Tông. Chính ngài đã cử đệ tử là Thiền sư Trí Bảo vào truyền bá Phật pháp ở miền Nam, tạo tiền đề cho sự ra đời của phái thiền Lâm Tế sau này.

Đồng thời, chùa Cổ Loan còn có 4 tháp mộ 3 tầng, để thờ 4 Hòa thượng: Hòa thượng Thích Thanh Nhu (đời thứ 2), Hòa thượng Thích Thanh Thực, Hòa thượng Thích Thanh Ván, Hòa thượng Thích Thanh Tiêu (cả 3 Hòa thượng đều là đời thứ 3 và 4 vị Hòa thượng này đều từng trụ trì ở chùa).

Nhà Mẫu của chùa còn có 5 ban thờ. Ban thờ phía Tây đặt tượng Trần Hưng Đạo ngồi trên ngai. Ban thờ thứ 2 lui về phía Đông đặt tượng Mẫu Thượng Ngàn ngồi trong long cung. Gian thứ 2 ở bên Đông đặt tượng Bà Chúa Bản Đền.

Ban thờ ở giữa xây 4 bệ cao thấp đặt các tượng sau:

- Hàng cao nhất: 3 tượng Tam Tòa Thánh Mẫu ngồi trong long cung.
- Hàng thứ 2: Tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế ở giữa, hai bên là 2 tượng Nam Tào và Bắc Đẩu.

- Hàng thứ 3: 5 tượng Ngũ Vị Tôn Ông.

- Hàng thứ 4: 3 tượng 3 ông Hoàng: Hoàng Bảy, Hoàng Ba, Hoàng Mười.

Việc tôn thờ Tam bảo và chư vị Tổ sư không chỉ là tỏ lòng tôn kính và tri ân, mà còn là để các thế hệ tăng ni, Phật tử noi gương tinh thần tu trì, hoằng pháp của các ngài, phát tâm hành đạo vị tha để báo đáp ơn Phật. Qua đó giúp cho ngọn đèn chánh pháp được tiếp nối, công đức của chùa được tăng trưởng và giáo pháp nhà Phật mãi là nơi nương tựa cho muôn loài.

2.6.3. Kiến trúc, điêu khắc

Chùa Cổ Loan là một quần thể kiến trúc Phật giáo cổ mang đậm dấu ấn của phong cách nghệ thuật thời Hậu Lê. Ngôi chùa được xây dựng hài hòa với cảnh quan thiên nhiên xung quanh, tạo nên một không gian tâm linh thanh tịnh và trang nghiêm.

Toàn bộ kết cấu chùa được làm bằng gỗ và gạch truyền thống. Nền móng chùa xây bằng đá ong vững chãi, tường gạch dày với lớp vữa bền chắc có tuổi đời lên tới hàng trăm năm. Hệ thống cột, xà, rường, mái đều bằng gỗ quý đã tạo nên một không gian kiến trúc vừa cổ kính vừa bề thế. Mái ngói âm dương uốn lượn mềm mại, chạm trổ tinh xảo tạo nên vẻ đẹp duyên dáng, bay bổng.

Kiến trúc chùa Cổ Loan được bố cục theo lối “nội Công ngoại Quốc” với điện Phật nằm phía trong, sân phía trước và có tam quan với hành lang bao quanh. Khuôn viên chùa rộng hơn 5.000m², bao gồm Tam Bảo, Tam Quan, nhà thờ Tổ, nhà khách, phủ Mẫu và nhiều hạng mục khác.

Hiện nay, Tam Bảo có kiến trúc theo hình tiền “Nhất”, hậu “Đỉnh”. Từ sân chùa rộng bước lên cao 7 bậc đá mới đến hiên Tam Bảo rộng 1,2m, dựng 4 cột đá vuông mặt tiền, có chạm khắc câu đối, ba mặt còn lại chạm tứ quý. Qua ngưỡng cửa đá là vào 7 gian Tiền đường, chiều ngang 15,5m, chiều rộng 4,8m, kiến trúc bằng bê tông cốt thép giả gỗ, dựng 12 cột bê tông cao to, xà bê tông và phân mái bằng gỗ. Tiền đường để trống.

Liên với Tiền đường là 5 gian Trung đường, chiều ngang còn 11,2m, chiều rộng 6,4m, kiến trúc toàn bằng gỗ, gồm 12 cột, dui mè bằng gỗ. Gian hồi phía Bắc đặt tượng Đức Ông ngồi trong khám. Gian thứ hai lùi về phía Nam đặt tượng Hộ Pháp Ông Ác ngồi trên bệ. Gian hồi phía Nam đặt tượng Đức Thánh Hiền ngồi trong khám. Gian thứ hai lùi về phía Bắc đặt tượng Hộ Pháp Ông Thiện ngồi trên bệ.

Nối với Trung đường ở gian giữa có chiều ngang 5,2m, chiều sâu 6,0m là Thượng điện. Trong Thượng điện có xây các bệ từ cao xuống thấp, đặt các tượng thờ.

Phía Nam của Tiền đường là một giếng tròn có đường kính khoảng 4m. Lùi về phía Nam giếng là 4 tháp mộ 3 tầng, thờ 4 Hòa thượng: Hòa thượng Thích Thanh Nhu (đời thứ 2), Hòa thượng Thích Thanh Thực, Hòa thượng Thích Thanh Vắn, Hòa thượng Thích Thanh Tiêu (cả 3 Hòa thượng đều là đời thứ 3 và 4 vị Hòa thượng này đều từng trụ trì ở chùa).

Trong khu 4 tháp này còn có 2 tấm bia 2 mặt dựng ở niên hiệu Duy Tân, ghi tên những người cung tiến tu sửa chùa.

Nhà Tổ của chùa ở phía sau Tam Bảo, quay hướng Tây nhìn vào hồi sau nhà Thượng điện, 7 gian, kiến trúc theo hình chữ “Đình”. Bái đường có chiều ngang dài 15,8m, chiều rộng 5,4m, hiên rộng 1,5m, dựng 6 cột đá vuông, cạnh 0,2m, cao 2,5m. Bái đường thiết kế 5 gian lắp cánh cửa, 2 gian ở hai hồi xây tường, các cột và xà làm bằng bê tông cốt thép giả gỗ, để các bàn ghế tiếp khách.

Nối với Bái đường ở 3 gian giữa, có chiều ngang 6,4m, chiều sâu (nhà dọc) 4,2m là Hậu cung thiết kế xà gỗ gác tường. Trong Hậu cung xây 5 bệ từ cao xuống thấp, bệ cao nhất đặt tượng Sư Tổ Đạt Ma và 4 bệ dưới đặt các tượng và ảnh thờ các sư.

Nhà Mẫu của chùa quay hướng Nam, tọa lạc sau Tam Bảo, nhưng nằm về phía Bắc, 5 gian, chiều ngang dài 13m. Hiên có 6 cột đá vuông, mặt tiền chạm khắc câu đối, 3 mặt chạm tứ quý. Nhà Mẫu thiết kế 2 nhà liền nhau. Nhà Ngoài là Bái đường rộng 4m, xà làm bằng bê tông cốt thép giả gỗ gác tường và để trống. Nhà trong là Hậu cung, rộng 4m, chia làm 5 ban thờ, phía trước là cửa võng, thiết kế phần mái là bê tông cốt thép. Trước nhà Mẫu là một hồ nhỏ hình chữ nhật, giữa hồ đặt tượng Phật Bà Quan Âm nhìn về phía Nam.

Các chi tiết chạm trổ, điêu khắc gỗ trong chùa đều thể hiện sự tỉ mỉ và óc thẩm mỹ cao của các nghệ nhân xưa. Hệ thống cửa võng, cửa bức bàn, hoành phi, câu đối... đều mang hơi thở của nghệ thuật truyền thống. Đặc biệt, trên các cánh cửa, xà cột, rường, đòn tay... đều được chạm khắc tinh tế những họa tiết tứ quý, chim lộc, hoa sen, tùng cúc trúc mai, rồng phượng... mang ý nghĩa cát tường, như lời cầu chúc cho một cuộc sống an lạc.

Sự giao thoa giữa các yếu tố kiến trúc trong chùa Cổ Loan đã tạo nên một không gian nghệ thuật Phật giáo cổ đại độc đáo. Từ cách bố trí không gian, sử dụng vật liệu cho đến kỹ thuật điêu khắc, chạm trổ... đều thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa mỹ thuật cung đình và dân gian, giữa tính ước lệ và sự tinh tế. Ngôi cổ tự trở thành “bảo tàng” kiến trúc sống động, minh chứng cho sự phát triển của nghệ thuật Phật giáo Việt Nam.

Hiện nay, chùa còn lưu trữ được các ván in (mộc bản) rất đặc sắc, bao gồm 1 ván chữ A Di Đà Phật, 2 ván chữ Án Ma Ni Bát Minh Hồng và một số ván hải hội, bùa chú và điệp bồ đề công chú.

Với giá trị văn hóa, lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật đặc sắc, chùa Cổ Loan không chỉ là nơi gửi gắm niềm tin tâm linh của người dân mà còn là địa chỉ văn hóa tâm linh hấp dẫn đông đảo du khách thập phương về chiêm bái, tham quan. Đây sẽ là điểm đến không thể bỏ qua với những ai yêu thích kiến trúc cổ và muốn tìm hiểu về lịch sử Phật giáo Việt Nam.

2.6.4. Nghi lễ, lễ hội

Chùa Cổ Loan là một trong những ngôi chùa cổ nhất tỉnh Ninh Bình, nơi lưu giữ và phát huy nhiều nghi lễ Phật giáo truyền thống, mang đậm đặc trưng của Phật giáo Bắc tông. Hàng năm, chùa đều long trọng tổ chức các khóa lễ, pháp hội thu hút tín đồ Phật giáo và du khách các nơi về tham dự.

Hàng năm, chùa tổ chức các pháp hội vào những ngày lễ lớn như Phật Đản, Lễ Vu Lan báo hiếu, ... Không khí các pháp hội tuy trang nghiêm nhưng đầy phấn khởi với hàng nghìn người về cúng dường và cầu nguyện. Các tăng ni trụ trì chùa chủ trì các khóa lễ như tụng kinh, bái sám và giảng pháp cho đại chúng.

Chùa Cổ Loan còn gìn giữ nhiều nghi thức, lễ nghi Phật giáo cổ truyền. Hằng tháng vào các ngày sóc vọng (mùng 1, 15 âm lịch), chùa đều tổ chức tụng kinh buổi sáng và hô chuông buổi chiều. Các nghi thức Phật sự như lễ quy y, lễ thọ giới, lễ an vị Phật, lễ cầu siêu... đều được chư tăng ni hành trì đúng theo quy định. Đặc biệt, chùa còn lưu giữ nguyên vẹn nghi lễ truyền thừa pháp y và pháp khí của Thiền phái Lâm Tế.

Các nghi lễ, pháp hội tại chùa Cổ Loan không chỉ có ý nghĩa về tôn giáo mà còn góp phần phát huy và bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể của địa phương. Chúng không chỉ thỏa mãn nhu cầu tâm linh của người dân mà còn giáo dục truyền thống “đạo pháp - dân tộc” cho thế hệ trẻ. Qua đó, khẳng định vai trò, giá trị của Phật giáo trong đời sống văn hóa, tinh thần cộng đồng.

Hiện nay, các nghi lễ truyền thống của chùa Cổ Loan còn có sự kết hợp hài hòa với các hoạt động du lịch tâm linh. Việc mở cửa chùa đón khách tham quan, thực hành các nghi lễ đã góp phần thu hút khách du lịch, đồng thời tạo nguồn tài chính cho việc trùng tu, tu bổ di tích. Nơi đây giờ đây không chỉ là điểm đến tâm linh mà còn là địa chỉ văn hóa hấp dẫn mà bất cứ du khách nào khi đặt chân đến Ninh Bình cũng muốn một lần ghé thăm.

2.7. Chùa Phúc Sơn

2.7.1. Lịch sử hình thành, trùng tu

Chùa Phúc Sơn thuộc thôn Phúc Sơn, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình - đây là một ngôi chùa cổ, mới được xây dựng lại năm 2007.

Theo văn bia ở chùa có niên đại Hoằng Định thứ 4 (1603), chùa được trùng tu, tô tượng Phật và có 12 thửa ruộng của chùa. Như vậy, chùa đã có trước năm 1603, được xây dựng ở thời Hậu Lê. Thời đó, chùa tọa lạc ở Thôn Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, nay là thôn Phúc Sơn, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình.

Khoảng đầu thế kỷ 19, chùa được trùng tu và mở rộng quy mô dưới sự chủ trì của Thiền sư Tâm Hải. Ngài đã cho xây dựng lại Đại Hùng Bảo Điện và tôn tạo những hạng mục chính như cổng tam quan, nhà tổ, tăng xá,... tạo nên diện mạo mới cho ngôi cổ tự.

Năm 1962, một trận lụt lớn đã làm hư hại nặng nề kiến trúc chùa. Hòa thượng Thích Minh Thông đương nhiệm trụ trì đã vận động tín đồ trùng tu, xây dựng lại các hạng mục và đặt tên chùa là Phúc Sơn như ngày nay. Công trình tái thiết một lần nữa làm thay đổi diện mạo chùa Phúc Sơn với quy mô lớn hơn, kiến trúc mang phong cách cổ kính hòa quyện với nét hiện đại.

Hiện tại, chùa đã và đang tiến hành dự án trùng tu tổng thể giai đoạn 2022-2025 nhằm gia cố nền móng, chống xuống cấp các hạng mục kiến trúc để phát huy và bảo tồn giá trị của di tích này. Các hạng mục đang được đầu tư phục chế bao gồm cổng tam quan, bái đường, nhà tổ, các tượng Phật, La Hán,... Dự kiến sau khi hoàn thành, chùa Phúc Sơn sẽ trở thành một công trình Phật giáo khang trang, mang vẻ đẹp cổ kính hòa hợp với hiện đại, đáp ứng nhu cầu tu tập và phát triển du lịch tâm linh.

2.7.2. Nhân vật phụng thờ

Chùa Phúc Sơn thờ phụng các đấng giác ngộ và những bậc tiền nhân có công khai khẩn mở đất. Trung tâm điện thờ là tượng Phật Thích Ca Mâu Ni - đấng Giáo chủ sáng lập Phật giáo. Hai bên là các vị Bồ Tát như Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Quan Âm, thể hiện lý tưởng từ bi và trí tuệ cao cả của nhà Phật.

Trong Thượng điện của chùa có xây các bệ từ cao xuống thấp đặt các tượng như sau:

- Hàng trên cùng: 3 tượng Tam Thế.
- Hàng thứ 2: 3 tượng Di Đà Tam Tôn.

- Hàng thứ 3: Tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế ở giữa, bên Bắc là tượng Nam Tào, bên Nam là tượng Bắc Đẩu.

- Hàng thứ 4: Tượng Chuẩn Đề Quan Âm ở giữa, hai bên có 2 tượng Thị giả nhỏ.

- Hàng thứ 5: Bên Bắc là tượng Thổ Địa, bên Nam là tượng Thánh Tăng.

- Hàng thứ 6: Tòa Cửu Long ở giữa, 2 bên có 2 tượng Dược Sư nhỏ.

- Hàng thứ 7: 5 tượng Dược sư nhỏ.

Nhà Tổ của chùa phụng thờ Sư Tổ Đạt Ma và Thích Đàm Lý (1926-2007).

Ngoài ra, nhà Mẫu của chùa xây 3 bệ cao thấp đặt các tượng sau:

- Hàng trên cùng: 3 tượng Tam Tòa Thánh Mẫu ngồi trong long cung.

- Hàng thứ 2: 5 tượng Ngũ Vị Tôn Ông.

- Hàng thứ 3: Bên tây là tượng Ông Hoàng Mười, bên Đông là tượng Ông Hoàng Cả.

Tại nhà Mẫu, gian hồi phía Đông đặt tượng Trần Hưng Đạo ngồi trong khám; gian phía Đông đặt tượng Trần Hưng Đạo ngồi trong khám; gian phía Tây đặt tượng Bà Chúa Bản Đền. Tiếp theo 3 gian lui về phía Tây để trống và gian hồi phía Tây là gian thứ 7 đắp động Sơn Trang lớn thờ Bà Chúa Sơn Trang.

Với việc phụng thờ đa dạng các đẳng cấp ngọ và những nhân vật lịch sử quan trọng, chùa Phúc Sơn khẳng định ý nghĩa tâm linh và giá trị văn hóa - lịch sử sâu sắc, trở thành nơi ghi nhớ công đức của tiền nhân và giáo dục lòng yêu nước cho các thế hệ mai sau.

2.7.3. Kiến trúc, điều khắc

Chùa Phúc Sơn có kiến trúc chùa cổ điển thời Lê - Nguyễn với những nét đặc trưng như cổng tam quan, sân chùa rộng, bái đường, nhà tổ. Tổng thể kiến trúc mang tính cân đối và hài hòa, cổng tam quan uy nghi làm nổi bật vẻ trang nghiêm của cảnh chùa.

Chùa được bố trí theo thứ tự không gian từ ngoài vào trong: cổng tam quan dẫn vào sân chùa, khu bái đường với Đại hùng bảo điện, có nhà tổ bên phải. Kiến trúc chùa mang phong cách “nội công ngoại quốc”: bên trong để thờ Phật, bên ngoài áp dụng kiểu kiến trúc thành quách mang âm hưởng Trung Hoa. Tam Bảo có kiến trúc theo hình chữ “Đinh”.

Cổng tam quan với 3 cửa lớn được thiết kế theo kiểu chồng diêm, khung cửa chạm rồng châu nguyệt, tượng trưng cho vua quan. Qua cổng là một sân chùa rộng lát gạch Bát Tràng.

Hiện nay, Tiền đường của chùa có 5 gian, chiều ngang 12,2m, chiều rộng 4,5m, 3 gian giữa lăm cánh cửa, 2 gian hồi xây tường, mái 2 tầng thẳng, có 2 cột đồng trụ 2 bên hồi. Hiên rộng 1,6m, dựng 6 cột đá vuông, mặt tiền chạm khắc câu đối, 3 mặt chạm tứ quý.

Trong Tiền đường dựng 6 cột bê tông cốt thép giả gỗ cao 6m, đường kính 0,35m, xà cũng bằng bê tông cốt thép giả gỗ, chỉ có trụ và phần mái bằng gỗ.

Sát tường gian hồi phía Nam đặt tượng Địa Tạng ngồi. Cũng gian này đặt tượng Đức Thánh Hiền. Gian thứ 2 lui về phía Bắc đặt tượng Hộ Pháp Ông Ác ngồi trên bệ. Gian hồi phía Bắc đặt tượng Đức Ông, gần tượng đặt thêm tượng nhỏ thờ Phật Quan Âm. Gian thứ 2 lui về phía Nam đặt tượng Hộ Pháp Ông Thiện ngồi trên bệ.

Nối với Tiền đường ở gian giữa có chiều ngang 4,6m, chiều sâu (nhà dọc) 7,5m là Thượng điện dựng 6 cột đá tròn chạm rồng mây quán quanh, chia làm 3 gian dọc, xà và phần mái là gỗ.

Nhà Tổ của chùa nằm sau Tam Bảo, quay hướng Tây, nhìn vào Tam Bảo, kiến trúc mái cuốn vòm, chia làm 2 cung. Cung ngoài 3 gian, chiều ngang 6.6m, chiều rộng 4,5m để trống

Cung trong rộng 2m, ngăn thành 3 ban thờ. Ban thờ ở giữa đặt tượng Sư Tổ Đạt Ma. Ban thờ phía Nam để ảnh thờ Thích Đàm Lý (1926-2007).

Nhà Mẫu của chùa nằm về bên Bắc Tam Bảo, quay hướng Nam, kiến trúc 2 nhà liền nhau. Nhà ngoài 7 gian, chiều ngang 15m, kiến trúc xà gác tường, không có cột, để trống. Nhà trong rộng 2m, 3 gian phía Đông là nhà Mẫu kiến trúc mái bằng.

Điểm nhấn trong kiến trúc chùa là hệ thống tượng gỗ được đặt khắp các gian. Đó là 18 pho La Hán ở điện phụ hai bên, 13 tượng Tiền hiền ở nhà tổ, các tượng Phật, Bồ Tát... Các pho tượng này đều được chạm khắc bằng gỗ theo đường nét mềm mại, chân thực, mô tả sinh động thần thái từng vị.

2.7.4. Nghi lễ, lễ hội

Là một ngôi chùa cổ có giá trị tín ngưỡng sâu sắc trong cộng đồng, chùa Phúc Sơn thường xuyên tổ chức các lễ nghi Phật sự và các hoạt động sinh hoạt văn hóa tâm linh. Mỗi dịp sóc vọng (mùng 1, rằm hàng tháng), các khóa lễ cầu an, cầu siêu đều được tổ chức trang trọng thu hút hàng trăm Phật tử và người dân địa phương tham dự.

Lễ hội hàng năm của chùa Phúc Sơn mang nét đặc trưng tiêu biểu của Phật giáo Bắc tông với các ngày đại lễ như lễ Thượng nguyên, lễ Phật đản, lễ

Vu Lan, lễ Tất niên, lễ Khai hạ... Vào những ngày đại lễ trong năm, chùa cũng tổ chức các pháp hội với sự tham gia của tín đồ các nơi đổ về dâng hương lễ Phật. Không gian chùa lúc này tràn ngập cờ lọng, hoa quả, lễ vật. Tiếng kinh, tiếng mõ ngân nga vang vọng khắp nơi, tạo nên bầu không khí linh thiêng.

Lễ hội chùa Phúc Sơn không chỉ có ý nghĩa tâm linh, tín ngưỡng sâu sắc mà còn góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Đông đảo người dân và du khách về tham gia lễ hội cũng là cơ hội quý báu để các thế hệ gắn kết, học hỏi và truyền thụ những giá trị truyền thống của ông cha từ ngàn xưa.

Tiểu kết Chương 2

Hệ thống di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến là minh chứng cho chiều dày lịch sử và bản sắc văn hóa phong phú của vùng đất này. Qua khảo sát bảy di tích ở xã Ninh Tiến, gồm Đình làng Hoàng Sơn, Đền Hạ, Đền thờ Thánh Đức Trần, Đền Vua Lộ, Đền Sắt, chùa Cổ Loan và chùa Phúc Sơn, có thể thấy rõ sự đa dạng và phong phú trong đời sống tâm linh của cộng đồng cư dân nơi đây. Mỗi di tích đều mang những giá trị đặc trưng riêng biệt nhưng cùng hội tụ trong một tổng thể hài hòa, góp phần làm nên diện mạo văn hóa đặc sắc của xã Ninh Tiến nói riêng và thành phố Ninh Bình nói chung.

Về mặt lịch sử, các di tích này đều có nguồn gốc xa xưa, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Cố đô Hoa Lư. Qua bao thăng trầm của lịch sử, các di tích đã trải qua nhiều đợt trùng tu, tôn tạo nhưng vẫn giữ được những nét kiến trúc nguyên bản, thể hiện sự trân trọng của các thế hệ đối với di sản văn hóa của cha ông để lại. Đặc biệt, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều di tích đã trở thành căn cứ kháng chiến, địa điểm hội họp của dân quân du kích và bộ đội địa phương, khẳng định vai trò quan trọng của các di tích trong đời sống văn hóa tâm linh và cả trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Về nhân vật phụng thờ, các di tích trong xã Ninh Tiến thờ phụng những nhân vật lịch sử có công với dân với nước, từ các vị thần linh, thành hoàng làng, đến các vị tướng tài ba như Thánh Quý Minh Đại Vương thời Hùng Vương thứ 18, hay các vị vua, hoàng thân quốc thích triều Trần. Điều này phản ánh truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, tôn vinh các giá trị anh hùng, yêu nước của dân tộc Việt Nam. Sự đa dạng trong đối tượng thờ phụng cũng cho thấy sự giao thoa văn hóa phong phú giữa tín ngưỡng dân gian với Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo trong đời sống văn hóa, tâm linh của người dân.

Về kiến trúc và điêu khắc, các di tích đều thể hiện rõ phong cách kiến trúc truyền thống Việt Nam với kiểu bố cục chữ Đinh hoặc chữ Công, hệ thống mái ngói đỏ, hệ thống cột gỗ chịu lực. Nghệ thuật điêu khắc tại các di tích rất phong phú, tinh xảo với các đề tài tứ linh, bát bửu, các tích truyện lịch sử và cảnh sinh hoạt dân gian, thể hiện tài năng nghệ thuật và óc thẩm mỹ tinh tế của các nghệ nhân dân gian xưa. Đặc biệt, mỗi di tích đều lưu giữ những hiện vật quý giá như sắc phong, long ngai, bát hương cổ, góp phần làm tăng giá trị lịch sử, văn hóa của các di tích.

Về nghi lễ, lễ hội, mỗi di tích đều có những hoạt động tâm linh đặc trưng riêng như hội làng, giỗ thánh, lễ kỳ yên. Các hoạt động này không chỉ thể hiện niềm tin tâm linh sâu sắc mà còn là dịp để cộng đồng gắn kết, tăng cường tình đoàn kết và lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống. Việc duy trì và phát triển các hoạt động nghi lễ, lễ hội tại các di tích góp phần quan trọng trong việc phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Có thể nói, hệ thống di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến là tài sản vô giá, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử văn hóa, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào về những giá trị mà cha ông đã để lại, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân và phát triển du lịch văn hóa - lịch sử của địa phương. Đồng thời, phát huy giá trị các di tích gắn với phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng quê hương Ninh Bình ngày càng phát triển trong thời kỳ mở cửa hội nhập trên nền tảng Cố đô Di sản thiên nhiên kỷ.

CHƯƠNG 3. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ TRÊN ĐỊA BÀN NINH TIỀN

3.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử

3.1.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa nói chung và di tích lịch sử nói riêng. Điều này được thể hiện rõ qua các văn kiện, nghị quyết của Đảng.

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã chỉ rõ: Bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử, truyền thống tốt đẹp của dân tộc là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Nghị quyết đề ra nhiệm vụ “Tăng cường đầu tư nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, phát huy các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, cách mạng tiêu biểu, các công trình văn hóa nổi tiếng ...”.

Cùng với đó, theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng đã xác định: “Khai thác và phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập với thế giới”.

Các nghị quyết trên cho thấy bảo tồn và phát huy giá trị di tích luôn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng. Đảng coi đây vừa là nhiệm vụ, vừa là trách nhiệm để giữ gìn truyền thống dân tộc, đồng thời là động lực cho sự phát triển của đất nước.

Quan điểm của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị di tích được thể hiện như sau:

Thứ nhất, di tích lịch sử là tài sản vô giá, là bộ phận quan trọng của nền văn hóa dân tộc. Di tích vừa lưu giữ những giá trị lịch sử, vừa tích hợp những tinh hoa văn hóa của cha ông qua bao thế hệ. Do vậy, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích chính là gìn giữ, vun đắp cho bản sắc văn hóa của dân tộc.

Thứ hai, bảo tồn và phát huy giá trị di tích là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân. Mỗi người dân, mỗi tổ chức, địa phương phải có ý thức giữ gìn và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống, không để di tích bị xuống cấp, hư hỏng.

Thứ ba, bảo tồn di tích phải gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn di tích không chỉ là hoạt động mang tính “bảo tồn” thuần túy mà phải gắn với việc phát huy giá trị, đưa di tích phục vụ phát triển du lịch, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Thứ tư, bảo tồn và phát huy giá trị di tích phải dựa trên nền tảng khoa học. Các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng di tích phải đảm bảo tính khoa học, không làm biến dạng, mất đi giá trị gốc của di tích.

Những quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử là kim chỉ nam cho các cấp, ngành trong việc triển khai công tác này. Đây cũng là cơ sở quan trọng giúp cho việc bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến được thực hiện một cách bài bản, khoa học và hiệu quả.

3.1.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử

Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị di tích, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới vấn đề này.

Trước hết phải kể đến Luật Di sản văn hóa được Quốc hội thông qua năm 2001 và sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Luật Di sản văn hóa năm 2024. Hai bộ luật này đã đưa ra những quy định căn bản về quản lý và bảo vệ di tích như: Tiêu chí xếp hạng di tích (di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt); quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di tích; trình tự, thủ tục đề nghị xếp hạng di tích; quy định việc tu bổ, phục hồi di tích,...

Bên cạnh Luật Di sản văn hóa, Chính phủ và các Bộ, ngành cũng đã ban hành nhiều nghị định, thông tư nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật, như:

Nghị định số 98/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Nghị định số 70/2012/NĐ-CP quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích;

Quyết định số 82/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử văn hóa Cổ đô Hoa Lư; ...

Những văn bản pháp quy trên đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích, là cơ sở để xử lý các hành vi xâm phạm di tích.

Song song với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ cũng đã phê duyệt nhiều chương trình, đề án về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói chung, di tích lịch sử - văn hóa nói riêng. Điển hình là:

Chương trình mục tiêu quốc gia “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2012-2015”;

Đề án “Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”;

Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến giai đoạn 2014-2020”; ...

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy Ninh Bình đã ban hành các Chương trình hành động, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trên các lĩnh vực. Về lĩnh vực văn hóa được cụ thể như sau:

Chương trình hành động số 05-Ctr/TU thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” vào ngày 28/7/2014;

Chương trình hành động số 08-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng vào ngày 11-7-2016. Đảng bộ tỉnh xác định: “Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản, các di tích lịch sử - văn hóa. Xây dựng quy hoạch chi tiết các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; ...

Trong đó, UBND tỉnh Ninh Bình cũng đã phê duyệt các chương trình, đề án về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói chung, di tích lịch sử - văn hóa nói riêng như:

Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2019-2022”;

Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư, giai đoạn 2021-2030”;

Những chương trình, đề án trên đã thúc đẩy các hoạt động bảo tồn di tích một cách đồng bộ, quy mô với nguồn lực từ ngân sách nhà nước. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử. Thông qua các chương trình này, hàng trăm di tích trên cả nước đã được tu bổ, tôn tạo, phục hồi; kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch tại nhiều di tích cũng được cải thiện; nhiều sản phẩm du lịch văn hóa gắn với di tích được hình thành.

Có thể thấy, hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di tích đã ngày càng được hoàn thiện. Điều này tạo tiền đề thuận lợi để các địa phương, trong đó có xã Ninh Tiến triển khai công tác này một cách đồng bộ, bài bản và hiệu quả.

Tuy nhiên, việc thực thi pháp luật về bảo tồn di tích trên thực tế vẫn còn gặp những khó khăn, bất cập. Tình trạng xâm hại di tích vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi; vẫn còn di tích xuống cấp, hư hỏng chưa được tu bổ kịp thời. Vì vậy, ngành chức năng và chính quyền địa phương cần tiếp tục tăng cường thanh kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; bên cạnh đó cần đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư để bảo tồn và phát huy giá trị các di tích.

3.2. Hiện trạng bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử ở Ninh Tiến.

3.2.1. Công tác quản lý nhà nước về di tích ở Ninh Tiến

Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước đối với các di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến đã có những chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích này.

Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý di tích, xã Ninh Tiến đã thành lập Ban quản lý di tích trực thuộc UBND xã. Ban quản lý di tích có trách nhiệm tham mưu cho UBND xã trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích; phối hợp với các ngành chức năng của huyện, tỉnh trong công tác quản lý di tích; trực tiếp tổ chức bảo vệ, tu bổ, tôn tạo các di tích trên địa bàn.

Ở cấp thôn, mỗi di tích đều có Ban khánh tiết do UBND xã quyết định thành lập. Ban khánh tiết có nhiệm vụ phối hợp với Ban quản lý di tích và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích; vận động nhân dân tham gia tu bổ, tôn tạo di tích; tổ chức lễ hội truyền thống gắn với di tích.

Cơ cấu tổ chức quản lý di tích từ xã đến thôn như trên bước đầu đã phát huy hiệu quả, tạo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa chính quyền và các tổ chức quần chúng trong việc quản lý, bảo vệ di tích.

Nhờ có bộ máy quản lý di tích đi vào nề nếp và hoạt động hiệu quả, công tác xây dựng hồ sơ, hoàn thiện các thủ tục pháp lý để xếp hạng di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến cũng đạt được nhiều kết quả tích cực. Hiện nay, xã Ninh Tiến đã lập hồ sơ khoa học cho 05 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, gồm: Đình làng Hoàng Sơn, đền Hạ, đền Đức Thánh Trần, đền Vua Lộ, đền Sặt và các tư liệu quan trọng cho 02 di tích chưa được xếp hạng: chùa Cổ Loan, chùa Phúc Sơn.

Hồ sơ khoa học của các di tích này được xây dựng khá đầy đủ, bao gồm các tài liệu về lịch sử hình thành và phát triển di tích, kiến trúc nghệ thuật, hiện vật, giá trị lịch sử văn hóa của di tích. Bên cạnh đó, xã còn lưu giữ hồ sơ của 2 di tích lịch sử khác trên địa bàn xã (chùa Cổ Loan, chùa Phúc Sơn). Hồ sơ hàng năm được bổ sung, cập nhật, lưu trữ đầy đủ tại Ban quản lý di tích, qua đó cung cấp nguồn tư liệu quý cho công tác nghiên cứu, quản lý, tu bổ tôn tạo di tích.

Không chỉ xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích, công tác quy hoạch và xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị các di tích cũng được chính quyền xã Ninh Tiến quan tâm thực hiện. UBND xã đã chủ động phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực di tích đình làng Hoàng Sơn và đền Vua Lộ. Đồng thời, định kỳ hàng năm, UBND xã đều giao cho Ban quản lý di tích lập kế hoạch tu bổ, tôn tạo các di tích, lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, việc triển khai các quy hoạch, kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là nguồn lực tài chính hạn hẹp. Ngân sách của xã chưa đủ để đầu tư tu bổ, chỉnh trang các di tích xuống cấp, hư hỏng. Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với di tích chậm triển khai do vướng mắc về thủ tục, đất đai...

Có thể nói, công tác quản lý nhà nước về di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến đã có nhiều chuyển biến tích cực. Xã đã bước đầu hình thành hệ thống quản lý di tích đồng bộ, khoa học từ cấp xã đến thôn; hoàn thiện các thủ tục pháp lý, bước đầu xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo tồn di tích.

Tuy nhiên, để nâng cao hơn hiệu quả quản lý nhà nước về di tích, trong thời gian tới, xã Ninh Tiến cần tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý di tích. Mặt khác, cần tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đề nghị xếp hạng di tích

cấp quốc gia, đặc biệt là đối với các di tích tiêu biểu, có giá trị nổi bật như: Đình làng Hoàng Sơn, đền Vua Lô.

Bên cạnh đó, xã cần tích cực phối hợp với các sở, ngành chức năng cấp tỉnh trong việc lập quy hoạch chi tiết, kêu gọi đầu tư các dự án bảo tồn, phát huy giá trị di tích. Để có nguồn lực cho công tác tu bổ, tôn tạo di tích, ngoài huy động từ ngân sách, cần đa dạng hóa các nguồn vốn, trong đó có nguồn xã hội hóa, nhất là những đóng góp tự nguyện của người dân và doanh nghiệp.

Có như vậy, công tác quản lý nhà nước về di tích ở xã Ninh Tiến mới thực sự đi vào chiều sâu, tạo sự chuyển biến rõ nét trong việc bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa quý giá này. Đó cũng là cách để chúng ta gìn giữ và lưu truyền những giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp mà cha ông để lại cho các thế hệ mai sau.

3.2.2. Hoạt động bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích ở Ninh Tiến

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp chính quyền và sự hưởng ứng tích cực của nhân dân, công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến đã đạt được những kết quả quan trọng.

Từ năm 2010 đến nay, UBND xã Ninh Tiến đã phối hợp với Sở Văn hóa, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan triển khai nhiều dự án trùng tu, tôn tạo di tích. Tổng kinh phí đầu tư cho các dự án này lên tới hàng chục tỷ đồng, bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa.

Một trong những công trình trọng điểm phải kể đến là dự án tu bổ, tôn tạo đình làng Hoàng Sơn. Dự án được khởi công vào năm 2015 và hoàn thành vào năm 2018. Quá trình thi công đã được các cơ quan chuyên môn giám sát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình, kỹ thuật của công tác tu bổ di tích. Các hạng mục được trùng tu, tôn tạo bao gồm: Cổng tam quan, nhà bia, sân đình, hậu cung, nhà tế lễ,... Đặc biệt, nhiều cấu kiện gỗ bị hư hỏng cũng được thay thế bằng các bộ phận mới giống nguyên bản, góp phần khôi phục lại vẻ đẹp và sự trang nghiêm vốn có của di tích.

Cùng với đình làng Hoàng Sơn, các di tích khác cũng được đầu tư trùng tu, chỉnh trang như: Đền Hạ, đền thờ Đức Thánh Trần, đền Vua Lô, đền Sắt, chùa Phúc Sơn ... Tuy mức độ đầu tư có khác nhau, nhưng các dự án này đều có chung mục tiêu là khắc phục tình trạng xuống cấp của di tích, phục hồi các yếu tố nguyên gốc còn lưu giữ được, đồng thời bổ sung một số hạng mục cần thiết để nâng cao giá trị thẩm mỹ và sự hài hòa của di tích với cảnh quan xung quanh.

Cùng với việc tu bổ, tôn tạo các hạng mục kiến trúc, xã Ninh Tiến cũng rất chú trọng đến công tác sưu tầm, bảo quản các hiện vật gắn với di tích. Hiện tại, tại các di tích trên địa bàn xã đang lưu giữ hàng trăm hiện vật có giá trị như: Hoàn phi, câu đối, tranh thờ, tượng thờ, bia đá, mộc bản, ... Các hiện vật này được kiểm kê, phân loại và sắp xếp khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu, quản lý.

Có thể nói, sau hơn 10 năm nỗ lực đầu tư, tu bổ, tôn tạo, diện mạo của các di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến đã có sự thay đổi rõ rệt. Hầu hết các di tích đã khắc phục được tình trạng xuống cấp, hư hỏng, mang lại cảm giác khang trang và bề thế hơn rất nhiều. Đặc biệt, nhiều di tích đã lấy lại được nét đẹp thuần khiết vốn có, trở thành điểm nhấn nổi bật, góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn hóa của vùng quê Ninh Tiến.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, công tác tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến cũng còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập.

Thứ nhất là nguồn lực đầu tư còn hạn hẹp. Mặc dù đã nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền, song do số lượng di tích cùng nguồn lực của địa phương có hạn, nên kinh phí dành cho tu bổ, tôn tạo di tích chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Thứ hai, một số dự án tu bổ, tôn tạo chưa thực sự đi vào chiều sâu, còn nặng về hình thức. Quá trình thi công vẫn còn để xảy ra tình trạng sai lệch so với thiết kế ban đầu, chưa bám sát yêu cầu của công tác tu bổ di tích.

Thứ ba, công tác bảo quản, gìn giữ hiện vật gắn với di tích vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Nhiều hiện vật quý hiếm chưa được sắp xếp, trưng bày hợp lý, thậm chí có hiện tượng bị thất lạc, xuống cấp.

Thứ tư, ý thức trách nhiệm của một bộ phận người dân trong việc bảo vệ các di tích sau khi được tu bổ, tôn tạo chưa thực sự cao. Tình trạng vứt rác bừa bãi, viết, vẽ lên kiến trúc di tích, ... vẫn còn xảy ra tại một số nơi.

Từ những hạn chế trên cho thấy, trong thời gian tới, công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến cần tiếp tục được quan tâm đầu tư thỏa đáng hơn nữa cả về nhân lực, vật lực và tài lực. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền từ xã đến thôn cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc gìn giữ, bảo vệ các giá trị di tích. Mỗi một người dân phải thực sự là “tuyên truyền viên”, là “chiến sĩ bảo vệ di tích”, gắn trách nhiệm gìn giữ và phát huy giá trị di tích với niềm tự hào về truyền thống quê hương.

Có như vậy, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử ở Ninh Tiến mới thực sự đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa của một vùng quê giàu truyền thống lịch sử, cách mạng.

3.2.3. Hoạt động quảng bá, phát huy giá trị di tích ở Ninh Tiến

Song song với công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, những năm qua, hoạt động quảng bá, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến cũng được chú trọng và triển khai với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

Một trong những kênh phổ biến để tuyên truyền, giới thiệu về giá trị các di tích chính là thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Xã thường xuyên cập nhật thông tin về các di tích trên Cổng thông tin điện tử, fanpage, trang mạng xã hội của địa phương.

Nhằm phát huy tối đa “sức mạnh” của Internet và các nền tảng số, gần đây, xã Ninh Tiến đã và đang xây dựng cảm nang du lịch trực tuyến, ứng dụng thuyết minh tự động, thực tế ảo 3D và audio guide giới thiệu về các di tích tiêu biểu. Đây được coi là những “công cụ” hữu hiệu để du khách có thể tiếp cận và tìm hiểu về các di tích ở Ninh Tiến một cách thuận tiện nhất.

Ngoài các hoạt động truyền thông, quảng bá, việc tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội gắn với các di tích cũng được xã Ninh Tiến hết sức coi trọng và thực hiện thường niên. Mỗi năm, tại đình làng Hoàng Sơn đều diễn ra Lễ hội truyền thống vào ngày mùng 10 tháng Giêng với các nghi lễ rước kiệu, dâng hương và nhiều trò chơi dân gian đặc sắc. Lễ hội không chỉ là dịp để tưởng nhớ, tri ân các bậc tiền nhân có công khai khẩn, xây dựng đất Ninh Tiến, mà còn là nơi giao lưu, gặp gỡ của người dân trong xã và du khách thập phương.

Tại đền Hạ, lễ hội truyền thống cũng được tổ chức quy mô vào ngày 06 tháng 3 âm lịch hàng năm, thu hút đông đảo nhân dân và du khách về dự. Lễ rước nước từ giếng cổ vào đền cùng các hoạt động tế lễ, hát văn, trình diễn nghệ thuật truyền thống tại đây luôn là tâm điểm của lễ hội, góp phần làm sống lại một không gian văn hóa tâm linh gắn với di tích hết sức độc đáo.

Nhiều lễ hội, sự kiện văn hóa mang tính cộng đồng khác gắn với các di tích cũng được tổ chức thường xuyên như: Lễ hội làng Mọc tại đền Đức Thánh Trần, liên hoan hát then, đàn tính tại đền Sặt, ... Các lễ hội này không chỉ góp phần khơi dậy niềm tự hào về truyền thống lịch sử, mà còn là cầu nối quan trọng gắn kết cộng đồng, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong đời sống tinh thần của nhân dân.

Có thể nói, các hoạt động văn hóa, lễ hội gắn với di tích nói trên đã mang đến “luồng sinh khí” mới cho các di tích vốn được coi là “bảo tàng sống”. Thông qua các lễ hội, di tích đã và đang khẳng định vai trò là không gian bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể, trong đó có tín ngưỡng, tôn giáo, nghề thủ công truyền thống, ...

Tuy nhiên, các hoạt động này cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định. Quy mô của các lễ hội chưa thực sự lớn; việc quản lý, tổ chức lễ hội vẫn còn dễ xảy ra một số bất cập, ví dụ như chen lấn xô đẩy khi rước kiệu, cướp lộc gây mất trật tự, ... Ngoài ra, nhiều lễ hội truyền thống còn có nguy cơ bị mai một, biến tướng do xu hướng thương mại hóa và các tác động từ quá trình đô thị hóa, hội nhập.

Bên cạnh những lễ hội trên, chùa Cổ Loan còn tổ chức Khóa tu mùa hè tại nơi đây, nhằm truyền bá những nét đẹp thiền môn, đưa hình ảnh của chùa đến với thế hệ trẻ, thu hút các tín đồ Phật giáo về đây tu tập. Không chỉ vậy, chùa Cổ Loan cùng với Hội Từ thiện Phật giáo Minh Tâm đã gửi tặng những bữa cơm cửa thiền và tặng quà cho các bệnh nhân tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, viện Tâm thần tỉnh Ninh Bình, Nhà Đơn nguyên Xạ trị... Với những hành động đẹp và thiết thực ấy, hình ảnh chùa Cổ Loan đã được truyền tải trên kênh youtube của Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh Ninh Bình – một cách để quảng bá hình ảnh về chùa, phát huy giá trị lịch sử của chùa đến với cộng đồng. Đồng thời, lễ hội Phật đản tổ chức tại chùa cũng được đăng tải trên kênh TPHL TV như một cách truyền bá Phật giáo, quảng bá nét đẹp thiền môn nơi đây.

Đánh giá một cách tổng thể, các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, phát huy giá trị di tích ở xã Ninh Tiến trong thời gian qua đã thu được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của di tích đối với đời sống tinh thần cộng đồng. Nhiều giá trị văn hóa mà hàng trăm, hàng nghìn năm cha ông tạo dựng đã và đang được kế thừa, lưu truyền. Tuy vậy, xã cũng cần nhìn nhận rằng công tác này vẫn cần tiếp tục cải thiện, nâng cao chất lượng để khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội phát triển với những cơ hội và thách thức mới, bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử ở Ninh Tiến cần gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ khi di tích gắn với đời sống thực tiễn của cộng đồng, trở thành một phần của lối sống, sinh hoạt và tâm hồn người dân, khi đó các giá trị của di tích mới được quảng bá, lan tỏa và sống mãi với thời gian.

3.3. Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến.

3.3.1. Bảo tồn và phục hồi di tích

Để bảo tồn và phục hồi các di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiến, một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu là đẩy mạnh công tác sưu tầm tài liệu, hiện vật liên quan đến quá trình hình thành, phát triển của từng di tích.

Trước hết, xã cần chủ động phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học về lịch sử, khảo cổ học tiến hành khảo sát, điều tra, thống kê đầy đủ những tư liệu còn lưu giữ trong dân gian hoặc tại các cơ quan lưu trữ liên quan tới từng di tích. Các tài liệu này có thể là thần tích, giai thoại, truyền thuyết, hồ sơ tu bổ di tích qua các thời kỳ, ảnh cũ, tư liệu điền dã, ... Trên cơ sở đó, các nhà nghiên cứu sẽ phân tích, đánh giá, sắp xếp các tư liệu theo trình tự thời gian, xác định các tư liệu tiêu biểu nhất để xây dựng hồ sơ khoa học về di tích.

Bên cạnh tài liệu, các hiện vật là bằng chứng vật chất sinh động về lịch sử tồn tại và phát triển của di tích cũng rất cần được quan tâm sưu tầm. Các hiện vật quý như tượng thờ, bia đá, hoành phi câu đối, bài trí, bài vị, sắc phong, công cụ sản xuất,... cần được chính quyền địa phương vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân đang lưu giữ hiến tặng hoặc cho mượn để trưng bày tại di tích. Đối với các hiện vật có nguy cơ bị mai một, thất lạc, cần tìm cách mua lại để bảo quản.

Các hiện vật sau khi sưu tầm được cần phải kiểm kê, lập danh mục và lưu trữ trong điều kiện thích hợp, tránh bị hư hại theo thời gian. Với những hiện vật có kích thước nhỏ, giá trị lớn, cần bố trí lưu giữ trong kho, tủ hoặc hòm kiếng có khóa an toàn. Những hiện vật khác có thể trưng bày, sắp đặt trang trọng trong các gian nhà của di tích để giới thiệu tới đông đảo du khách. Tùy theo đặc điểm của hiện vật mà có biện pháp bảo quản phù hợp như phòng chống côn trùng, nấm mốc, hạn chế ánh sáng trực tiếp hoặc độ ẩm cao,... Định kỳ hàng năm cần có kế hoạch trùng tu, tẩy rửa để các hiện vật luôn được bảo quản trong tình trạng tốt nhất.

Các tài liệu, hiện vật sưu tầm được không chỉ cung cấp nguồn sử liệu quý để nghiên cứu, đánh giá đầy đủ hơn về giá trị của di tích, mà còn là những “bảo chứng” sinh động để tuyên truyền, quảng bá, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Do đó, công tác này cần được chính quyền xã quan tâm chỉ đạo và duy trì thực hiện lâu dài.

Tiếp đến, việc tu bổ, tôn tạo di tích theo nguyên tắc bảo tồn giá trị gốc là một trong những giải pháp cấp thiết để khắc phục tình trạng xuống cấp, hư hỏng của các di tích. Khi triển khai dự án, các kiến trúc sư, kỹ sư cần trực tiếp khảo sát, đánh giá mức độ hư hại từng hạng mục của di tích. Trên cơ sở đó, lựa chọn phương án tu bổ, tôn tạo hợp lý với nguyên tắc tối đa bảo tồn các yếu tố nguyên gốc, bản sắc của di tích.

Đối với những hạng mục kiến trúc còn tương đối nguyên vẹn, chỉ tu sửa các chi tiết bị hỏng, chú trọng gia cố nền móng, chống dột mái ngói,... Với những hạng mục đã bị biến dạng hoặc thay đổi theo thời gian, cần cân nhắc xây dựng lại những gì cần thiết trên cơ sở các bản vẽ, hồ sơ nghiên cứu để phục hồi theo đúng nguyên mẫu ban đầu của di tích.

Trong quá trình thi công, cần sử dụng các loại vật liệu phù hợp, gần giống với vật liệu gốc để đảm bảo sự đồng nhất về mặt hình thức và chất liệu. Cần khắc phục triệt để việc sử dụng các loại vật liệu mới, hiện đại không phù hợp với không gian di tích, để làm biến dạng hoặc mất đi những giá trị văn hóa vốn có.

Bên cạnh việc tôn tạo kiến trúc di tích, cũng cần quan tâm chỉnh trang, nâng cấp cảnh quan khu vực xung quanh. Khuôn viên di tích nên được bố trí thêm hệ thống cây xanh, hoa, cây cảnh theo lối kiến trúc truyền thống, hài hòa với thiên nhiên. Các công trình phụ trợ như sân nền, cổng tam quan, hàng rào,... cũng cần được thiết kế và sử dụng các vật liệu phù hợp với không gian tổng thể của di tích.

Ngoài ra, việc kiểm soát tác động từ các công trình hiện đại xung quanh di tích như các tuyến đường giao thông, hệ thống điện, khu dân cư, công trình công cộng,... cũng hết sức quan trọng. Các công trình này cần được quy hoạch, xây dựng đảm bảo khoảng cách an toàn, không che khuất, cản trở tầm nhìn của di tích, không gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn, ảnh hưởng tới giá trị thẩm mỹ tổng thể của cảnh quan di tích.

Trong các dự án tu bổ, tôn tạo di tích, điều quan trọng là phải có sự tham vấn, đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia am hiểu sâu sắc về lịch sử, văn hóa, kiến trúc của di tích. Sự kết hợp phù hợp giữa kiến thức bản địa và các kiến thức chuyên ngành sẽ góp phần đảm bảo tính khoa học, đồng thời phát huy các giá trị nội tại của di tích.

Đặc biệt, cần huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong công tác tu bổ, tôn tạo di tích. Đây vừa là một cách để khơi dậy niềm tự hào, ý thức trách

nhiệm của người dân với di sản, vừa giúp họ trực tiếp góp sức bảo vệ và phát huy giá trị các di tích ngay tại nơi mình sinh sống.

Trong quá trình bảo tồn các di tích, chính quyền địa phương cần hết sức lưu ý tới vấn đề phục dựng những di tích đã bị mai một, xuống cấp nghiêm trọng. Với những di tích tiêu biểu, có giá trị lịch sử to lớn nhưng đã mất dấu vết hoàn toàn, cần tổ chức thành lập hội đồng nghiên cứu gồm các nhà khoa học đầu ngành về lịch sử, khảo cổ học để đánh giá, xem xét khả năng phục dựng lại di tích.

Nếu được phục dựng, các chi tiết kiến trúc của di tích phải dựa trên bằng chứng lịch sử xác thực, như tư liệu Hán Nôm, vẽ dấu, hồ sơ lưu trữ hoặc kết quả khai quật khảo cổ, ... nhằm đảm bảo sự chính xác và khách quan. Các công trình xây dựng phục vụ việc phục dựng cần được đánh dấu rõ ràng, phân biệt với di tích gốc để tránh gây hiểu lầm cho khách tham quan.

Quá trình phục dựng không nên theo hướng tái hiện hoàn toàn di tích theo kiểu bê tông hóa, mà nên kết hợp hài hòa giữa các kỹ thuật thi công truyền thống và hiện đại, vừa khôi phục được các không gian chức năng của di tích, vừa duy trì được giá trị lịch sử - văn hóa của nó. Từng chi tiết của di tích được phục dựng phải được ghi chép, lập hồ sơ theo dõi và đánh giá kỹ lưỡng để đảm bảo khoa học và hiệu quả lâu dài.

Trong trường hợp di tích xuống cấp quá nặng, không thể phục dựng được hết, có thể tập trung phục hồi các hạng mục quan trọng nhất, tiêu biểu nhất cho giá trị tổng thể của di tích. Những hạng mục còn lại, không còn dấu vết có thể sử dụng giải pháp đánh dấu mặt bằng, làm bằng các chất liệu nhẹ nhàng, trung tính như cát, sỏi, cây cảnh,... nhằm gợi nhớ không gian từng tồn tại của công trình. Ngoài ra, có thể đặt bảng chỉ dẫn, giới thiệu đầy đủ về lịch sử di tích kết hợp với các bản vẽ phục dựng 3D, mô hình sa bàn, ... để giúp khách tham quan hình dung chính xác nhất về di tích trong quá khứ.

Có thể nói, bảo tồn và phục hồi di tích là một nhiệm vụ hết sức phức tạp, đòi hỏi phải có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các giải pháp khoa học về mặt kỹ thuật lẫn nghệ thuật. Điều quan trọng là các cấp chính quyền và chuyên gia cần phải “tiếp cận di sản với tất cả lòng kính trọng”, không ngừng học hỏi, tích lũy kinh nghiệm từ thực tiễn để có thể bảo tồn di tích gần với trạng thái tự nhiên ban đầu nhất, phát huy được tối đa các giá trị nổi trội, tinh túy của nó.

Đó là trách nhiệm và cũng là niềm vinh dự của thế hệ hôm nay, trong việc gìn giữ, phát huy những giá trị lịch sử - văn hóa mà cha ông ta đã dày công

tạo dựng hàng trăm năm trước. Một di tích được bảo tồn, phục hồi tốt không chỉ trở thành báu vật của riêng cộng đồng xã Ninh Tiến, mà hơn thế, nó chính là tài sản vô giá của đất nước, là nhân chứng sống động cho một giai đoạn lịch sử hào hùng, một nền văn hóa Việt Nam đầy bản sắc.

3.3.2. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về di tích

Với mục tiêu bảo tồn và phát huy có hiệu quả các giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã Ninh Tiến, bên cạnh việc nâng cao nhận thức cộng đồng, chú trọng tu bổ, tôn tạo, một giải pháp quan trọng nữa đó là đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về di tích. Trong đó, việc chủ động phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu để khảo sát, nghiên cứu chuyên sâu về từng di tích là hết sức cần thiết.

Hiện nay, xã Ninh Tiến sở hữu một hệ thống di tích lịch sử đa dạng và phong phú, tuy nhiên, công tác nghiên cứu về các di tích này vẫn chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Phần lớn các tư liệu, tài liệu về di tích còn rời rạc, chưa hệ thống, nhiều nội dung còn mang tính chất truyền miệng, thiếu độ chính xác, tin cậy.

Chính vì vậy, để khắc phục tình trạng này, chính quyền xã cần chủ động làm “cầu nối”, tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh tổ chức các đoàn khảo sát thực địa tại địa phương. Với tiềm lực về chuyên môn, nguồn nhân lực dồi dào, các trường, viện không chỉ giúp xã bổ sung thêm nguồn tư liệu quý về di tích, mà còn góp phần làm sáng rõ các giá trị nổi bật của từng di tích trên nhiều phương diện như lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật, khảo cổ học, ...

Để triển khai giải pháp này một cách bài bản, xã nên thành lập một tổ chuyên trách, có nhiệm vụ rà soát, lập danh sách các di tích trọng điểm cần ưu tiên nghiên cứu. Tiếp đó, tổ sẽ lên kế hoạch cụ thể, chủ động gửi thư mời hợp tác đến các trường, viện có thể mạnh nghiên cứu phù hợp. Trong thư mời cần nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung nghiên cứu cần hỗ trợ, đồng thời thể hiện sự sẵn sàng hợp tác của địa phương trong việc tạo điều kiện cần thiết cho đoàn khảo sát hoạt động.

Khi các đoàn khảo sát tiến hành làm việc tại di tích, bên cạnh việc hỗ trợ về sinh hoạt, đi lại, chính quyền xã cần cử cán bộ am hiểu về lịch sử địa phương tham gia phối hợp, hướng dẫn. Các thành viên của đoàn cũng cần được tiếp cận đầy đủ các nguồn tư liệu, hồ sơ, hiện vật liên quan đến di tích đang được lưu giữ tại các ban, ngành, đơn vị trong xã.

Đặc biệt, chính quyền xã cần chủ động mời người dân địa phương, nhất là những người cao tuổi là “kho tàng tri thức bản địa”, những nghệ nhân là chủ thể của các loại hình di sản văn hóa phi vật thể gắn với di tích tham gia trực tiếp vào các cuộc phỏng vấn, ghi chép để làm phong phú thêm nguồn sử liệu sống động về di tích.

Sau khi hoàn thành khảo sát thực địa, các trường, viện nghiên cứu sẽ tổng hợp số liệu, phân tích, đánh giá và đưa ra những kết quả nghiên cứu có giá trị về di tích. Kết quả nghiên cứu sẽ vừa có ý nghĩa lý luận, phục vụ công tác lập hồ sơ khoa học, vừa có ý nghĩa thực tiễn, định hướng cho các biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị di tích phù hợp trong tương lai. Chính quyền xã có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu kỹ các báo cáo khoa học và chia sẻ những kết quả thu được cho các đối tượng liên quan, nhất là cộng đồng người dân địa phương.

Song song với việc phối hợp các trường, viện nghiên cứu, chính quyền xã Ninh Tiến cũng cần chủ động tổ chức các hội thảo khoa học về các giá trị lịch sử - văn hóa tiêu biểu của di tích. Đây là dịp để các nhà nghiên cứu, các chuyên gia đầu ngành cùng trao đổi, chia sẻ, bàn luận về những khía cạnh độc đáo của di tích dưới nhiều góc nhìn, cách tiếp cận khác nhau.

Để tổ chức hội thảo hiệu quả, xã cần xác định rõ chủ đề, nội dung và mục tiêu cần đạt được. Hội thảo có thể tập trung vào một số vấn đề như: Đặc điểm nổi bật về mặt kiến trúc, nghệ thuật của từng di tích; quá trình hình thành, phát triển và những dấu ấn lịch sử tiêu biểu của di tích qua các thời kỳ; sự gắn kết giữa di tích với đời sống văn hóa tâm linh của cộng đồng; giá trị của di tích đối với việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương; ...

Sau khi xác định được chủ đề, nội dung, chính quyền xã cần chuẩn bị kỹ lưỡng các điều kiện tổ chức như: Địa điểm, trang thiết bị, kinh phí, tài liệu tham khảo,... Thành phần tham dự hội thảo cần đảm bảo sự đa dạng cả về số lượng và chất lượng, bao gồm: Các nhà nghiên cứu trong và ngoài tỉnh có chuyên môn sâu về lĩnh vực di sản, các cán bộ quản lý văn hóa cấp xã, huyện, tỉnh, đại diện các cơ quan, đoàn thể trong xã, những người cao tuổi, chức sắc tôn giáo và đông đảo người dân có tâm huyết với văn hóa địa phương.

Điều quan trọng là các tham luận, phát biểu tại hội thảo cần được chuẩn bị chu đáo, có căn cứ khoa học và thực tiễn xác đáng, tránh tình trạng nói chung chung, lan man. Sau mỗi phần trình bày nên dành thời gian hợp lý cho mọi người thảo luận, tranh luận nhằm làm sâu sắc thêm từng vấn đề và đi đến nhận

thức chung. Những kết quả trao đổi tại hội thảo cần được tổng hợp, biên tập lại thành kỷ yếu và gửi tới các đại biểu tham dự.

Những thông tin thu được từ việc tổ chức hội thảo khoa học sẽ trở thành nguồn tư liệu vô cùng quý giá cho việc biên soạn, xuất bản các ấn phẩm, chuyên khảo về di tích. Chính quyền xã cần chủ động tạo điều kiện và khuyến khích các nhà nghiên cứu, các cây bút chuyên viết về lịch sử, văn hóa sử dụng nguồn tư liệu này để biên soạn các ấn phẩm như sách, báo, tạp chí chuyên đề.

Nội dung của các ấn phẩm cần ngắn gọn, súc tích, hấp dẫn, giúp độc giả dễ tiếp cận và cảm nhận được những giá trị tinh túy của di tích. Cần kết hợp hài hòa giữa chữ viết và hình ảnh minh họa, sơ đồ, bản đồ để tăng tính trực quan, sinh động. Ngoài nội dung chính, các ấn phẩm cũng nên cung cấp thông tin thiết thực phục vụ du khách như vị trí địa lý, đường đi, nơi lưu trú, điểm tham quan, ẩm thực địa phương, ...

Sau khi biên soạn, chính quyền xã cần có kế hoạch xuất bản, phát hành các ấn phẩm rộng rãi đến các thư viện, trường học, địa điểm du lịch trong và ngoài xã. Đồng thời, xây dựng tủ sách điện tử, đưa nội dung các ấn phẩm lên website, trang thông tin điện tử của xã để bạn đọc trong và ngoài nước có thể tiếp cận thuận lợi nhất.

Việc xuất bản các ấn phẩm, chuyên khảo về di tích không chỉ thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của công chúng, mà còn góp phần nâng tầm giá trị của di tích, tạo nên hình ảnh đẹp của vùng đất, con người xã Ninh Tiến giàu truyền thống lịch sử, văn hóa.

Có thể nói, việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về di tích là một giải pháp hết sức quan trọng và cần thiết đối với xã Ninh Tiến trong giai đoạn hiện nay. Chỉ có ý thức “trọng dụng” và phát huy sức mạnh của tri thức, chính quyền xã mới biến các giá trị “tiềm ẩn” của di tích trở thành nguồn lực “hữu hình”, phục vụ đắc lực cho sự phát triển của địa phương.

Đó cũng chính là cách để thế hệ hôm nay và mai sau nhận thức đầy đủ về những giá trị to lớn mà cha ông đã dày công tạo dựng, từ đó thêm trân trọng, biết ơn và có ý thức gìn giữ, vun đắp cho hệ thống di tích ấy mãi là “báu vật” văn hóa của quê hương mình.

3.3.3. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích

Để bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã Ninh Tiến, bên cạnh sự nỗ lực của chính quyền địa phương thì nhận

thức và sự tham gia tích cực của cộng đồng cư dân là yếu tố vô cùng quan trọng. Bởi lẽ, chính người dân mới là chủ thể sáng tạo ra các giá trị văn hóa, là “linh hồn” làm nên sức sống của mỗi di tích.

Chính vì vậy, công tác nâng cao nhận thức cộng đồng cần được chính quyền xã Ninh Tiến coi trọng và triển khai thường xuyên với những nội dung và hình thức tuyên truyền thiết thực, phù hợp với từng đối tượng.

Trước hết, cần đổi mới nội dung tuyên truyền về di tích, chuyển từ việc chỉ nhấn mạnh vào các khía cạnh “hữu hình” như lịch sử hình thành, kiến trúc, hiện vật,... sang tuyên truyền sâu rộng về các giá trị “vô hình” tiềm ẩn của di tích. Đó là những câu chuyện, giai thoại thú vị về nhân vật lịch sử gắn với di tích, là ý nghĩa biểu tượng của từng chi tiết điêu khắc, hoa văn,... tất cả cần được “giải mã” và kể lại cho người dân bằng một ngôn ngữ dễ hiểu, gần gũi.

Về hình thức tuyên truyền, cần đa dạng hóa các kênh truyền thông để phù hợp với thị hiếu và xu hướng tiếp nhận thông tin của người dân. Song song với việc phát huy hiệu quả của hệ thống loa truyền thanh, đài phát thanh, cần tăng cường ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội, trang web, ứng dụng di động, ... để mở rộng phạm vi và tăng tính lan tỏa của các thông điệp bảo tồn di tích.

Đặc biệt, cần phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể ở cơ sở như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên trong việc lồng ghép nội dung tuyên truyền về di tích vào các buổi sinh hoạt định kỳ của hội viên. Các cán bộ hội, đoàn có thể vận dụng linh hoạt nhiều hình thức như nói chuyện chuyên đề, giao lưu với người có uy tín, thi tìm hiểu về di tích, tọa đàm, biểu diễn nghệ thuật truyền thống,... để hội viên được “nghe, nhìn, cảm nhận” một cách trực quan và sinh động về từng di tích.

Thông qua các hoạt động thiết thực này, các thành viên trong cộng đồng sẽ dần nhận ra được giá trị, ý nghĩa sâu sắc, không chỉ về mặt văn hóa, tinh thần mà còn cả về kinh tế, xã hội mà di tích đang đem lại cho đời sống của họ. Từ đó, họ sẽ có ý thức và trách nhiệm cao hơn trong việc chung tay bảo vệ, phát huy các giá trị của di tích.

Song song với công tác tuyên truyền nói chung, cần phải tăng cường giáo dục truyền thống, lịch sử địa phương trong nhà trường, nhất là với thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của di sản.

Chính quyền xã cần chủ động phối hợp với ngành Giáo dục và các trường học trên địa bàn tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tế tại các di tích cho học sinh. Thông qua những chuyến tham quan, học sinh sẽ được

“mục sở thị” vẻ đẹp của từng di tích, lắng nghe những câu chuyện lịch sử hào hùng đằng sau đó, tạo dựng được cảm xúc và niềm tự hào về truyền thống quê hương.

Các trường học cũng cần đưa nội dung tìm hiểu về các di tích tiêu biểu của địa phương vào các tiết học môn Lịch sử và Địa lí, môn Lịch sử địa phương,... Khuyến khích giáo viên sử dụng di tích như một “bài học trực quan” để giúp học sinh dễ dàng nắm bắt các tri thức, rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, phân tích tài liệu, hiện vật thực tế. Ngoài ra, các cuộc thi tìm hiểu, sáng tác văn học, nghệ thuật về các di tích cũng cần được nhà trường tổ chức thường niên, tạo sân chơi bổ ích và ý nghĩa cho học sinh.

Một giải pháp quan trọng khác không thể không nhắc tới là tích cực vận động người dân tham gia trực tiếp vào việc bảo vệ và giám sát các hoạt động liên quan đến di tích.

Chính quyền xã cần giao quyền tự quản cho các thôn, xóm nơi có di tích, thành lập các tổ tự quản, câu lạc bộ bảo tồn di tích hoạt động thường xuyên. Các cán bộ thôn, người cao tuổi, chức sắc tôn giáo uy tín sẽ là nòng cốt trong các tổ chức này, có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động người dân cùng tham gia cảnh giới, bảo vệ di tích, kịp thời phát hiện và tố giác với chính quyền các hành vi xâm hại di tích.

Mặt khác, chính quyền cần mở rộng dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho người dân được quyền tham gia ý kiến, giám sát các dự án tu bổ, tôn tạo di tích, các hoạt động quản lý, khai thác di tích. Các ý kiến đóng góp của người dân cần được chính quyền lắng nghe, tiếp thu nghiêm túc và phản hồi kịp thời. Họ cần được cung cấp thông tin công khai, minh bạch về tiến độ, kinh phí, quy trình thực hiện các dự án, hoạt động liên quan đến di tích.

Bên cạnh đó, cần khơi dậy tinh thần “tự hào địa phương” của người dân thông qua việc gắn hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích với lợi ích thiết thực của họ. Chính quyền cần khuyến khích người dân tận dụng không gian, cảnh quan của di tích để phát triển các dịch vụ phụ trợ như hàng quán, bán đồ lưu niệm, homestay,... có điều kiện ổn định sinh kế. Đồng thời, ưu tiên tạo việc làm cho người dân địa phương trong các hoạt động tu bổ, chỉnh trang, duy trì lễ hội,... tại từng di tích.

Có thể nói, việc nâng cao nhận thức cộng đồng sẽ là “chìa khóa” để mọi giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị di tích trên địa bàn xã Ninh Tiến đạt hiệu quả

cao. Mọi thay đổi tích cực của di tích trong tương lai đều bắt nguồn từ sự “thay đổi nhận thức” của cộng đồng ngày hôm nay.

Khi người dân địa phương nắm được giá trị của di tích, tự hào và có trách nhiệm hơn trong việc gìn giữ, phát huy di tích, khi đó mỗi cá nhân sẽ trở thành một “đại sứ văn hóa”, thúc đẩy việc lan tỏa những giá trị tốt đẹp của quê hương ra cộng đồng.

Và hơn hết, khi di tích trở thành một phần máu thịt, là niềm tự hào của mỗi người dân, trở thành nơi hun đúc tình yêu quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ, khi đó di tích sẽ thực sự “sống” và tỏa sáng mãi với thời gian, góp phần làm nên bản sắc văn hóa riêng có của vùng đất Ninh Tiến anh hùng.

3.3.4. Phát triển du lịch gắn với quảng bá, phát huy giá trị di tích

Xã Ninh Tiến là địa phương có tiềm năng lớn để phát triển du lịch gắn với hệ thống di tích lịch sử đa dạng, phong phú. Việc khai thác hợp lý tiềm năng này vừa góp phần quảng bá, phát huy giá trị các di tích, vừa tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương.

Để biến tiềm năng thành hiện thực, trước hết cần quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch tại các khu di tích. Hệ thống giao thông kết nối giữa trung tâm xã với các di tích và giữa các di tích với nhau cần được cải tạo, nâng cấp, mở rộng để thuận tiện cho việc đi lại của du khách. Cần chú trọng cải thiện hạ tầng cấp thoát nước, xử lý rác thải, cung cấp năng lượng, viễn thông tại khu di tích nhằm đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

Bên trong và xung quanh các di tích cũng cần bố trí các cơ sở vật chất thiết yếu như: Bãi đỗ xe, trung tâm thông tin, nhà vệ sinh công cộng, cửa hàng lưu niệm, nhà hàng, khách sạn, ... với kết cấu kiên cố và kiến trúc hài hòa với cảnh quan di tích. Ngoài ra, cần chú ý xây dựng các công trình hạ tầng phụ trợ như điểm dừng chân, chỗ ngồi nghỉ, đài quan sát, hệ thống biển chỉ dẫn, panô giới thiệu thông tin về di tích, bản đồ du lịch, ... nhằm tạo thuận lợi tối đa và mang đến cho du khách những trải nghiệm thú vị.

Khi hạ tầng đã sẵn sàng, cần tập trung xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với từng di tích. Mỗi di tích đều chứa đựng những câu chuyện thú vị gắn với các sự kiện, nhân vật lịch sử và nét văn hóa riêng biệt của địa phương. Thông qua việc kể lại những câu chuyện này, di tích sẽ trở thành chất liệu phong phú, hấp dẫn để xây dựng những chương trình tham quan như “tour du lịch theo dấu chân những nhân vật lịch sử”, “hành trình khám phá kiến trúc

độc đáo của di tích”, “trải nghiệm một ngày làm nông dân, thợ thủ công nơi di tích”, ... Khi tham gia vào các chương trình này, du khách không chỉ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp kiến trúc của di tích, mà còn được đắm chìm vào không gian văn hóa, có cơ hội tương tác, chia sẻ và thể nghiệm một cách sâu sắc, toàn diện những giá trị của di sản.

Bên cạnh đó, việc kết hợp giữa di tích và lễ hội truyền thống sẽ tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo, mang đậm “hương vị quê nhà”. Các lễ hội truyền thống gắn với di tích như lễ hội làng Mọc tại đền thờ Thánh Đức Trần, ngày hội Văn hóa - Thể thao các dân tộc tại đền Vua Lô, liên hoan hát then, đàn tính tại đền Sặt, ... đều hàm chứa những yếu tố văn hóa phi vật thể đặc sắc, từ lâu đã trở thành một phần của đời sống văn hóa tâm linh người dân nơi đây. Sự gắn kết hữu cơ giữa không gian vật thể của di tích với không gian phi vật thể của lễ hội chính là “chìa khóa vàng” để xây dựng các tour, tuyến du lịch mang đậm bản sắc văn hóa của vùng đất Ninh Tiến.

Bên cạnh việc đa dạng hóa sản phẩm, công tác xúc tiến, quảng bá du lịch cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Có thể tận dụng sức mạnh của công nghệ thông tin, Internet và mạng xã hội để hình ảnh các di tích “vươn ra” tới đông đảo công chúng trong và ngoài nước. Cần thiết kế website, ứng dụng du lịch chuyên biệt trên nền tảng di động, lập các trang thông tin điện tử, fanpage tương tác về du lịch di tích. Trên các kênh này, cần cập nhật thường xuyên các thông tin hữu ích như giá trị nổi bật của từng di tích, đặc trưng văn hóa địa phương, các tour tuyến du lịch hấp dẫn, các dịch vụ tiện ích dành cho du khách, các chương trình ưu đãi, khuyến mãi, ...

Ngoài ra, địa phương cũng cần đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí để quảng bá hình ảnh du lịch di tích trên các phương tiện thông tin đại chúng. Có thể xây dựng các phóng sự, chuyên mục, chương trình giao lưu truyền hình, ấn phẩm quảng cáo như tờ rơi, catalog giới thiệu về di tích và lễ hội,... Cần chú trọng nghiên cứu thị trường, phân khúc khách hàng và “đo ni đóng giày” các nội dung truyền thông cho phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo sự sinh động, hấp dẫn nhưng vẫn chuyển tải được những thông điệp cốt lõi về bản sắc văn hóa nơi di tích.

Một giải pháp không thể thiếu để phát triển du lịch tại các di tích là tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương lân cận. Tại tỉnh và các huyện trong vùng đều có nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn đặc sắc, trong đó có nhiều di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng. Chính vì vậy, Ninh Tiến cần chủ động

“bắt tay” với các địa phương lân cận để xây dựng các tour, tuyến liên vùng, trong đó lấy di tích làm “hạt nhân”, kết nối với các điểm đến khác trong một “mạng lưới” du lịch thống nhất. Điều này sẽ tạo ra sự đa dạng, phong phú về sản phẩm, kéo dài thời gian lưu trú của khách, mang đến trải nghiệm tổng thể, trọn vẹn và thú vị nhất cho du khách.

Mặt khác, hợp tác liên vùng sẽ tạo điều kiện thúc đẩy giao lưu, học hỏi kinh nghiệm giữa các địa phương về quản lý, khai thác tài nguyên du lịch di sản, về cách thức xây dựng sản phẩm và quảng bá hình ảnh điểm đến. Qua đó sẽ khắc phục tình trạng phát triển “chạy”, “đơn lẻ” của du lịch di tích hiện nay, hình thành một tầm nhìn tổng thể, dài hạn hơn trong chiến lược phát triển du lịch của từng địa phương cũng như cả vùng.

Có thể thấy, phát triển du lịch gắn với di tích hứa hẹn sẽ mở ra một hướng đi mới trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di tích một cách hiệu quả, bền vững. Thông qua các hoạt động du lịch, các giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật,... tinh túy nhất của di tích không chỉ được bảo tồn mà còn được quảng bá rộng rãi, lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng. Du lịch trở thành một kênh quan trọng để “đưa di sản đến với công chúng và đưa công chúng đến với di sản”, mang những giá trị tưởng chừng như “bất động” của di tích đi vào dòng chảy cuộc sống.

Bên cạnh đó, việc đưa di tích vào “vòng quay” của chuỗi giá trị sản phẩm du lịch sẽ tạo nguồn lực tài chính ổn định để tái đầu tư vào công tác bảo tồn di tích. Thông qua hệ thống dịch vụ du lịch, di tích sẽ tạo ra công ăn việc làm và sinh kế mới cho người dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương. Đây vừa là động lực vừa là nguồn lực quan trọng để duy trì, củng cố tinh thần tự tôn dân tộc trong cộng đồng, khơi dậy ý thức, trách nhiệm gìn giữ, phát huy di sản của cha ông, nơi chính mảnh đất họ sinh ra và lớn lên.

Tiểu kết Chương 3

Bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử trên địa bàn xã Ninh Tiên là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Trong bối cảnh mới, để các giải pháp đề ra phát huy hiệu quả, trước hết cần tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền địa phương, qua đó tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác này. Đồng thời, cần huy động mọi nguồn lực để không ngừng đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích, tập trung phục dựng những di tích đã bị mai một với bằng chứng khoa học xác đáng.

Mặt khác, việc kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn với nghiên cứu, phát huy giá trị di tích cũng cần được coi trọng. Mọi chủ trương, biện pháp bảo tồn cần dựa trên các luận cứ khoa học, tôn trọng đặc trưng văn hóa vốn có của từng di tích. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan nghiên cứu trong việc đánh giá, góp ý chuyên môn, nhằm bảo đảm tính khách quan, chính xác trong quá trình triển khai các phương án bảo tồn.

Tuy nhiên, công tác quản lý và bảo tồn di tích không thể thành công nếu thiếu sự ủng hộ, tham gia tích cực của cộng đồng. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò, giá trị của di tích đối với đời sống tinh thần và phát triển kinh tế của địa phương là hết sức quan trọng. Cần đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục để di tích trở thành một phần của đời sống văn hóa cộng đồng, tạo môi trường để di sản “sống” và phát triển cùng với thời gian.

Phát triển du lịch gắn với di tích sẽ tạo ra nguồn lực tài chính ổn định cho bảo tồn di sản, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Quá trình khai thác cần có quy hoạch để vừa đảm bảo nguyên tắc bảo tồn, giữ gìn các yếu tố “nguyên gốc”, vừa phát huy tiềm năng của di tích, biến nó thành sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần sự chung tay, góp sức của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính quyền xã cần tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý di tích, hoàn thiện hồ sơ khoa học, tôn tạo, phục dựng các di tích xuống cấp. Song song với đó, cần tập trung đầu tư nghiên cứu, sưu tầm, phát hiện thêm những giá trị mới của di tích; chú trọng nâng cao nhận thức cộng đồng, phát huy vai trò của người dân trong công tác bảo tồn di sản. Đặc biệt, việc gắn kết

phát triển du lịch với bảo tồn di tích sẽ là giải pháp quan trọng, tạo nguồn lực tài chính cho bảo tồn di sản, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh quê hương. Có thể nói, mỗi giải pháp trên đều có ý nghĩa riêng, nhưng khi phối hợp với nhau sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, mở ra một tương lai đầy triển vọng trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị các di tích tại vùng đất giàu truyền thống này.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu, có thể khẳng định rằng xã Ninh Tiến có hệ thống di tích lịch sử đa dạng và đặc sắc, đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng. Mỗi di tích không chỉ là minh chứng cho một thời kỳ lịch sử hào hùng, mà còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống quý báu của cha ông ta.

Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích này còn gặp không ít khó khăn, thách thức. Bộ máy quản lý di tích còn hạn chế về năng lực, chưa thể hiện hết vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong tu bổ, tôn tạo, song tình trạng xuống cấp của một số di tích vẫn đang diễn ra. Hoạt động quảng bá, phát huy giá trị di tích chưa thực sự mạnh mẽ và có chiều sâu, chủ yếu tập trung vào yếu tố vật thể bên ngoài chứ chưa chú trọng đúng mức tới “linh hồn” bên trong của di sản.

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này đã đề xuất các giải pháp, bao gồm: bảo tồn và phục hồi di tích; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học; nâng cao nhận thức cộng đồng; phát triển du lịch gắn với quảng bá, phát huy giá trị di tích. Có thể nói, các giải pháp này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động và bổ sung cho nhau, hướng tới mục tiêu bảo tồn và phát huy các di tích một cách bền vững nhất.

Trong các giải pháp trên, yếu tố con người luôn được đề cao. Chỉ khi người dân địa phương thấu hiểu giá trị của di tích, tự hào về truyền thống quê hương và có trách nhiệm gìn giữ, vun đắp cho di sản, khi đó mọi giải pháp bảo tồn và phát huy mới thực sự phát huy hiệu quả.

Sự gắn kết giữa bảo tồn và phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch cũng được chú trọng. Du lịch di tích không chỉ góp phần tạo nguồn lực tài chính ổn định cho việc trùng tu, chỉnh trang di tích, mà còn mang các giá trị văn hóa đến gần hơn với công chúng, làm sống dậy và lan tỏa ý nghĩa của di sản trong đời sống đương đại.

Có thể khẳng định, bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử - văn hóa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Nếu như công tác bảo tồn được thực hiện bài bản, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa “bảo tồn” và “phát triển”, giữa “truyền thống” và “hiện đại”, giữa “quá khứ” và “tương lai”, chắc chắn di sản sẽ trở thành một phần máu thịt của đời sống, là động lực và là niềm tự hào vô tận của các thế hệ nối tiếp nhau.

Bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử chính là bảo tồn và nuôi dưỡng cốt cách, bản sắc dân tộc. Đó là trách nhiệm và cũng là mệnh lệnh từ cõi lòng đối với mỗi người con xứ Ninh Tiến nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung. Chúng ta tin tưởng rằng, với tinh thần đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm và sự chung tay góp sức của cả hệ thống chính trị và người dân, hệ thống di tích nơi đây sẽ mãi được gìn giữ, trao truyền và tỏa sáng cùng năm tháng.

2. Kiến nghị

Để tạo sức bật và động lực mới cho việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử tại xã Ninh Tiến, cần tiếp tục có các chính sách ưu tiên đầu tư từ cấp tỉnh, huyện. Trước hết, cần bổ sung nguồn lực tài chính hàng năm cho các dự án trùng tu, tôn tạo di tích, đảm bảo các dự án được triển khai đồng bộ, đạt chất lượng tốt nhất.

Bên cạnh đó, cần quan tâm phát triển hạ tầng giao thông, dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi, ... để kết nối thuận lợi giữa các di tích và tạo điều kiện thu hút khách du lịch. Đây không chỉ là tiền đề để di sản lan tỏa trong cộng đồng mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nơi có di tích.

Song song với chính sách đầu tư, chính quyền các cấp cũng cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, khai thác các di tích lịch sử cho phù hợp với điều kiện thực tế. Cần thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề để chia sẻ kinh nghiệm, tìm ra các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong phát huy các giá trị di sản.

Để công tác này đạt hiệu quả, cần sự vào cuộc tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, sự ủng hộ cao của đội ngũ trí thức, các nhà khoa học. Cần có cơ chế điều phối linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án, đề án bảo tồn và phát huy các di tích theo quy hoạch chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản Văn hóa (2005), *Một con đường tiếp cận DSVH*, Tập 2, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [2]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản Văn hóa (2006), *Một con đường tiếp cận DSVH*, Tập 3, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [3]. Đặng Văn Bài (1996), “Việc sử dụng và khai thác di tích trong tình hình hiện nay ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Hà Nội.
- [4]. Đặng Văn Bài (2013), “Bảo tồn DSVH gắn với phát triển bền vững nhìn từ 6 tỉnh miền Trung”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An*, số 8/2013, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Chí Bền (Chủ biên) (2010), *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Thăng Long - Hà Nội*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
- [6]. Bộ Khoa học và Công nghệ (2014), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10382:2014 (Di sản văn hoá và các vấn đề liên quan - thuật ngữ và định nghĩa chung), Hà Nội.
- [7]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản Văn hóa (2005), *Một con đường tiếp cận DSVH*, Tập 1, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [8]. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2010), Nghị định 98/2010/NĐ - CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, Hà Nội.
- [9]. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2017), Nghị định số 109/2017/NĐ-CP Quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam, Hà Nội.
- [10]. Phạm Trung Lương (và các tác giả khác) (2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [11]. Lê Hồng Lý (Chủ biên) (2010), *Giáo trình Quản lý Di sản văn hóa với phát triển du lịch*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [12]. Hoàng Phê, 2004, *Từ điển Tiếng Việt. Viện Ngôn Ngữ học*, NXB Đà Nẵng.
- [13]. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2001), Luật Di sản văn hóa, Hà Nội.
- [14]. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2009), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, Hà Nội.
- [15]. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2024), Luật Di sản văn hóa, Hà Nội.

- [16]. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2019), Luật Giáo dục sửa đổi, Hà Nội.
- [17]. Trương Hữu Quýnh, Phan Ngọc Liên, Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Văn Am (1989), *Lịch sử địa phương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [18]. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2019, Luật di sản văn hóa sửa đổi.
- [19]. Từ Điển Bách Khoa Việt Nam, 1995, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 1, Hà Nội.
- [20]. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [21]. Lưu Trần Tiêu (2011), “Một số vấn đề về hoạt động tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 3, tr.3-7.
- [22]. Nguyễn Thịnh (2012), *Di sản văn hóa Việt Nam – Bản sắc và vấn đề bảo tồn*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
- [23]. Đỗ Thị Phương Thúy (năm 2014), *Thực trạng và giải pháp bảo tồn một số di tích lịch sử - văn hóa chùa và động trên địa bàn huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
- [24]. Dương Văn Sáu (2007), *Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [25]. Sở văn hóa, thể thao và du lịch Ninh Bình, Phòng Di sản văn hóa (2010), *Lý lịch di tích đình làng Hoàng Sơn, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình*, Ninh Bình.
- [26]. Sở văn hóa, thể thao và du lịch Ninh Bình, Phòng Di sản văn hóa (2017), *Lý lịch di tích đền Vua Lộ, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình*, Ninh Bình.
- [27]. Sở văn hóa, thể thao và du lịch Ninh Bình, Phòng Di sản văn hóa (2016), *Lý lịch di tích đền Sặt, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình*, Ninh Bình.
- [28]. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Hệ thống câu đối ở đình làng Hoàng Sơn

- Câu đối số 1:

黃山聚氣歟翁吒孕基業孟霸黜重勤重儉
寶亭會智慧襟袵埕莪甦文明恊勸學勸才¹

Dịch nghĩa:

Hoàng Sơn tụ khí thiêng, ông cha dựng cơ nghiệp mạnh giàu bởi trọng cần trọng kiệm

Bảo đình hội trí tuệ già trẻ xây đời sống văn minh nhờ khuyến học khuyến tài

Hàng chữ nhỏ bên phải: Long Phi Quý Mùi niên (năm Long Phi Quý Mùi).

Hàng chữ nhỏ phía dưới bên trái: Hoàng Xuân Quốc bái soạn và cúng tiến.

- Câu đối số 2:

乃武乃文厥靈傳歷代
如日如月多福徧群黎

Phiên âm:

*Nãi vũ nãi văn quyết linh truyền lịch đại
Như nhật như nguyệt đa phúc biến quần lê*

Dịch nghĩa:

Là võ là văn anh linh truyền đời đời

Như trời như trăng nhiều phúc ban muôn dân

- Câu đối số 3:

一氣流行洋洋乎在左右
四時造化休休焉保黎民

Phiên âm:

*Nhất khí lưu hành dương dương hồ tại tả hữu
Tứ thời tạo hóa hưu hưu yên bảo lê dân*

Dịch nghĩa:

Nguyên khí lưu hành mệnh mang ở bên trái phải

Bốn mùa tạo hóa bao trùm bảo vệ muôn dân

- Câu đối số 4:

有功□²民歷代封章光日月

¹ Đây là câu đối chữ Nôm.

² 於=於: Ư

神光駕奠福如山壽賜方民

Phiên âm:

*Hữu công ư dân lịch đại phong chương quang nhật nguyệt
Thần quang giá điện phúc như sơn thọ tứ phương dân*

Dịch nghĩa:

Có công với dân, đời đời ban phong ngời nhật nguyệt
Thần ngự giá điện, phúc thọ như núi ban muôn dân.

Hàng chữ nhỏ về đối bên trái: Bảo Đại Đình Sứ đông: Mùa đông năm

Đình Sứ niên hiệu Bảo Đại (1937)

- Câu đối số 5:

位乎中與二儀³合其德
揚乎上敷⁴五福錫⁵厥民

Phiên âm:

*Vị kỳ trung dữ nhị nghi hợp kỳ đức
Dương kỳ thượng phu ngũ phúc tứ quyết dân*

Dịch nghĩa:

An vị ở giữa, cùng trời đất hợp với đức
Giương lên bên trên, ban năm phúc cho người dân

- Câu đối số 6:

夏敬殷尊民直道⁶
功於民正直而一

Phiên âm:

*Hạ kính Ân tôn dân trực đạo
Công ư dân chính trực nhi nhất*

Dịch nghĩa:

Nhà Hạ nhà Ân⁷ coi trọng dân theo chính đạo
Có công với dân chính trực lấy làm đầu

- Câu đối số 7:

黃軸下貽封⁸封其功烈於民聲名於國

³ 二儀: Nhị nghi: còn gọi là lưỡng nghi (兩儀), gồm trời và đất, hay âm và dương.

⁴ 敷 (Phu): ban bố rộng khắp.

⁵ 錫: Tích, đọc là tứ, thông với chữ 賜 (tứ): ban, tặng.

⁶ 直道 (trực đạo): con đường chính đáng, con đường chính trực.

⁷ Ân: nhà Ân, còn được gọi là nhà Thương.

⁸ 貽封 (Di phong): Người này đáng được phong tước mà lại đổi phong cho người khác gọi là “di phong”.

山珉⁹高揭¹⁰贊贊曰發揚于上峻極于天

Phiên âm:

*Hoàng trực hạ di phong phong kỳ công liệt ư dân thanh danh ư quốc
Sơn dân cao dương tán tán viết phát dương vu thượng tuần cực vu thiên*

Dịch nghĩa:

Trực Hoàng hạ đôi phong, phong công liệt ở dân thanh danh ở nước
Đá Sơn nâng cao ngợi, ngợi vươn lên ở trên cao vút ở trời

Phụ lục 2. Bốn sắc phong được lưu giữ ở đền Hạ

Sắc phong số 1 dưới đời vua Cảnh Hưng vào ngày 26/7/1783, sắc phong cho vị Đương cảnh Thành hoàng Bà Hộ ma Đại vương;

Phiên âm:

Sắc Đương cảnh Thành hoàng Bà Hộ ma Đại vương, tự thiên sinh đức, duy nhạc giáng thần, tại thượng dương dương, thủy vạn cổ huân cao chi tự, quyết linh trạc trạc, trợ tam quân phù sức chi huân, ký đa mặc tướng chi công, cái cử bao phong chi điển. Vị tự vương tiến phong vương vị, lâm cư chính phủ, lễ hữu đẳng trật, ung gia phong mỹ tự, khả gia phong Đương cảnh Thành hoàng Hộ ma Lệ mỹ Đại vương. Cố sắc.

Cảnh Hưng tứ thập tứ niên thất nguyệt nhị thập lục nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho vị Đương cảnh Thành hoàng Bà Hộ ma Đại vương, thực đức trời sinh, non nhạc giáng thần, mệnh mang trời cao, công lao to lớn được lưu lại phụng thờ muôn thuở, linh thiêng rực rỡ, phù giúp ba quân, đã có nhiều công ngầm giúp, sao không xét điển để bao phong. Vì trẫm được tiến phong ngôi vương, lâm cư trong chính phủ, theo lễ có xét đẳng trật, nên gia phong mỹ tự, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Đương cảnh Thành hoàng Hộ ma Lệ mỹ Đại vương. Cho nên ban sắc.

Ngày 26 tháng 7 niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Sắc phong số 2 dưới đời vua Minh Mạng vào ngày 4/12/1824, sắc phong cho vị thần Thành hoàng (xã) Cổ Loan;

Phiên âm:

Sắc Cổ Loan Thành hoàng chi thần, hộ quốc tỵ dân, nắm trứ công đức, kinh hữu lịch triều phong tặng, phụng ngã Thế tổ Cao hoàng đế thống nhất hải

⁹ 珉 (Dân): một thứ đá đẹp.

¹⁰ 揭 (Yết): chữ này không rõ.

vũ, khánh bị thần nhân. Tứ kim phi ung cảnh mệnh, quang thiệu hồng đồ, miễn niệm thần hưu, cái long ân điển, khả gia tặng Bảo an chi thần, chuẩn hứa Yên Khánh huyện, Cổ Loan xã y cựu phụng sự, thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Minh Mệnh ngũ niên thập nhị nguyệt sơ tứ nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho vị thần Thành hoàng (xã) Cổ Loan, thần bảo vệ cho nước che chở cho dân, hiển rõ công đức, từng được phong tặng qua các triều đại, phù giúp Thế tổ Cao hoàng đế ta thống nhất bờ cõi, mang phúc đến cho cả thần nhân. Cho nên nay vâng theo mệnh trời, noi theo hồng đồ, xa nghĩ đến công che chở của thần, xét ân điển để bao phong, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Bảo an, chuẩn cho xã Cổ Loan, huyện Yên Khánh phụng thờ như cũ, mong thần hãy trông coi, giúp đỡ, che chở dân đen ta. Hãy kính lấy.

Ngày mồng 4 tháng 12 niên hiệu Minh Mệnh thứ 5 (1824).

Sắc phong số 3 dưới đời vua Thiệu Trị vào ngày 18/6/1844, sắc phong cho vị thần Thành hoàng (xã) Cổ Loan;

Phiên âm:

Sắc Cổ Loan Bảo an Chính trực Thành hoàng chi thần, hộ quốc tỵ dân, nẫm trú linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc chuẩn hứa phụng sự. Từ kim phi ung cảnh mệnh, miễn niệm thần hưu, khả gia tặng Bảo an Chính trực Hựu thiện chi thần, nhưng chuẩn hứa Yên Khánh huyện, Cổ Loan xã y cựu phụng sự, thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Thiệu Trị tứ niên lục nguyệt thập bát nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho vị thần Thành hoàng (xã) Cổ Loan, (thần từng được ban tặng mỹ tự là) Bảo an Chính trực, thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp tặng sắc chuẩn cho phụng thờ. Cho nên nay vâng theo mệnh trời, xa nghĩ đến công che chở của thần, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Bảo an Chính trực Hựu thiện, vẫn chuẩn cho xã Cổ Loan, huyện Yên Khánh thờ phụng thần như cũ, mong thần trông coi, giúp đỡ, che chở dân đen ta. Hãy kính lấy.

Ngày 18 tháng 6 niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Sắc phong số 4 dưới đời vua Khải Định vào ngày 25/7/1924.

Phiên âm:

□□□□□□□□ quốc tôn thần, hộ quốc tỵ dân, nắm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự. Tứ kim chính trị trăm tứ tuần đại khánh tiết, kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật, trứ gia tặng Tĩnh hậu Trung đẳng thần, đặc chuẩn phụng sự dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển. Khâm tai.

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa:

□□□□□□□□ quốc tôn thần. Thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp sắc phong chuẩn cho thờ phụng. Đến nay, đúng lễ tứ tuần đại khánh của trăm, từng ban cho bảo chiếu mở rộng ơn trên, lễ tốt đẹp nên xét thứ bậc, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Quang ý Trung đẳng thần, đặc biệt chuẩn cho thờ phụng để ghi nhớ ngày quốc khánh mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Hãy kính lấy.

Ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924).

Phụ lục 3. Sắc phong ở đền Vua Lô

Sắc phong số 1 dưới đời vua Cảnh Hưng vào ngày 26/7/1783, sắc phong cho vị thần Thành hoàng Ông Lực Lộ Đại Vương;

Phiên âm:

Sắc Đương cảnh Thành hoàng Ông Lực Lộ Đại vương, tự thiên sinh đức, duy nhạc giáng thần, tại thượng dương dương, thủy vạn cổ huân cao chi tự, quyết linh trạc trạ, trợ tam quân phù dục chi trợ, ký đa mặc tướng chi công, hạp cử bao phong chi điển. Vị tự vương tiến phong vương vị, lâm cư chính phủ, lễ hữu đăng trật, ung gia phong mỹ tự, khả gia phong Đương cảnh Thành hoàng Ông Lực Lộ Uy dũng Đại vương. Cố sắc.

Cảnh Hưng tứ thập tứ niên thất nguyệt nhị thập lục nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho vị Đương cảnh Thành hoàng Ông Lực Lộ Đại vương, thực đức trời sinh, non nhạc giáng thần, mệnh mang trời cao, công lao to lớn được lưu lại thờ phụng muôn thuở, linh thiêng rực rỡ, phù giúp ba quân, đã có nhiều công ngầm giúp, sao không xét điển để bao phong. Vì trăm được tiến phong ngôi vương, lâm cư trong chính phủ, theo lễ có xét đăng trật, nên gia phong mỹ tự, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Đương cảnh Thành hoàng Ông Lực Lộ Đại vương. Cho nên ban sắc.

Ngày 26 tháng 7 niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Sắc phong số 2 dưới đời vua Thiệu Trị vào ngày 12/5/1844, sắc phong cho vị thần Thành Hoàng (xã) Cổ Loan;

Phiên âm:

Sắc Cổ Loan Bảo an Thành hoàng chi thần, hộ quốc tỵ dân, nắm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp tặg sắc chuẩn hứa phụng sự. Minh Mệnh nhị thập nhất niên trị ngã Thánh tổ Nhân Hoàng đế ngũ tuần đại khánh tiết, khâm phụng bảo chiếu đầm ân, lễ long đắg trật. Tứ kim phi ưng cảnh mệnh, miến niệm thần hưu, khả gia tặg Bảo an Chính trực chi thần, nhưng chuẩn hứa Yên Khánh huyện, Cổ Loan xã y cựu phụng sự, thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Thiệu Trị tứ niên ngũ nguyệt thập nhị nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho vị thần Thành hoàng [xã] Cổ Loan, [thần từng được ban tặg mỹ tự là) Bảo an, thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp tặg sắc chuẩn cho phụng thờ. Năm Minh Mệnh thứ 21, đúng dịp lễ ngũ tuần đại khánh của Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, vắg theo bảo chiếu mở rộng ơn trên, lễ tốt đẹp nên xét thứ bậc. Cho nên nay vắg theo mệnh trời, xa nghĩ đến công che chở của thần, xứng đắg tặg thêm mỹ tự cho thần là Bảo an Chính trực, vắg chuẩn cho xã Cổ Loan, huyện Yên Khánh thờ phụng thần như cũ, mong thần trông coi, giúp đỡ, che chở dân đen ta. Hãy kính lấy.

Ngày 12 tháng 5 niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Sắc phong số 3 dưới đời vua Tự Đức vào ngày 26/11/2850, sắc phong cho vị thần Thành hoàng xã Cổ Loan;

Phiên âm:

Sắc Cổ Loan Thành hoàng, nguyên tặg Bảo an Chính trực Hựu thiện chi thần, hộ quốc tỵ dân, nắm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp tặg sắc chuẩn hứa phụng sự. Tứ kim phi ưng cảnh mệnh, miến niệm thần hưu, khả gia tặg Bảo an Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng chi thần. Nhưng chuẩn Yên Khánh huyện, Cổ Loan xã y cựu phụng sự, thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Tự Đức tam niên thập nhất nguyệt nhị thập lục nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho vị thần Thành hoàng xã Cổ Loan nguyên được ban tặg các mỹ tự là Bảo an Chính trực Hựu thiện. Thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp tặg sắc chuẩn cho thờ phụng. Cho nên

nay vâng theo mệnh trời, xa nghĩ đến công che chở của thần, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Bảo an Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng, vắn chuẩn cho xã Cổ Loan, huyện Yên Khánh thờ phụng như cũ, mong thần hãy trông coi, giúp đỡ, gìn giữ dân đen ta. Hãy kính lạy.

Ngày 26 tháng 11 niên hiệu Tự Đức thứ 3 (1850).

Sắc phong số 4 dưới đời vua Tự Đức vào ngày 24/11/1880, sắc phong cho vị thần Thành hoàng xã Cổ Loan và vị thần Hiền huệ Địch Cần Vĩ tích Đoan túc;

Phiên âm:

Sắc chỉ Ninh Bình tỉnh, Yên Khánh huyện, Cổ Loan xã tòng tiền phụng sự Bảo an Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng Thành hoàng chi thần, Hiền huệ Địch cần Vĩ tích Đoan túc Hộ quốc chi thần, tiết kinh ban cấp sắc phong chuẩn kỳ phụng sự. Tự Đức tam thập nhất niên chính trực ngũ tuần đại khánh tiết, kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật, đặc chuẩn hứa y cựu phụng sự dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển. Khâm tai.

Tự Đức tam thập tam niên thập nhất nguyệt nhị thập tứ nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc chỉ cho xã Cổ Loan, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, theo trước thờ phụng các vị thần:

- Thành hoàng, thần từng được ban tặng mỹ tự là Bảo an Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng;

- Hộ quốc, thần từng được ban tặng mỹ tự là Hiền huệ Địch Cần Vĩ tích Đoan túc;

Các thần đều được ban cấp sắc phong, chuẩn cho thờ phụng. Năm Tự Đức thứ 31, đứng lễ từ ngũ tuần đại khánh của trăm, từng ban cho bảo chiếu mở rộng ơn trên, lễ tốt đẹp nên xét thứ bậc, đặc biệt chuẩn cho thờ phụng như cũ đề ghi nhớ ngày quốc khánh mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Hãy kính lạy.

Ngày 24 tháng 11 niên hiệu Tự Đức 33 (1880).

Sắc phong số 5 dưới đời vua Khải Định vào ngày 25/7/1924, sắc phong cho vị thần Đương cảnh Thành hoàng Lục Lộ Đại vương.

Phiên âm:

Sắc Ninh Bình tỉnh, Gia Khánh huyện, Cổ Loan xã, tòng tiền phụng sự nguyên tặng Dực bảo Trung hưng Linh phù Đương cảnh Thành hoàng Lục Lộ Tôn thần, hộ quốc tú dân, năm trứ linh ứng. Tứ kim chính trực trăm tứ tuần đại khánh tiết, kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật, trứ gia tặng Tĩnh hậu

Trung đẳng thần, đặc chuẩn phụng sự dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển.
Khâm tai.

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho xã Cổ Loan, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, theo trước thờ phụng vị thần Đương cảnh Thành hoàng Lục Lộ Đại vương, nguyên được ban tặng các mỹ tự là Dực bảo Trung hưng Linh phù. Thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp sắc phong chuẩn cho thờ phụng. Đến nay, đúng lễ tứ tuần đại khánh của trẫm, từng ban cho bảo chiếu mở rộng ơn trên, lễ tốt đẹp nên xét thứ bậc, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Tinh hậu Trung đẳng thần, đặc biệt chuẩn cho thờ phụng để ghi nhớ ngày quốc khánh mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Hãy kính lạy.

Ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định 9 (1924).

Phụ lục 4. Sắc phong ở đền Sặt (số lượng: 09 sắc phong)

Sắc phong số 1 ngày 26 tháng 7 niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783), sắc cho Quý Minh Đại Vương, tặng thêm mỹ tự cho thần là Đương cảnh Thành hoàng Quý Minh Anh thanh Tuấn vọng Tráng liệt Đại vương.

Phiên âm:

Sắc Đương cảnh Thành hoàng Quý Minh Đại vương. Anh đực cức sơn xuyên, tú chung hà hải, cao phối thiên, hậu phối địa, huyền hóa mậu tham, hách quyết thanh, trạc quyết linh, minh cơ diệu vận, nắm trứ thần công chi hiển, ung tái kê duệ hiệu dĩ bao phong. Vị tự vương, tiến phong vương vị, lâm cư chính phủ, lễ hữu đẳng trật ung gia phong mỹ tự tam tự khả gia phong Đương cảnh Thành hoàng Minh Anh thanh Tuấn vọng Tráng liệt đại vương. Cố sắc.

Cảnh Hưng tứ thập tứ niên thất nguyệt nhị thập lục nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc Đương cảnh Thành hoàng Quý Minh Đại Vương, núi sông nuôi dưỡng tinh túy, nước non hun đúc anh linh, cao sánh với trời, dày so cùng đất, anh thanh hiển hách, rực rỡ linh thiêng, đã nhuần thấu cơ trời màu nhiệm, nghĩ đến công lao to lớn của thần nên xét duệ hiệu để bao phong. Vì [trẫm] đẳng quang ngôi báu, ngự vào chính phủ, lễ có tăng cấp bậc nên tặng thêm 3 chữ mỹ tự, đáng được tặng thêm là Đương cảnh Thành hoàng Quý Minh Anh thanh Tuấn vọng Tráng liệt Đại vương. Cho nên ban sắc.

Ngày 26 tháng 7 niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783).

Sắc phong số 2 ngày 4 tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 5 (1824), cho Quý Minh Đại Vương, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Trung lượng

Phiên âm:

Sắc Quý Minh chi thần, hộ quốc tỵ dân, nẫm trứ công đức, kinh hữu lịch triều phong tặng. Phụng ngã Thế Tổ Cao Hoàng Đế thống nhất hải vũ, khánh bị thần nhân. Tứ kim, phi ung cảnh mệnh, quang thiệu hồng đồ, miến niệm thần hưu, cái long ân điển, khả gia tặng Trung Lượng chi thần. Chuẩn hứa Gia Viễn huyện Hoàng Sơn xã y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Minh Mệnh ngũ niên thập nhị nguyệt sơ tứ nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho thần Quý Minh, thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ công đức, từng được phong tặng qua các triều đại, lại phù giúp Thế Tổ Cao Hoàng đế ta thống nhất bờ cõi, mang phúc đến cho cả thần nhân. Cho nên nay vâng theo mệnh trời, noi theo hồng đồ, xa nghĩ đến công che chở của thần, xét ân điển để bao phong, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Trung Lượng. Chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn phụng thờ thần như cũ. Mong thần hãy trông coi, giúp đỡ, che chở dân đen của ta. Hãy kính lấy.

Ngày 4 tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 5 (1824).

Sắc phong số 3 ngày 12 tháng 5 niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1844), sắc cho Quý Minh Đại Vương, tặng thêm mỹ tự cho thần là Trung lượng Linh diệu, vẫn chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn thờ phụng như cũ.

Phiên âm:

Sắc Trung lượng Quý Minh chi thần, hộ quốc tỵ dân, niệm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc, chuẩn hứa phụng sự. Minh Mệnh nhị thập nhất niên trị ngã Thánh tổ Nhân Hoàng đế ngũ tuần đại khánh tiết, khâm phụng bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật. Tứ kim phi ung cảnh mệnh, miến niệm thần hưu, khả gia tặng Trung lượng Linh diệu chi thần. Nhưng chuẩn hứa Gia Viễn huyện Hoàng Sơn xã y cựu phụng sự thần kỳ tương bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Thiệu Trị tứ niên ngũ nguyệt thập nhị nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho thần Quý Minh từng được ban tặng mỹ tự là Trung lượng, thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp tặng sắc chuẩn cho thờ phụng. Niên hiệu Minh Mệnh thứ 21 (1840), đúng dịp đại lễ ngũ tuần (tức lễ mừng thọ 50 tuổi) của Thánh tổ Nhân hoàng đế ta đã ban cho bảo

chiếu mở rộng ơn trên, lễ tốt đẹp nên tăng cấp bậc. Cho nên nay vâng theo mệnh trời, xa nghĩ đến công che chở của thần, đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Trung lượng Linh diệu. Vẫn chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viên thờ phụng thần như cũ, mong thần hãy trông coi, giúp đỡ, che chở dân đen của ta. Hãy kính lấy.

Ngày 12 tháng 5 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Sắc phong số 4 ngày 18 tháng 6 niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1844), sắc cho Quý Minh Đại Vương, tặng thêm mỹ tự cho thần là Trung lượng Linh diệu Địch cát, vẫn chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viên phụng thờ như cũ;

Phiên âm:

Sắc Trung Lượng Linh Diệu Quý Minh chi thần. Hộ quốc ty dân, niệm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc, chuẩn hứa phụng sự. Tứ kim phi ung cảnh mệnh, miễn niệm thần hưu, khả gia tặng Trung lượng Linh diệu Địch cát chi thần. Nhưng chuẩn hứa Gia Viên huyện Hoàng Sơn xã y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Thiệu Trị tứ niên lục nguyệt thập bát nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho thần Quý Minh từng được ban tặng mỹ tự là Trung lượng Linh diệu, thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp tặng sắc chuẩn cho thờ phụng. Cho nên nay vâng theo mệnh trời, xa nghĩ đến công che chở của thần, đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Trung lượng Linh diệu Địch cát. Vẫn chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viên thờ phụng thần như cũ, mong thần hãy trông coi, giúp đỡ, che chở dân đen của ta. Hãy kính lấy.

Ngày 18 tháng 6 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Sắc phong số 5 ngày 26 tháng 11 niên hiệu Tự Đức thứ 3 (1850), sắc cho Quý Minh Đại Vương, được tặng thêm mỹ tự là Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuần tỉnh Thượng đẳng thần;

Phiên âm:

Sắc Quý Minh Tôn thần nguyên tặng Trung lượng Linh diệu Địch cát chi thần, hộ quốc ty dân niệm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc, chuẩn hứa phụng sự. Tứ kim phi ung cảnh mệnh, miễn niệm thần hưu, khả gia tặng Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuần tỉnh Thượng đẳng thần. Nhưng chuẩn Gia Viên huyện, Hoàng Sơn xã y cựu phụng sự, thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Tự Đức tam niên thập nhất nguyệt nhị thập lục nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho thần Quý Minh nguyên được tặng mỹ tự là Trung lượng Linh diệu Địch cát. Thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp tặng sắc, chuẩn cho phụng thờ. Cho nên nay vâng theo mệnh trời, xa nghĩ đến công lao của thần, đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuấn tĩnh Thượng đẳng thần. Vẫn chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn phụng thờ thần như cũ, mong thần hãy trông coi, giúp đỡ, che chở dân đen của ta. Hãy kính lạy.

Ngày 26 tháng 11 năm Tự Đức thứ 3 (1850)

Sắc phong số 6 ngày 24 tháng 11 niên hiệu Tự Đức thứ 33 (1880), sắc cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, theo trước thờ phụng vị thần là Quý Minh, thần từng được ban tặng mỹ tự, chuẩn cho phụng thờ như cũ;

Phiên âm:

Sắc chỉ Ninh Bình tỉnh Gia Viễn huyện Hoàng Sơn xã, tòng tiền phụng sự Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuấn tĩnh Quý Minh Thượng đẳng thần. Tiết kinh ban cấp sắc phong, chuẩn kỳ phụng sự. Tự Đức tam thập nhất niên, chính trị trăm ngũ tuần đại khánh tiết, kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật. Đặc chuẩn hứa y cựu phụng sự, dụng chí quốc khánh, nhi thân tự điển. Khâm tai.

Tự Đức tam thập tam niên thập nhất nguyệt nhị thập tứ nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc chỉ cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình từ trước đến nay phụng thờ vị thần Quý Minh Thượng đẳng thần, [thần từng được ban tặng mỹ tự] Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuấn tĩnh. [Trải qua các triều đại] thần từng được ban cấp sắc phong, chuẩn cho phụng thờ. Niên hiệu Tự Đức thứ 31, đúng dịp đại lễ ngũ tuần của trăm, từng ban cho bảo chiếu mở rộng ơn trên, lễ tốt đẹp nên tăng cấp bậc. Đặc biệt chuẩn cho phụng thờ như cũ để ghi nhớ ngày quốc khánh mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Hãy kính lạy!

Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880).

Sắc phong số 7 ngày 1 tháng 7 niên hiệu Đồng Khánh thứ 2 (1887), sắc cho Quý Minh Đại Vương, được tặng thêm mỹ tự là Dực bào Trung hưng Thượng đẳng thần, vẫn chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình phụng thờ như cũ;

Phiên âm:

Sắc Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuấn tĩnh Quý Minh Thượng đẳng thần, hướng lai hộ quốc tỵ dân, niệm trú linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc lưu tự. Tứ kim phi ung cảnh mệnh, miễn niệm thần hưu khả gia tặng Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần. Nhưng chuẩn hứa Ninh Bình tỉnh, Gia Viễn huyện, Hoàng Sơn xã y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Đồng Khánh nhị niên thất nguyệt sơ nhất nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho Quý Minh Thượng đẳng thần [nguyên được ban tặng các mỹ tự là] Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuấn tĩnh, từ trước đến nay thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, thần từng được ban cấp tặng sắc lưu lại thờ tự.

Cho nên nay vâng theo mệnh trời, xa nghĩ đến công che chở của thần, xứng đáng tặng thêm mỹ tự cho thần là Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần. Vẫn chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thờ phụng thần như cũ, mong thần hãy trông coi, giúp đỡ, gìn giữ dân đen ta. Hãy kính lạy.

Ngày mùng 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887).

Sắc phong số 8 ngày 11 tháng 8 niên hiệu Duy Tân thứ 3 (1909), sắc cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, theo trước thờ phụng vị thần được ban tặng mỹ tự là Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuấn tĩnh Dực bảo Trung hưng, chuẩn cho thờ phụng như cũ;

Phiên âm:

Sắc chỉ Ninh Bình tỉnh Gia Viễn huyện Hoàng Sơn xã tòng tiền phụng sự Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuấn tĩnh Dực bảo Trung hưng Quý Minh Thượng đẳng thần, Dực bảo Trung hưng Linh phù Đương cảnh Thành hoàng Hộ uy Đại vương chi thần, tiết kinh ban cấp sắc phong, chuẩn hứa phụng sự. Duy Tân nguyên niên, tấn quang đại lễ, kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật, đặc chuẩn y cựu phụng sự dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển. Khâm tai.

Duy Tân tam niên bát nguyệt thập nhất nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc chỉ cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình từ trước đến nay phụng thờ:

- Thần Quý Minh Thượng đẳng thần [từng được ban tặng các mỹ tự là] Trung lượng Linh diệu Địch cát Tuấn tểnh Dực bảo Trung hưng;

- Thần Đương cảnh Thành hoàng Hộ uy Đại vương [từng được ban tặng các mỹ tự là] Dực bảo Trung hưng Linh phù.

Các thần từng được ban cấp sắc phong chuẩn cho thờ phụng. Niên hiệu Duy Tân năm thứ nhất (1907), nhân dịp đại lễ lên ngôi của trẫm, từng ban cho bảo chiếu mở rộng ơn trên, lễ tốt đẹp nên tăng cấp bậc, đặc biệt chuẩn cho thờ phụng như cũ để ghi nhớ ngày quốc khánh mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Hãy kính lấy.

Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (1909).

Sắc phong số 9 ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924), sắc cho Quý Minh Đại Vương, nguyên được ban tặng các mỹ tự là Trung lượng Linh diệu Địch cát Khác tểnh Dực bảo Trung hưng, vẫn chuẩn cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình phụng thờ như cũ;

Phiên âm:

Sắc Ninh Bình tỉnh Gia Viễn huyện Hoàng Sơn xã, tông tiên phụng sự nguyên tặng Trung lượng Linh diệu Địch cát Khác tểnh Dực bảo Trung hưng Quý Minh Thượng đẳng thần, hộ quốc tể dân, niệm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự. Tứ kim chính trị trẫm tứ tuần đại khánh tiết kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đẳng trật, đặc chuẩn y cựu phụng sự dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển. Khâm tai.

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc cho xã Hoàng Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình theo trước phụng thờ vị thần Quý Minh Thượng đẳng thần, thần nguyên được ban tặng các mỹ tự là Trung lượng Linh diệu Địch cát Khác tểnh Dực bảo Trung hưng, thần bảo vệ cho nước, che chở cho dân, hiển rõ linh ứng, từng được ban cấp sắc phong và chuẩn cho phụng thờ. Nay nhân dịp khánh lễ tứ tuần (lễ mừng thọ 40 tuổi) của trẫm, đã ban cho bảo chiếu mở rộng ơn trên, lễ tốt đẹp nên tăng cấp bậc, đặc biệt chuẩn cho thờ phụng như cũ để ghi nhớ ngày quốc khánh mà tỏ rõ phép tắc thờ tự. Hãy kính lấy.

Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924).

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



Hình 2.1.1. Khai mạc hội làng Hoàng Sơn, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình

(Nguồn: Báo và đài phát thanh – Truyền hình Ninh Bình)



2.1.2. Lễ Hội tại đình làng Hoàng Sơn

(Nguồn: Báo và đài phát thanh – Truyền hình Ninh Bình)



2.2.1. Ban thờ của Hoa Dung công chúa
(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 9 tháng 3 năm 2025)



2.2.2. Chuông ở đền Hạ
(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 9 tháng 3 năm 2025)



2.3.1. Sân trước đền Đức Thánh Trần
(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 9 tháng 3 năm 2025)



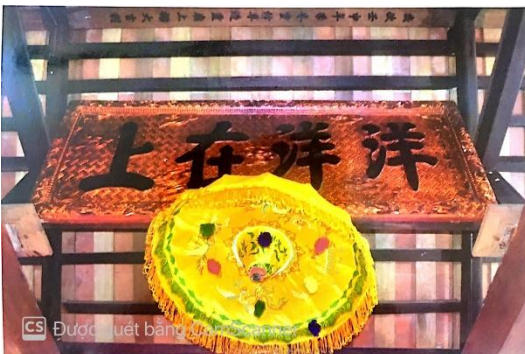
2.3.2. Ban thờ Hùng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn
(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 9 tháng 3 năm 2025)



2.4.1. Ngai thờ trên ban thờ Lục Lô
Đại Vương



2.4.2. Mũ thờ trên ban thờ Lục Lô
Đại Vương



2.4.3. Kết cấu gỗ tòa hậu cung



2.4.4. Ban thờ Lục Lô Đại Vương



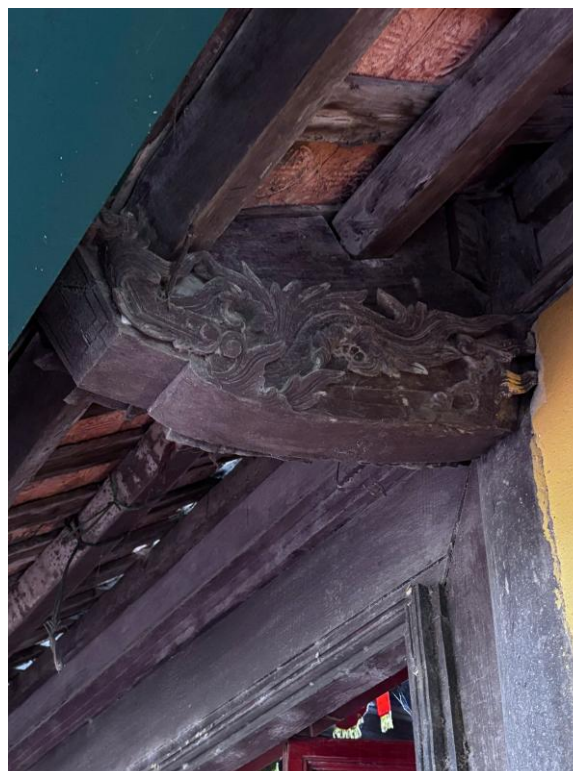
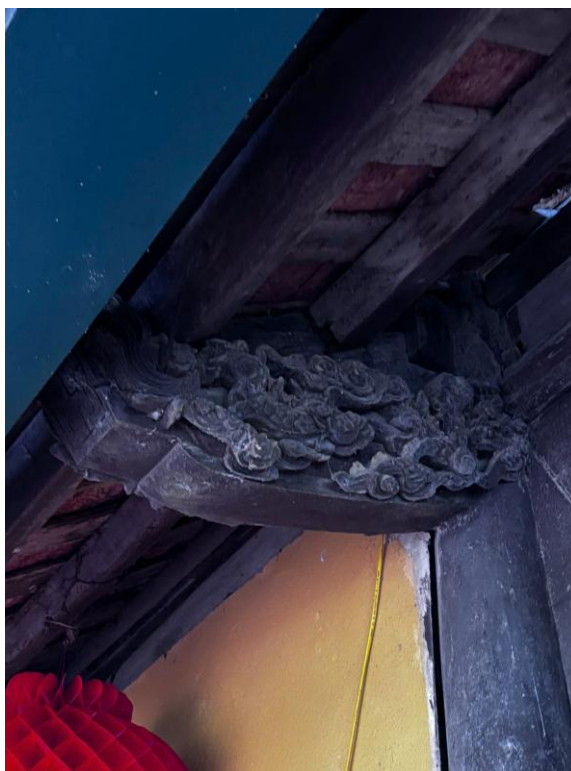
2.4.5. Sắc phong và hòm đựng sắc phong tại đền Vua Lô



(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 23 tháng 3 năm 2025)



2.5.1. Bức hoành phi của đền Sắt
(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 6 tháng 4 năm 2025)



2.5.2. Các mảng chạm, khắc tại đền Sắt
(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 6 tháng 4 năm 2025)



2.7.1. Sân trước chùa Phúc Sơn
(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 13 tháng 4 năm 2025)



2.7.2. Các ban thờ tại chùa Phúc Sơn
(Lê Thị Hoài Hương chụp ngày 13 tháng 4 năm 2025)